

TỔNG HỢP DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG
(Kèm theo Phương án số 8760/PA-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
	TỔNG SỐ	3.963.278	23.960,71	2.773	936.003	1.377		936.003	1.396	1.648	46	855	224	1320	57	331	88
1	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	108.380	73,45	77	28444	37		28444	40	56	0	17	4	37	0	0	2
1	Tổ dân phố Dồi Đình				297		Tổ dân phố Nguyễn Văn Trỗi	884	2	1				1			
2	Tổ dân phố Nguyễn Văn Trỗi				230					1							
3	Tổ dân phố Phan Bội Châu				357					1							
4	Tổ dân phố Đoàn Kết				446		Tổ dân phố Hòa Bình	796	1	1				1			
5	Tổ dân phố Hòa Bình				350					1							
6	Tổ dân phố Nam Kỳ Khởi Nghĩa				341		Tổ dân phố Ánh Sáng	819	1	1				1			
7	Tổ dân phố Ánh Sáng				478							1					
8	Tổ dân phố Đa Hòa				440		Tổ dân phố Đa Hòa	774	2	1				1			
9	Tổ dân phố Mimosa				192					1							
10	Tổ dân phố Hàm Nghi				142					1							
11	Tổ dân phố Trung Vương				265		Tổ dân phố Tô Ngọc Vân	613	1	1				1			
12	Tổ dân phố Tô Ngọc Vân				348					1							
13	Tổ dân phố Bùi Thị Xuân 1				193		Tổ dân phố Lý Tự Trọng	802	2	1				1			
14	Tổ dân phố Võ Thị Sáu				393					1							
15	Tổ dân phố Lý Tự Trọng				216					1							
16	Tổ dân phố Nguyễn Thị Nghĩa				193		Tổ dân phố Bùi Thị Xuân	565	1	1				1			
17	Tổ dân phố Bùi Thị Xuân 2				372					1							
18	Tổ dân phố Nguyễn Lương Bằng				372		Tổ dân phố Mỹ Lộc	844	2	1				1			
19	Tổ dân phố Mỹ Lộc				317					1							
20	Tổ dân phố Cổ Loa				155					1							
21	Tổ dân phố An Dương Vương				277		Tổ dân phố Phan Đình Phùng	887	3	1				1			
22	Tổ dân phố Phan Đình Phùng 1				156					1							
23	Tổ dân phố Phan Đình Phùng 2				231					1							
24	Tổ dân phố Nguyễn Công Trứ				223					1							
25	Tổ dân phố Phạm Ngũ Lão				374		Tổ dân phố Phạm Ngũ Lão	645	1	1				1			
26	Tổ dân phố Lê Đại Hành				271					1							
27	Tổ dân phố An Lạc 2				478		Tổ dân phố Trần Phú	959	1			1		1			
28	1 phần Tổ dân phố Trần Phú				481							1					
29	1 phần Tổ dân phố Trần Phú				50		Tổ dân phố Xuân An	911	1					1			
30	Tổ dân phố Xuân An				503							1					
31	Tổ dân phố Suối Cát				358					1							
32	Tổ dân phố Nhà Chung				277		Tổ dân phố Hà Huy Tập	650	1	1				1			
33	Tổ dân phố Hà Huy Tập 1				373					1							
34	Tổ dân phố Hà Huy Tập 2				233		Tổ dân phố Tân Bình	821	2	1				1			
35	Tổ dân phố Tân Bình				287					1							
36	Tổ dân phố Lương Thế Vinh				301					1							
37	Tổ dân phố Ba Tháng Tư				492		Tổ dân phố Ba Tháng Tư	592	0			1		1			
38	1 phần Tổ dân phố Đặng Thái Thân				100							1					
39	1 phần Tổ dân phố Đặng Thái Thân				393		Tổ dân phố Đặng Thái Thân	682	1					1			
40	Tổ dân phố Nguyễn Tri Phương				289					1							
41	Tổ dân phố An Bình 1				239		Tổ dân phố An Bình	729	2	1				1			
42	Tổ dân phố An Bình 2				189					1							
43	1 phần Tổ dân phố Nguyễn Trung Trực 2				301					1							
44	1 phần Tổ dân phố Nguyễn Trung Trực 2				13		Tổ dân phố Nguyễn Trung Trực	866	0			1		1			
45	Tổ dân phố Nguyễn Trung Trực 1				853												
46	Tổ dân phố Tô Hiến Thành				325		Tổ dân phố Tân Lạc	821	1	1				1			
47	Tổ dân phố Tân Lạc				496							1					
48	Tổ dân phố Prenn				301		Tổ dân phố Prenn	602	1	1				1			
49	Tổ dân phố Sở Lãng				301					1							
50	Tổ dân phố Trường Chinh				586		Tổ dân phố Trường Chinh	1.097	1			1		1			1
51	Tổ dân phố Thiên Thành				511							1					
52	Tổ dân phố Mạc Đình Chi 1				534		Tổ dân phố Mạc Đình Chi	914	1			1		1			
53	Tổ dân phố Mạc Đình Chi 2				380					1							
54	Tổ dân phố Huỳnh Thúc Kháng				410		Tổ dân phố Huỳnh Thúc Kháng	942	1	1				1			
55	Tổ dân phố Trần Lê				532							1					
56	Tổ dân phố Thiện Mỹ				537		Tổ dân phố Đồng Tâm	1.064	1			1		1			1
57	Tổ dân phố Đồng Thiện				527							1					
58	Tổ dân phố Ngô Thị Nhậm				495		Tổ dân phố Nam Thiên	939	1			1		1			
59	Tổ dân phố Nam Thiên				444					1							
60	Tổ dân phố Huyền Trân Công Chúa				475		Tổ dân phố Ngô Thị Sỹ	989	1			1		1			
61	Tổ dân phố Ngô Thị Sỹ				514							1					
62	Tổ dân phố Lê Hồng Phong				427		Tổ dân phố Lê Hồng Phong	841	1	1				1			
63	Tổ dân phố An Lạc 1				414					1							
64	Tổ dân phố Đa Lợi				253		Tổ dân phố Hoàng Hoa Thám	515	1	1				1			
65	Tổ dân phố Hoàng Hoa Thám				262					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
63	Tổ dân phố Yên Thế				225		Tổ dân phố Trần Quang Diệu	683	2	1				1			
64	Tổ dân phố Trần Quang Diệu				243					1							
65	Tổ dân phố Trần Thái Tông				215					1							
66	Tổ dân phố Trần Quý Cáp				279		Tổ dân phố Trần Quý Cáp	531	1	1				1			
67	Tổ dân phố Hồng Lạc				252					1							
68	Tổ dân phố Lê Văn Tám				256		Tổ dân phố Khe Sanh	614	1	1				1			
69	Tổ dân phố Khe Sanh				358					1							
70	Tổ dân phố Nhất Thống				265		Tổ dân phố Yersin	506	1	1				1			
71	Tổ dân phố Yersin				241					1							
72	Tổ dân phố Trần Hưng Đạo				299		Tổ dân phố Trần Hưng Đạo	733	1	1				1			
73	Tổ dân phố Khởi Nghĩa Bắc Sơn				434					1							
74	Tổ dân phố Nguyễn Du				858		Tổ dân phố Nguyễn Du	858	0				1	1			
75	Tổ dân phố An Sơn 1				584		Tổ dân phố An Sơn 1	584	0				1	1			
76	Tổ dân phố An Sơn 2				657		Tổ dân phố An Sơn 2	657	0				1	1			
77	Tổ dân phố Phạm Hồng Thái				715		Tổ dân phố Phạm Hồng Thái	715	0				1	1			
2	Phường Cam Ly - Đà Lạt	51.792	80,94	35	16111	16		16111	19	23	0	9	3	16	0	0	9
1	Tổ dân phố Vạn Thành				634		Tổ dân phố Vạn Thành	1314	1			1		1			1
2	Tổ dân phố Vạn Thành 1				680							1					
3	Tổ dân phố Lê Lai				369		Tổ dân phố Lê Lai	816	1	1				1			
4	Tổ dân phố Yết Kiêu				447					1							
5	Tổ dân phố Hải Thượng				305		Tổ dân phố Hải Thượng	731	1	1				1			
6	Tổ dân phố Lê Quý Đôn				426					1							
7	Tổ dân phố Hoàng Diệu				640		Tổ dân phố Hoàng Diệu	962	1			1		1			
8	Tổ dân phố Mỹ Thành				322					1							
9	Tổ dân phố Cam Ly				340		Tổ dân phố Cam Ly	707	1	1				1			
10	Tổ dân phố Ma Trang Sơn				367					1							
11	Tổ dân phố Đa Minh				327		Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ	1030	2	1				1			1
12	Tổ dân phố Du Sinh				298					1							
13	Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ				405					1							
14	Tổ dân phố 3				519		Tổ dân phố Tô Vĩnh Diện	1514	2			1		1			1
15	Tổ dân phố 4				439					1							
16	Tổ dân phố 2				556		Tổ dân phố Ngô Quyền	1038	1			1		1			1
17	Tổ dân phố 7				597					1							
18	Tổ dân phố 5				441					1							
19	Tổ dân phố 1				354		Tổ dân phố Hùng Vương	1182	2	1				1			1
20	Tổ dân phố 6				550							1					
21	Tổ dân phố 12				278					1							
22	Tổ dân phố 21				429		Tổ dân phố Hai Bà Trưng	1209	2	1				1			1
23	Tổ dân phố 18				335					1							
24	Tổ dân phố 22				445					1							
25	Tổ dân phố 11				741		Tổ dân phố Thi Sách	1036	1			1		1			1
26	Tổ dân phố 20				295					1							
27	Tổ dân phố Tà Nung 1				172		Tổ dân phố Nam Tà Nung	1087	3	1				1			1
28	Tổ dân phố Tà Nung 2				430					1							
29	Tổ dân phố Tà Nung 3				195					1							
30	Tổ dân phố Tà Nung 4				290					1							
31	Tổ dân phố Tà Nung 5				276		Tổ dân phố Bắc Tà Nung	767	1	1				1			
32	Tổ dân phố Tà Nung 6				491							1					
33	Tổ dân phố 8				875		Tổ dân phố Nguyễn An Ninh	875	0				1	1			
34	Tổ dân phố 9				1149		Tổ dân phố Mai Hắc Đế	1149	0				1	1			1
35	Tổ dân phố Vườn Ươm				694		Tổ dân phố Phan Chu Trinh	694	0				1	1			
3	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	100.342	35,04	49	12540	17		12540	32	47	0	1	1	17	0	0	1
1	Tổ dân phố Đa Thiện 1				423		Tổ dân phố Đa Thiện	747	1	1				1			
2	Tổ dân phố Đa Thiện 2				324					1							
3	Tổ dân phố Mai Anh Đào				176		Tổ dân phố Mai Anh Đào	558	2	1				1			
4	Tổ dân phố Trần Đại Nghĩa				161					1							
5	Tổ dân phố Vòng Lâm Viên				221		Tổ dân phố Nguyễn Tử Lực 2	713	1			1		1			
6	Tổ dân phố Nguyễn Tử Lực 2				461					1							
7	Tổ dân phố Nguyễn Tử Lực 4				252		Tổ dân phố Phù Đồng Thiên Vương	719	2	1				1			
8	Tổ dân phố Phù Đồng Thiên Vương				341					1							
9	Tổ dân phố Nghệ Tĩnh 1				236					1							
10	Tổ dân phố Nghệ Tĩnh 2				142					1							
11	Tổ dân phố Hà Đông 1				277		Tổ dân phố Hà Đông	750	2	1				1			
12	Tổ dân phố Hà Đông 2				258					1							
13	Tổ dân phố Hà Đông 3				215					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
14	Tổ dân phố Nghệ Tĩnh 3				238		Tổ dân phố Nghệ Tĩnh	605	2	1				1			
15	Tổ dân phố Nghệ Tĩnh 4				204					1							
16	Tổ dân phố Nghệ Tĩnh 5				163					1							
17	Tổ dân phố Hùng Vương				421					1							
18	Tổ dân phố 1 Hồ Xuân Hương				151		Tổ dân phố Hùng Vương	706	2	1				1			
19	Tổ dân phố 2 Hồ Xuân Hương				134					1							
20	Tổ dân phố 1 Phan Chu Trinh				92					1							
21	Tổ dân phố 2 Phan Chu Trinh				138					1							
22	Tổ dân phố 3 Phan Chu Trinh				104		Tổ dân phố Phan Chu Trinh	474	3	1				1			
23	Tổ dân phố 4 Phan Chu Trinh				140					1							
24	Tổ dân phố 1 Mê Linh				395					1							
25	Tổ dân phố 2 Mê Linh				322					1							
26	Tổ dân phố 1 Lâm Viên				94		Tổ dân phố Mê Linh	902	3	1				1			
27	Tổ dân phố 2 Lâm Viên				91					1							
28	Tổ dân phố 1 Lữ Gia				323					1							
29	Tổ dân phố 3 Lữ Gia				345					1							
30	Tổ dân phố 5 Lữ Gia				387		Tổ dân phố Lữ Gia	1055	2	1				1			1
31	Tổ dân phố 1 Chi Lăng				234					1							
32	Tổ dân phố 2 Chi Lăng				153					1							
33	Tổ dân phố 3 Chi Lăng				157					1							
34	Tổ dân phố 4 Chi Lăng				249		Tổ dân phố Chi Lăng	793	3	1				1			
35	Tổ dân phố Nguyễn Du				178					1							
36	Tổ dân phố 1 Quang Trung				358					1							
37	Tổ dân phố 2 Quang Trung				396					1							
38	Tổ dân phố 1 Nguyễn Đình Chiểu				387		Tổ dân phố Nguyễn Đình Chiểu	702	1	1				1			
39	Tổ dân phố 2 Nguyễn Đình Chiểu				315					1							
40	Tổ dân phố Thái Hoà				249		Tổ dân phố Hồ Than Thở	678	2	1				1			
41	Tổ dân phố Thái Thịnh				234					1							
42	Tổ dân phố Hồ Than Thở				195					1							
43	Tổ dân phố Thái Phước				321		Tổ dân phố Thái Phiên	822	3	1				1			
44	Tổ dân phố Thái Phiên				204					1							
45	Tổ dân phố Thái Phát				164					1							
46	Tổ dân phố Thái Bình				133					1							
47	Tổ dân phố Hòn Bò				126		Tổ dân phố Hòn Bò	509	1	1				1			
48	Tổ dân phố Thái An				383					1							
49	Tổ dân phố Nguyễn Từ Lực 1				875		Tổ dân phố Nguyễn Từ Lực 1	875	0			1	1				
4	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	37.416	163,83	29	10192	12		10192	17	22	0	7	0	12	0	0	4
1	Tổ dân phố Tự Tạo 2				321		Tổ dân phố Xuân Thành	1002	1	1				1			1
2	Tổ dân phố Xuân Thành				681							1					
3	Tổ dân phố Tự Tạo 1				316		Tổ dân phố Tự Tạo	1033	2	1				1			1
4	Tổ dân phố Tự Tạo 3				224												
5	Tổ dân phố Đa Phước 1				493							1					
6	Tổ dân phố Trại Mát				415		Tổ dân phố Trại Mát	892	1	1				1			
7	Tổ dân phố Đa Phước 2				477							1					
8	Tổ dân phố Tây Hồ 1				408		Tổ dân phố Tây Hồ	723	1	1				1			
9	Tổ dân phố Tây Hồ 2				315					1							
10	Tổ dân phố Huỳnh Tấn Phát				299		Tổ dân phố Sào Nam	1137	2	1				1			1
11	Tổ dân phố Lâm Văn Thanh				384					1							
12	Tổ dân phố Sào Nam				454							1					
13	Tổ dân phố Đa Quý				282		Tổ dân phố Đa Lộc	1380	2	1				1			1
14	Tổ dân phố Đa Lộc				553							1					
15	Tổ dân phố Lộc Quý				545							1					
16	Tổ dân phố Túy Sơn				252		Tổ dân phố Đa Thọ	684	1	1				1			
17	Tổ dân phố Đa Thọ				432					1							
18	Tổ dân phố Xuân Sơn				260		Tổ dân phố Xuân Sơn	591	1	1				1			
19	Tổ dân phố Trường An				331					1							
20	Tổ dân phố Đất Lãng				119		Tổ dân phố Trường Xuân	732	2	1				1			
21	Tổ dân phố Trường Xuân 1				291					1							
22	Tổ dân phố Trường Xuân 2				322					1							
23	Tổ dân phố Cầu Đất				230		Tổ dân phố Cầu Đất	528	2	1				1			
24	Tổ dân phố Trường Vinh				128					1							
25	Tổ dân phố Trường Sơn				170					1							
26	Tổ dân phố Trường Tho				391		Tổ dân phố Phát Chi	885	1	1				1			
27	Tổ dân phố Phát Chi				494							1					
28	Tổ dân phố Trạm Hành 1				389		Tổ dân phố Trạm Hành	605	1	1				1			
29	Tổ dân phố Trạm Hành 2				216					1							
5	Phường Lang Biang - Đà Lạt	41.121	322,64	29	11223	14		11223	15	20	0	9	0	12	2	0	4
1	Tổ dân phố Đồng Tâm				173		Tổ dân phố B'Nor A	949	3	1				1			
2	Tổ dân phố Đăng Lèn				284					1							
3	Tổ dân phố B'Nor A				190					1							
4	1 phần Tổ dân phố Hợp Thành				302		Tổ dân phố Đan Kia	1008	1	1				1			1
	1 phần Tổ dân phố Hợp Thành				15												
5	Tổ dân phố B'Nor B				401							1					
6	Tổ dân phố Đan Kia				592		Tổ dân phố Bon Đưng	824	2			1		1			
7	Tổ dân phố Đăng Gia				259					1							
8	Tổ dân phố Bon Đưng I				354					1							
9	Tổ dân phố Bon Đưng II				211					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
10	Tổ dân phố ĐăngGia Dết B				605		Tổ dân phố Lang Biang	1023	1			1		1			1
11	Tổ dân phố Lang Biang				418					1							
12	Tổ dân phố Đa Nghị				230		Tổ dân phố Đa Nghị	470	1	1				1			
13	Tổ dân phố Đa Nghị I				240					1							
14	Tổ dân phố Păng Tiêng				165		Tổ dân phố Păng Tiêng	290	1	1					1		
15	Tổ dân phố Păng Tiêng I				125					1							
16	Tổ 1 Cao Bá Quát				279		Tổ dân phố Cao Bá Quát	891	2	1				1			
17	Tổ 2 Cao Bá Quát				315					1							
18	Tổ 3 Cao Bá Quát				297					1							
19	Tổ dân phố Thánh Mẫu				800		Tổ dân phố Thánh Mẫu	1050	1			1		1			1
20	1 phần Tổ dân phố Nguyễn Siêu				250							1					
21	1 phần Tổ dân phố Nguyễn Siêu				584		Tổ dân phố Đa Thành	1141	0					1			1
22	Tổ dân phố Tùng Lâm				557							1					
23	Tổ dân phố Đa Phú				432		Tổ dân phố Tùng Lâm	914	1	1				1			
24	Tổ dân phố 1 Phước Thành				482							1					
25	1 phần Tổ dân phố 2 Phước Thành				420		Tổ dân phố Phước Thành	848	1	1				1			
26	1 phần Tổ dân phố 2 Phước Thành				20		Tổ dân phố Măng Line	322	0						1		
27	Tổ dân phố Măng Line				302					1							
28	Tổ dân phố 1 Cao Thắng				460		Tổ dân phố Cao Thắng	834	1			1		1			
29	1 phần Tổ dân phố 2 Cao Thắng				374							1					
30	1 phần Tổ dân phố 2 Cao Thắng				120		Tổ dân phố Bạch Đằng	659	0					1			
31	Tổ dân phố Bạch Đằng				539							1					
6	Phường 1 Bảo Lộc	53.450	51,46	42	15419	21		15419	21	35	0	6	1	21	0	0	3
1	Tổ dân phố 1				373		Tổ dân phố 1	1115	2	1				1			1
2	Tổ dân phố 2				379					1							
3	Tổ dân phố 3				363					1							
4	Tổ dân phố 5				361		Tổ dân phố 2	912	4	1				1			
5	Tổ dân phố 7				267					1							
6	1 Phần Tổ dân phố 8				161					1							
7	1 Phần Tổ dân phố 9				28												
8	1 Phần Tổ dân phố 11				115					1							
9	1 Phần Tổ dân phố 8				121		Tổ dân phố 3	899		1				1			
10	1 Phần Tổ dân phố 9				172					1							
11	Tổ dân phố 10				376												
12	1 Phần Tổ dân phố 11				250												
13	Tổ dân phố 4				513		Tổ dân phố 4	1004	2			1		1			1
14	Tổ dân phố 6				448					1							
15	1 phần Tổ dân phố 13				51												
16	Tổ dân phố 12				378		Tổ dân phố 5	716		1				1			
17	1 phần Tổ dân phố 13				290					1							
18	Tổ dân phố 2 Lộc Phát				434		Tổ dân phố 6	577	1	1				1			
19	1 phần Tổ dân phố 15 Lộc Phát				143					1							
20	Tổ dân phố 1 Lộc Phát				432		Tổ dân phố 7	587		1				1			
21	1 phần Tổ dân phố 15 Lộc Phát				155												
22	Tổ dân phố 9 Lộc Phát				332		Tổ dân phố 9	1012	2	1				1			1
23	Tổ dân phố 10 Lộc Phát				297					1							
24	Tổ dân phố 11 Lộc Phát				383												
25	Tổ dân phố 3 Lộc Phát				501		Tổ dân phố 10	528	1			1		1			
26	1 phần Tổ dân phố 4 Lộc Phát				27					1							
27	Tổ dân phố 6 Lộc Phát				398		Tổ dân phố 11	709	1	1				1			
28	Tổ dân phố 7 Lộc Phát				281					1							
29	1 phần Tổ dân phố 4 Lộc Phát				227		Tổ dân phố 12	638						1			
30	Tổ dân phố 5 Lộc Phát				411					1							
31	Tổ dân phố 13 Lộc Phát				442		Tổ dân phố 13	858	2	1				1			
32	Tổ dân phố 14 Lộc Phát				211					1							
33	Tổ dân phố 19 Lộc Phát				235												
34	Tổ dân phố 16 Lộc Phát				219		Tổ dân phố 14	458	1	1				1			
35	Tổ dân phố 17 Lộc Phát				194												
36	1 phần Tổ dân phố 15 Lộc Phát				45												
37	Tổ dân phố 12 Lộc Phát				405		Tổ dân phố 15	733	1	1				1			
38	1 phần Tổ dân phố 18 Lộc Phát				328							1					
39	Tổ dân phố 20 Lộc Phát				314		Tổ dân phố 16	588	0	1				1			
40	1 phần Tổ dân phố 18 Lộc Phát				284												
41	1 phần Tổ dân phố Tân Bình 1				345		Tổ dân phố Tân Bình	705	1	1				1			
42	1 phần Tổ dân phố Tân Bình 2				350					1							
43	Tổ dân phố Thanh Xuân 2				536		Tổ dân phố Thanh Xuân 2	572				1		1			
44	1 phần Tổ dân phố Tân Bình 1				17												
45	1 phần Tổ dân phố Tân Bình 2				19												
46	Tổ dân phố Thanh Xuân 1				486		Tổ dân phố Thanh Xuân 1	801	1			1		1			
47	Tổ dân phố Thanh Hương 3				329					1							
48	Tổ dân phố Thanh Hương 2				505							1					
49	1 phần Tổ dân phố Thanh Hương 1				161		Tổ dân phố Thanh Hương	704	1	1				1			

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
20	Tổ dân phố Tân Hương 1				320		Tổ dân phố Tân Hương	753	1	1				1			
	Tổ dân phố Tân Hương 2				244					1							
	1 phần Tổ dân phố Thanh Hương 1				213												
21	Tổ dân phố 8 Lộc Phát				550		Tổ dân phố 8	550	0				1	1			
7	Phường 2 Bảo Lộc	46.534	176,72	44	14702	22		14702	22	37	0	2	5	22	0	0	1
1	Tổ dân phố 1				287		Tổ dân phố 1	599	1	1				1			
2	Tổ dân phố 2				312					1							
3	Tổ dân phố 4				409		Tổ dân phố 3	745	1	1				1			
4	Tổ dân phố 5				336					1							
5	Tổ dân phố 6				405		Tổ dân phố 4	1212	2	1				1			1
6	Tổ dân phố 7				342					1							
7	Tổ dân phố 8				465					0		1					
8	Tổ dân phố 9				413		Tổ dân phố 5	750	1	1				1			
9	Tổ dân phố 12				337					1							
10	Tổ dân phố 11				467		Tổ dân phố 7	829	1			1		1			
11	Tổ dân phố 21				362					1							
12	Tổ dân phố 13				363		Tổ dân phố 8	684	1	1				1			
13	Tổ dân phố 14				321					1							
14	Tổ dân phố 15				349		Tổ dân phố 9	720	1	1				1			
15	Tổ dân phố 18				371					1							
16	Tổ dân phố 16				339		Tổ dân phố 10	765	1	1				1			
17	Tổ dân phố 17				426					1							
18	Tổ dân phố 19				399		Tổ dân phố 11	685	1	1				1			
19	Tổ dân phố 20				286					1							
20	Tổ dân phố 24				279		Tổ dân phố 14	616	1	1				1			
21	Tổ dân phố 25				337					1							
22	Tổ dân phố 26				204		Tổ dân phố 15	634	2	1				1			
23	Tổ dân phố 29				275					1							
24	Tổ dân phố 30				155		Tổ dân phố 16	507	1	1				1			
25	Tổ dân phố 27				308					1							
26	Tổ dân phố 28				199		Tổ dân phố 17	606	2	1				1			
27	Tổ dân phố 31				291					1							
28	Tổ dân phố 32				108		Tổ dân phố 18	499	1	1				1			
29	Tổ dân phố 33				207					1							
30	Tổ dân phố 34				144		Tổ dân phố 19	574	2	1				1			
31	Tổ dân phố 35				355					1							
32	Tổ dân phố 36				217		Tổ dân phố 20	798	2	1				1			
33	Tổ dân phố 37				216					1							
34	Tổ dân phố 38				141		Tổ dân phố 22	744	1	1				1			
35	Tổ dân phố 39				211					1							
36	Tổ dân phố 40				209		Tổ dân phố 2	625	0				1	1			
37	Tổ dân phố 41				378					1							
38	Tổ dân phố 43				424		Tổ dân phố 6	502	0				1	1			
39	Tổ dân phố 44				320					1							
40	Tổ dân phố 3				625		Tổ dân phố 12	572	0				1	1			
41	Tổ dân phố 10				502		Tổ dân phố 13	490	0				1	1			
42	Tổ dân phố 22				572		Tổ dân phố 21	546	0				1	1			
43	Tổ dân phố 23				490												
44	Tổ dân phố 42				546												
8	Phường 3 Bảo Lộc	55.427	108,98	39	12695	18		12695	21	35	1	2	1	17	1	0	0
1	Tổ dân phố 1A				183		Tổ dân phố 1	871	3	1				1			
2	Tổ dân phố 1B				149					1							
3	Tổ dân phố 4B				253					1							
4	Tổ dân phố 8B				286					1							
5	Tổ dân phố 2				477		Tổ dân phố 2	834	1			1		1			
6	Tổ dân phố 7				357					1							
7	Tổ dân phố 3A				327		Tổ dân phố 3	539	1	1				1			
8	Tổ dân phố 3B				212					1							
9	Tổ dân phố 4A				173		Tổ dân phố 4	931	3	1				1			
10	Tổ dân phố 5A				196					1							
11	Tổ dân phố 5B				228					1							
12	Tổ dân phố 8A				334					1							
13	Tổ dân phố 6A				316		Tổ dân phố 5	647	1	1				1			
14	Tổ dân phố 6B				331					1							
15	Tổ dân phố Tân Thịnh				322		Tổ dân phố 6	681	1	1				1			
16	Tổ dân phố Tân Vượng				359					1							
17	Tổ dân phố Tân An				402		Tổ dân phố 7	637	1	1				1			
18	Tổ dân phố Tân Bình				235					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
19	Tổ dân phố Tân Lập				414		Tổ dân phố 8	760	1	1				1			
20	Tổ dân phố Tân Châu				346					1							
21	Tổ dân phố Tân Ninh				428		Tổ dân phố 9	799	1	1				1			
22	Tổ dân phố Ánh Mai 3				371					1							
23	Tổ dân phố Ánh Mai 1				363		Tổ dân phố 10	740	1	1				1			
24	Tổ dân phố Ánh Mai 2				377					1							
25	Tổ dân phố 3 Lộc Châu				312		Tổ dân phố 11	564	1	1				1			
26	Tổ dân phố 4 Lộc Châu				252					1							
27	Tổ dân phố 1 Lộc Châu				339		Tổ dân phố 12	751	1	1				1			
28	Tổ dân phố 2 Lộc Châu				412					1							
29	Tổ dân phố 1 Đại Lào				407		Tổ dân phố 14	993	1	1				1			
30	Tổ dân phố 2 Đại Lào				586							1					
31	Tổ dân phố 4 Đại Lào				387		Tổ dân phố 16	734	1	1				1			
32	Tổ dân phố 5 Đại Lào				347					1							
33	Tổ dân phố 6				325		Tổ dân phố 17	636	1	1				1			
34	Tổ dân phố 7 Đại Lào				311					1							
35	Tổ dân phố 9				222		Tổ dân phố 18	677	2	1				1			
36	Tổ dân phố 10				156					1							
37	Tổ dân phố 11				299					1							
38	Tổ dân phố Đa Nghịch				301		Tổ dân phố Đa Nghịch	301			1				1		
39	Tổ dân phố 3 Đại Lào				600		Tổ dân phố 15	600					1	1			
9	Phường B'Lao	52.373	33,72	46	14476	23		14476	23	43	0	2	1	23	0	0	1
1	Tổ dân phố 1				264		Tổ dân phố 1	621	1	1				1			
2	Tổ dân phố 2				357					1							
3	Tổ dân phố 3				287		Tổ dân phố 2	671	1	1				1			
4	Tổ dân phố 4				384					1							
5	Tổ dân phố 5				228		Tổ dân phố 3	585	1	1				1			
6	Tổ dân phố 6				357					1							
7	Tổ dân phố 7				269		Tổ dân phố 4	482	1	1				1			
8	Tổ dân phố 8				213					1							
9	Tổ dân phố 9				234		Tổ dân phố 5	555	1	1				1			
10	Tổ dân phố 10				321					1							
11	Tổ dân phố 11				376		Tổ dân phố 6	664	1	1				1			
12	Tổ dân phố 12				288					1							
13	Tổ dân phố 13				340		Tổ dân phố 7	553	1	1				1			
14	Tổ dân phố 14				213					1							
15	Tổ dân phố 15				322		Tổ dân phố 8	551	1	1				1			
16	Tổ dân phố 36				229					1							
17	Tổ dân phố 16				322		Tổ dân phố 9	511	1	1				1			
18	Tổ dân phố 17				189					1							
19	Tổ dân phố 18				499		Tổ dân phố 10	1034	2			1		1			1
20	Tổ dân phố 19				183					1							
21	Tổ dân phố 20				352		Tổ dân phố 11	539	1	1				1			
22	Tổ dân phố 21				231					1							
23	Tổ dân phố 22				308		Tổ dân phố 12	508	1	1				1			
24	Tổ dân phố 23				233					1							
25	Tổ dân phố 24				275		Tổ dân phố 13	718	1	1				1			
26	Tổ dân phố 25				347					1							
27	Tổ dân phố 26				371		Tổ dân phố 15	625	1	1				1			
28	Tổ dân phố 28				416					1							
29	Tổ dân phố 29				209		Tổ dân phố 16	567	1	1				1			
30	Tổ dân phố 30				290					1							
31	Tổ dân phố 31				277		Tổ dân phố 17	713	1	1				1			
32	Tổ dân phố 32				344					1							
33	Tổ dân phố 33				369		Tổ dân phố 18	643	1	1				1			
34	Tổ dân phố 34				389					1							
35	Tổ dân phố 35				254		Tổ dân phố Tân Hóa	672	1			1		1			
36	Tổ dân phố Tân Hóa 2				489					1							
37	Tổ dân phố Nga Sơn 1				183		Tổ dân phố Thanh Xá	711	1	1				1			
38	Tổ dân phố Thanh Xá				318					1							
39	Tổ dân phố Tân Hóa 1				393		Tổ dân phố Đại Nga	698	1	1				1			
40	Tổ dân phố Nga Sơn 2				346					1							
41	Tổ dân phố Đại Nga 1				352		Tổ dân phố Kim Thanh	555	1	1				1			
42	Tổ dân phố Kim Thanh				307					1							
43	Tổ dân phố Kim Điền				248					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
44	Tổ dân phố Đại Nga 2				425		Tổ dân phố NauSri	830	1	1				1			
45	Tổ dân phố NauSri				405					1							
46	Tổ dân phố 27				470		Tổ dân phố 14	470	0			1		1			
10	Xã Lạc Dương	14.525	828,01	15	3126	7		3126	8	14	0	1	0	7	0	0	0
1	Thôn 1				373		Thôn Đa Sar	635	1			1		1			
2	Thôn 2				262					1							
3	Thôn 3				157		Thôn Yù M'Nang	371	1	1				1			
4	Thôn 4				214					1							
5	Thôn 5				191		Thôn Tiêng Liêng	408	1	1				1			
6	Thôn 6				217					1							
7	Thôn Đara Hoa				183		Thôn Đa Tro	434	1	1				1			
8	Thôn Đa Tro				251					1							
9	Thôn Liêng Bông				254		Thôn Liêng Bông	424	1	1				1			
10	Thôn ĐaBlah				170					1							
11	Thôn Đa Cháy				240		Thôn Đa Chaih	300	1	1				1			
12	Thôn Đông Mang				60					1							
13	Thôn Tu Pôh				106					1							
14	Thôn Klong Klanh				277		Thôn Klong Klăn	554	2	1				1			
15	Thôn Đưng K'Si				171					1							
11	Xã Đon Dương	41.723	127,80	33	12300	16		12300	17	11	0	21	1	16	0	9	0
1	Thôn Nghĩa Đức				510		Thôn Nghĩa Đức	1040	1			1		1		1	
	Thôn Nghĩa Thị				530							1					
2	Thôn Thanh Hòa				335		Thôn Thanh Nghĩa	876	1			1		1		1	
	Thôn Thanh Nghĩa				541							1					
3	Thôn Nghĩa Lập 1				364		Thôn Nghĩa Lập 1	901	1			1		1		1	
	Thôn Nghĩa Lập 2				537							1					
4	Thôn Nghĩa Hội				305		Thôn Nghĩa Lập 2	666	1	1				1			
	Thôn Nghĩa Lập 4				283												
	1 phần thôn Nghĩa Lập 3				78												
5	1 phần thôn Nghĩa Lập 3				286		Thôn Nghĩa Lập 3	778	1			1		1		1	
	Thôn Nghĩa Lập 5				492							1					
6	Thôn D'Ròn				243		Thôn 1	1099	1	1				1		1	
	Thôn 1				856							1					
7	Thôn 2				393		Thôn 2	642	1			1		1			
	Thôn 3				249					1							
8	Thôn Suối Thông A1				443		Thôn Suối Thông A	1017	1			1		1		1	
	Thôn Suối Thông A2				574							1					
9	Thôn Suối Thông B1				414		Thôn Suối Thông B	867	1			1		1		1	
	Thôn Suối Thông B2				453							1					
10	Thôn Suối thông C1				187		Thôn Suối Thông C	825	2	1		1		1		1	
	Thôn Suối thông C2				362												
	Thôn Cầu Sắt				276					1							
11	Thôn Lạc Nghiệp				396		Thôn Lạc Nghiệp	586	1			1		1			
	Thôn Lạc Trường				190					1							
12	Thôn Lạc Thanh				284		Thôn Lạc Thanh	604	1	1				1			
	Thôn Kinh tế Mới				320							1					
13	Thôn Kambutte				350		Thôn Kambutte	858	2			1		1		1	
	Thôn Bookabang				191					1							
	Thôn Đa Hoa				317							1					
14	Thôn R'Lom				319		Thôn R'Lom	604	1			1		1			
	Thôn K'Lót				285					1							
15	Thôn Ma Đanh				262		Thôn Ma Đanh	522	1	1				1			
	Thôn Hawai				260					1							
16	Thôn M'Lơn				415		Thôn M'Lơn	415	0				1	1			
12	Xã Ka Đô	28.586	108,08	19	7813	10		7813	9	11	0	4	4	10	0	5	0
1	Thôn Ta Ly 1				200		Thôn Ta Ly	540	2	1				1			
2	Thôn Ta Ly 2				198					1							
3	Thôn Ka Đô Mới 1				142					1							
4	Thôn Ka Đô Mới 2				222		Thôn Ka Đô Mới	429	1	1				1			
5	Thôn Ka Đô Cũ				207					1							
6	Thôn Tân Lập				160		Thôn Lạc Sơn	607	2	1				1			
7	Thôn Lạc Sơn				260					1							
8	Thôn M'Răng				187					1							
9	Thôn Lạc Lâm Làng				559		Thôn Yên Khê Hạ	1020	1			1		1		1	
10	Thôn Yên Khê Hạ				461							1					
11	Thôn Xuân Thượng				259		Thôn Lạc Lâm	833	2	1		1		1		1	
12	Thôn Quỳnh Châu Đông				326												
13	Thôn Lạc Thạnh				248					1							
14	Thôn Hải Hưng				303		Thôn Hải Dương	587	1			1		1			
15	Thôn Hải Dương				284					1							
16	Thôn Nam Hiệp 1				1268		Thôn Nam Hiệp 1	1268					1	1		1	
17	Thôn Nam Hiệp 2				694		Thôn Nam Hiệp 2	694					1	1			
18	Thôn Nghĩa Hiệp 1				928		Thôn Nghĩa Hiệp 1	928					1	1		1	
19	Thôn Nghĩa Hiệp 2				907		Thôn Nghĩa Hiệp 2	907					1	1		1	

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp				
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ	
13	Xã Quảng Lập	24.473	135,08	21	6146	10		6146	11	13	0	6	2	10	0	3	0	
1	Thôn Quảng Tân				191		Thôn Quảng Hiệp	989	2	1				1		1		
2	Thôn Quảng Hiệp				342							1						
3	Thôn Quảng Hoà				456							1						
4	Thôn Đông Hồ				159		Thôn Hamanhai	379	2	1				1				
5	Thôn Hamanhai 1				113					1								
6	Thôn Hamanhai 2				107					1								
7	Thôn Pro Kinh Tế				253		Thôn Pro Ngó	538	1	1				1				
8	Thôn Pro Ngó				285					1								
9	Thôn Sao Mai				282													
10	Thôn Ka Đơn				414		Thôn Ka Đơn	696	1	1				1				
11	Thôn Krăng 2				286							1						
12	Thôn Krăng Chở				197							1						
13	Thôn Hoà Lạc				76		Thôn Hòa Lạc	347	1	1				1				
14	Thôn Nghĩa Lộ				271							1						
15	Thôn Pro Trong				338													
16	Thôn Krăng				414		Thôn Krăng	752	1			1		1		1		
17	Thôn Ka Rái 1				391							1						
18	Thôn Ka Đê				246					1								
19	Thôn Ka Rái 2				167					1				1				
20	Thôn Quảng Thuận				698		Thôn Quảng Thuận	698	0				1					1
21	Thôn Quảng Lợi				460		Thôn Quảng Lợi	460	0				1					1
14	Xã D'Ran	33.836	240,90	31	7.056	14		7.056	17	25	1	4	1	13	1	2	0	
1	Thôn Đồng Thanh				81		Thôn Lạc Viên	539	2	1				1				
2	Thôn Lạc Viên A				172					1								
3	Thôn Lạc Viên B				286					1								
4	Thôn Labouye A				141		Thôn Lạc Bình	539	2	1				1				
5	Thôn Labouye B				188					1								
6	Thôn Lạc Bình				210					1								
7	Thôn Lạc Xuân 1				199		Thôn Lạc Xuân	702	2	1				1		1		
8	Thôn Lạc Xuân 2				273					1								
9	Thôn Lạc Thiện 2				230					1								
10	Thôn Lạc Thiện 1				305		Thôn Lạc Quảng	473	1			1		1				
11	Thôn Lạc Quảng				168					1								
12	Thôn 1				248													
13	Thôn 2				248		Thôn Lạc Nghiệp	496	1	1				1				
14	Thôn 3				264													
15	Thôn Quảng Lạc				149													
16	Thôn Lâm Tuyển 1				277		Thôn Lâm Tuyển	562	1	1				1				
17	Thôn Lâm Tuyển 2				285					1								
18	Thôn Phú Thuận 1				153													
19	Thôn Phú Thuận 2				234		Thôn Phú Thuận	608	2	1				1				
20	Thôn Phú Thuận 3				221					1								
21	Thôn Hòa Bình				335								1					
22	Thôn Kăn Kĩl				147		Thôn Hòa Bình	482	1	1				1				
23	Thôn Châu Sơn				249													
24	Thôn Kinh Tế Mới Châu Sơn				303								1					
25	Thôn Diom B				160		Thôn Giãn Dân	375	1	1				1				
26	Thôn Giãn Dân				215					1								
27	Thôn Diom A				306								1					
28	Thôn B'Kăn				166		Thôn Diom	705	2	1				1		1		
29	Thôn Tân Hiền				233					1								
30	Thôn Đường Mới				323						Thôn Đường Mới	323	0					
31	Thôn Ha Ma Sing				287		Thôn Ha Ma Sing	287	0		1				1			
15	Xã Hiệp Thạnh	51.693	127,20	18	12766	9		12766	9	4	0	12	2	9	0	9	0	
1	Thôn Định An				814		Thôn Định An	1326	2	2			1	1		1		
2	Thôn K' Rên				228													
3	Thôn Tân An				284													
4	Thôn K' Long				583		Thôn K'Long	843	1	1			1	1		1		
5	Thôn Đarahoa				260													
6	Thôn Trung Hiệp				786													
7	Thôn Quảng Hiệp				993		Thôn Quảng Hiệp	1779	1	0		2		1		1		
9	Thôn Bắc Hội				663		Thôn Phi Nôm	2229	1	0		2		1		1		
8	1 phần thôn Phi Nôm				1566													
10	1 phần thôn Phi Nôm				139													
11	Thôn Phú Thạnh				1243		Thôn Phú Thạnh	1542	1	1			1	1		1		
12	1 phần thôn Tân Hiệp				160													
13	1 phần thôn Tân Hiệp				78													
14	Thôn An Hiệp				945		Thôn An Hiệp	1808	2	0		3		1		1		
15	Thôn An Bình				419													
16	Thôn An Tĩnh				366													
17	Thôn An Ninh				429		Thôn Liên Hiệp	832	1			2		1		1		
18	Thôn Gân Reo				403													
19	Thôn Bông Lai				1116						Thôn Bông Lai	1116	0				1	1
20	Thôn Nghĩa Hiệp				1291		Thôn Nghĩa Hiệp	1291	0				1	1		1		

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
16	Xã Đức Trọng	88.784	148,78	49	20085	24		20085	25	9	0	39	1	24	0	16	0
1	Thôn 20				232		Thôn 1	912	2	1				1		1	
2	Thôn 21				386							1					
3	Thôn 22				294					1							
4	Thôn 1				508		Thôn 2	1097	1			1		1		1	
5	Thôn 2				589							1					
6	Thôn 3				690							1					
7	Thôn 5				478		Thôn 3	1168	1			1		1		1	
8	Thôn 4				484							1					
9	Thôn 6				551							1					
10	Thôn 7				355		Thôn 5	763	1			1		1		1	
11	Thôn 9				408							1					
12	Thôn 8				501							1					
13	Thôn 10				434		Thôn 6	935	1			1		1		1	
14	Thôn 11				466							1					
15	1 phần Thôn 13				135							1					
15	1 phần Thôn 13				292		Thôn 7	601	0			1		1			
16	Thôn 15				497												
17	Thôn 12				399							1					
18	1 phần Thôn 14				236		Thôn 9	635	1			1		1			
19	1 phần Thôn 14				178												
20	Thôn 16				278					1							
21	Thôn 18				186		Thôn 10	642	1	1				1			
22	Thôn 17				261					1							
23	Thôn 19				274					1							
24	Thôn 23				478		Thôn 11	535	1			1		1			
25	Thôn 24				485												
26	Thôn 25				597												
27	Thôn 26				395		Thôn 12	963	1			1		1		1	
28	Thôn 28				493							1					
29	Thôn 29				425							1					
30	Thôn 30				366		Thôn 13	992	1			1		1		1	
31	Thôn 31				409							1					
32	Thôn 27				351							1					
33	Thôn 34				306		Thôn 14	918	1			1		1		1	
34	Thôn 32				317							1					
35	Thôn 33				311							1					
36	Thôn Phú Lộc				559		Thôn 15	775	1			1		1		1	
37	Thôn Phú Thịnh				413							1					
38	Thôn Phú Trung				406							1					
39	Thôn Phú Hòa				407		Thôn 16	657	1			1		1			
40	Thôn Phú Tân				258							1					
41	Thôn Chi Rông				399							1					
42	Thôn R'Chai 1				617		Thôn 17	628	1			1		1			
43	Thôn R'Chai 2				554							1					
44	Thôn R'Chai 3				404							1					
45	Thôn Phú Bình				328		Thôn Phú Hội	1071	2			1		1		1	
46	Thôn Phú An				448					1							
47	Thôn Lạc Nghiệp				182							1					
48	Thôn K'Nai				345		Thôn Chi Rông	1016	1			1		1		1	
49	Thôn Lạc Lâm				161							1					
50	Thôn P'rê				559							1					
51	Thôn P'rê				559		Thôn R'Chai	958	1			1		1		1	
52	Thôn K'Nai				345							1					
53	Thôn Lạc Lâm				161					1							
54	Thôn P'rê				559		Thôn Phú An	776	1			1		1		1	
55	Thôn Lạc Nghiệp				182							1					
56	Thôn K'Nai				345							1					
57	Thôn Lạc Lâm				161		Thôn K'Nai	688	2			1		1			
58	Thôn P'rê				559					1							
59	Thôn P'rê				559							1					
60	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
61	Thôn P'rê				559												
62	Thôn P'rê				559												
63	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
64	Thôn P'rê				559												
65	Thôn P'rê				559												
66	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
67	Thôn P'rê				559												
68	Thôn P'rê				559												
69	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
70	Thôn P'rê				559												
71	Thôn P'rê				559												
72	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
73	Thôn P'rê				559												
74	Thôn P'rê				559												
75	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
76	Thôn P'rê				559												
77	Thôn P'rê				559												
78	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
79	Thôn P'rê				559												
80	Thôn P'rê				559												
81	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
82	Thôn P'rê				559												
83	Thôn P'rê				559												
84	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
85	Thôn P'rê				559												
86	Thôn P'rê				559												
87	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
88	Thôn P'rê				559												
89	Thôn P'rê				559												
90	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
91	Thôn P'rê				559												
92	Thôn P'rê				559												
93	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
94	Thôn P'rê				559												
95	Thôn P'rê				559												
96	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
97	Thôn P'rê				559												
98	Thôn P'rê				559												
99	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
100	Thôn P'rê				559												
101	Thôn P'rê				559												
102	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
103	Thôn P'rê				559												
104	Thôn P'rê				559												
105	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
106	Thôn P'rê				559												
107	Thôn P'rê				559												
108	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
109	Thôn P'rê				559												
110	Thôn P'rê				559												
111	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
112	Thôn P'rê				559												
113	Thôn P'rê				559												
114	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
115	Thôn P'rê				559												
116	Thôn P'rê				559												
117	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
118	Thôn P'rê				559												
119	Thôn P'rê				559												
120	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
121	Thôn P'rê				559												
122	Thôn P'rê				559												
123	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
124	Thôn P'rê				559												
125	Thôn P'rê				559												
126	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
127	Thôn P'rê				559												
128	Thôn P'rê				559												
129	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
130	Thôn P'rê				559												
131	Thôn P'rê				559												
132	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
133	Thôn P'rê				559												
134	Thôn P'rê				559												
135	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
136	Thôn P'rê				559												
137	Thôn P'rê				559												
138	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1	1			
139	Thôn P'rê				559												
140	Thôn P'rê				559												
141	Thôn P'rê				559		Thôn P'rê	559	0				1				

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
16	Thôn Đà Thuận				322		Thôn Đà R' Giềng	656	1			1		1			
17	Thôn Đà R' Giềng				334							1					
18	Thôn Đà Thọ				256		Thôn Đà Thọ	412	1	1				1			
19	Thôn Sóp				156					1							
20	Thôn Đà Thắng				222		Thôn Ma Am	429	1	1				1			
21	Thôn Ma Am				207					1							
22	Thôn Ninh Hải				345		Thôn Ninh Hải	345	0			1	1				
23	Thôn Đà Giang				425		Thôn Đà Giang	425	0			1	1				
24	Thôn Đà Lâm				450		Thôn Đà Lâm	450	0			1	1				
19	Xã Tà Năng	13.633	258,34	14	2936	8		2936	6	12	0	1	1	8	0	0	0
1	Thôn Ma Sa Ra				123		Thôn Đoàn Kết	370	1	1				1			
2	Thôn Đoàn Kết				247					1							
3	1 phần Thôn Tà Nhiên				252		Thôn Tà Nhiên	390	1			1		1			
4	1 phần Thôn Tou Neh				138					1							
5	Thôn Toa Cát				283		Thôn Toa Cát	323	0	1				1			
	1 phần thôn Tou Neh				40					0							
	1 phần thôn Tà Nhiên				69		Thôn Tà Sơn	407	1	0				1			
6	Thôn Blah				175					1							
7	Thôn Tà Sơn				163					1							
8	Thôn Klong Bong				280		Thôn Charanghao	467	1	1				1			
9	Thôn Charang hao				187					1							
10	Thôn Chợ Ré				193		Thôn Tân Hạ	309	1	1				1			
11	Thôn Tân Hạ				116					1							
12	Thôn Tơ Mrang				159		Thôn Tơ Mrang	307	1	1				1			
13	Thôn Chợ Rung				148					1							
14	Thôn Ma Bô				363		Thôn Ma Bô	363	0			1	1				
20	Xã Ninh Gia	16.237	143,83	9	4149	7		4149	2	3	0	1	5	7	0	1	0
1	Thôn Ninh Thiện				371		Thôn Thiện Chí	602	1			1		1			
2	Thôn Thiện Chí				231					1							
3	Thôn Kinh tế mới				209		Thôn Tân Phú	457	1	1				1			
4	Thôn Tân Phú				248					1							
5	Thôn Đại Ninh				608		Thôn Đại Ninh	608	0			1	1				
6	Thôn Ninh Hòa				555		Thôn Ninh Hòa	555	0			1	1				
7	Thôn Hiệp Hòa				621		Thôn Hiệp Hòa	621	0			1	1				
8	Thôn Hiệp Thuận				511		Thôn Hiệp Thuận	511	0			1	1				
9	Thôn Đăng Sơn				795		Thôn Đăng Sơn	795	0			1	1			1	
21	Xã Đinh Văn Lâm Hà	48.868	89,87	39	10914	18		10914	21	24	0	11	4	18	0	2	0
1	Thôn An Lạc				216		Thôn Đoàn Kết	509	2	1				1			
2	Thôn Đoàn Kết				145					1							
3	Thôn Tiên phong				148		Thôn Tiên Tiến	561	2	1				1			
4	Thôn Tiên Tiến				161					1							
5	Thôn Kô Ya				199		Thôn Văn Tâm	562	1	1				1			
6	Thôn Ryông Sre				201							1					
7	Thôn Yên Bình				143		Thôn Đồng Tâm	739	1			1		1		1	
8	Thôn Văn Tâm				419							1					
9	Thôn Đồng Tâm				431		Thôn Sơn Hà	735	1			1		1		1	
10	Thôn Srê Nhắc				308							1					
11	Thôn Sơn Hà				333		Thôn Gia Thạnh	699	2			1		1			
12	Thôn Bô Liêng				402							1					
13	Thôn Đa Huynh				249		Thôn Quảng Đức	655	1	1				1			
14	Thôn Xoan				142					1							
15	Thôn Gia Thạnh				308		Thôn Hòa Lạc	518	1			1		1			
16	Thôn Quảng Đức				462							1					
17	Thôn Văn Hà				193		Thôn Kôn Tách Đăng	656	1	1				1			
18	Thôn Hoà Lạc				345							1					
19	Thôn Pôt Pe				173		Thôn Tân Lập	557	1	1				1			
20	Thôn Kôn Tách Đăng				212					1							
21	Thôn B' Nông Rết				444		Thôn Tân Lập	557	1			1		1			
22	Thôn Tân Lập				262					1							
23	Thôn Tân Tiến				295		Thôn Tân Lin	669	1			1		1			
24	Thôn Tân Lin				370												
25	Thôn Tân Đức				299		Thôn Tân Hòa	604	3	1				1			
26	Thôn Tân Lộc				113					1							
27	Thôn Tân Lợi				106		Thôn Tân Hiệp	608	2	1				1			
28	Thôn Tân Thuận				138					1							
29	Thôn Tân Hoà				247		Thôn Mỹ Đức	655	2			1		1			
30	Thôn Tân An				155					1							
31	Thôn Tân Thành				150		Thôn Thanh Bình 1	599	0				1	1			
32	Thôn Tân Hiệp				303							1					
33	Thôn Mỹ Đức				244		Thôn Thanh Bình 2	408	0				1	1			
34	Thôn Hà Trung				179								1				
35	Thôn Văn Minh				232		Thôn Thanh Bình 3	606	0				1	1			
36	Thôn Thanh Bình 1				599		Thôn Kim Phát	574	0				1	1			
37	Thôn Thanh Bình 2				408								1	1			
38	Thôn Thanh Bình 3				606								1	1			
39	Thôn Kim Phát				574								1	1			
22	Xã Phú Sơn Lâm Hà	25.373	204,07	21	6401	10		6401	11	11	0	9	1	10	0	3	0
1	Thôn Tân Lâm				343		Thôn Đàm Pao	880	1			1		1		1	
2	Thôn Đàm Pao				537							1					
3	Thôn Đa Nụng A				392		Thôn Đa R'Kôh	609	1			1		1			
4	Thôn Đa R'Kôh				217					1							
5	Thôn Yên Thành				211		Thôn Đa Nụng B	568	1	1				1			
6	Thôn Đa Nụng B				357							1					
7	Thôn Tân Tiến				280		Thôn R' Lom	827	1	1				1		1	
8	Thôn R'Lom				547							1					
9	Thôn Liên Kết				190		Thôn Đa Ty	518	1	1				1			
10	Thôn Đa Ty				328							1					
11	Thôn Preteing 1				146		Thôn Pretieng	596	1	1				1			
12	Thôn Preteing 2				450							1					

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp					
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ		
13	Thôn Lạc Sơn				247		Thôn Bằng Tiên	747	2	1				1		1			
14	Thôn Bằng Tiên 1				325							1							
15	Thôn Bằng Tiên 2				175					1									
16	Thôn Ngọc Sơn				271		Thôn Ngọc Sơn 1	587	2	1				1					
17	Thôn Ngọc Sơn 1				170					1									
18	Thôn 1/5				146					1									
19	Thôn Ngọc Sơn 2				200		Thôn Ngọc Sơn 2	641	1	1				1					
20	Thôn Ngọc Sơn 3				441							1							
21	Thôn An Phước				428								1		1			1	
23	Xã Nam Hà Lâm Hà	10.843	100,33	12	2549	7		2549	5	10	1	0	1	6	1	0	0		
1	Thôn Nam Hà				165		Thôn Hai Bà Trưng	451	1	1				1					
2	Thôn Hai Bà Trưng				286					1									
3	Thôn Sóc Sơn				180					1									
4	Thôn Hoàn Kiếm 1				146		Thôn Sóc Sơn	326	1	1				1					
5	Thôn Hoàn Kiếm 2				231					1									
6	Thôn Hoàn Kiếm 3				239					1									
7	Thôn Phú Hòa				206		Thôn Quảng Bằng	432	1	1				1					
8	Thôn Quảng Bằng				226					1									
9	Thôn Liên Hòa				176					1									
10	Thôn Lâm Nghĩa				125		Thôn Liên Hòa	301	1	1				1					
11	Thôn Ry Ông Tô				355								1		1				
12	Thôn Phi Sour				214					Thôn Phi Sour	214	0			1				
24	Xã Nam Ban Lâm Hà	33.187	117,54	36	8431	17		8431	19	27	0	7	2	17	0	2	0		
1	Thôn 1 Gia Lâm				161		Thôn Gia Lâm	423	1	1				1					
2	Thôn 2 Gia Lâm				262					1									
3	Thôn 3 Gia Lâm				314								1						
4	Thôn Gan Thi				134		Thôn Phù Đồng	448	1	1				1					
5	Thôn 4 Gia Lâm				299					1									
6	Thôn 5 Gia Lâm				250					1									
7	Thôn 6 Gia Lâm				177		Thôn Quang Trung	478	2	1				1					
8	Thôn Quang Trung 1				175					1									
9	Thôn Quang Trung 2				126					1									
10	Thôn Thanh Hà				177		Thôn Thanh Trì	480	1	1				1					
11	Thôn Thanh Trì				303							1							
12	Thôn Tâm Xá				272					Thôn Tâm Xá	537	1	1						
13	Thôn Trung Hà				265		1												
14	Thôn Tiền Lâm				166		1												
15	Thôn Đông Hà				127		Thôn Đông Thanh	457	2	1				1					
16	Thôn Đông Anh				164					1									
17	Thôn Đông Đa				287					1									
18	Thôn Ba Đình				258		Thôn Ba Đình	545	1	1				1					
19	Thôn Thăng Long				398							1							
20	Thôn Bạch Đằng				319							1							
21	Thôn Đông Anh 1				371		Thôn Đông Anh	700	1			1		1		1			
22	Thôn Đông Anh 2				329							1							
23	Thôn 9 Mê Linh				113							1							
24	Thôn Đông Anh 3				276		Thôn Hùng Vương	389	1	1				1					
25	Thôn Từ Liêm 1				276					1									
26	Thôn Từ Liêm 2				252					1									
27	Thôn Hang Hót				176		Thôn Cill Cus	559	2	1				1					
28	Thôn Công Trời				193					1									
29	Thôn Buôn Chuối				190					1									
30	Thôn 3 Mê Linh				362		Thôn Hai Bà Trưng	466	1			1		1					
31	Thôn 5 Mê Linh				104					1									
32	Thôn 8 Mê Linh				108					1									
33	Thôn Thực Nghiệm				250		Thôn Thực Nghiệm	507	2	1				1					
34	Thôn 1 Mê Linh				149					1									
35	Thôn Chi Lăng				302										1				1
36	Thôn 2 Mê Linh				346		Thôn Mê Linh	346	0				1	1					
25	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	23.278	23,05	22	5255	11		5255	11	15	0	5	2	11	0	1	0		
1	Thôn Phúc Hưng				146		Phúc Hưng	327	1	1				1					
2	Thôn Phúc Thanh				181					1									
3	Thôn Phúc Tân				305							1							
4	Thôn Phúc Tiến				154		Phúc Tiến	700	3	1				1		1			
5	Thôn Tân Sơn				128					1									
6	Thôn Phúc Hợp				113					1									
7	Thôn Lâm Bô				372		Lâm Bô	532	1			1		1					
8	Thôn Phúc Cát				160					1									
9	Thôn R' Hang Trụ				214					1									
10	Thôn Phúc Lộc				205		Phúc Lộc	564	2	1				1					
11	Thôn Đa Pe				145					1									
12	Thôn Đông Thanh				165					1									
13	Thôn Đoàn Kết				195		Đoàn Kết	360	1	1				1					
14	Thôn Phi Tô				202					1									
15	Thôn Thanh Bình				251					1									
16	Thôn Thanh Hà				98		Thanh Hà	349	1	1				1					
17	Thôn Tân Bình				251					1									
18	Thôn Tân An				361							1							
19	1 phần Thôn Hoà Bình				30		Tân An	391	0				1	1					
20	1 phần Thôn Hoà Bình				287							1							
21	Thôn Kon Pang				337							1							
22	Thôn Bằng Sơn				316		Bằng Sơn	316	0				1	1					
23	Thôn Tân Hợp				639		Tân Hợp	639	0				1	1					
26	Xã Tân Hà Lâm Hà	40.070	168,34	44	9577	22		9577	22	38	2	3	1	20	2	1	0		
1	Thôn Liên Hồ				271		Thôn Liên Hồ	472	1	1				1					
2	Thôn Phúc Thọ				201					1									
3	Thôn Hà Lâm				146					1									
4	Thôn Sinh Công				167		Thôn Sinh Công	313	1	1				1					
										1									

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
5	Thôn Tân Kết				206		Thôn Liên Kết	391	1	1				1			
6	Thôn Liên Kết				185					1							
7	Thôn Liên Hà 1				193		Thôn Liên Hà	365	1	1				1			
8	Thôn Phúc Thạch				172					1							
9	Thôn Thạch Hà				151		Thôn Thạch Hà	344	1	1				1			
10	Thôn Liên Hà 2				193					1							
11	Thôn Dạ Dâng				199		Thôn Dạ Dâng	424	1	1				1			
12	Thôn Chiến Thắng				225					1							
13	Thôn Nhân Hòa				125		Thôn Nhân Hòa	374	1	1				1			
14	Thôn Thông Nhất				249					1							
15	Thôn Đoàn Kết				334		Thôn Đoàn Kết	621	1			1		1			
16	Thôn Phương Lâm				287					1							
17	Thôn An Bình				159		Thôn An Bình	324	1	1				1			
18	Thôn Đan Hà				165					1							
19	Thôn Mỹ Hà				231		Thôn Mỹ Hà	477	1	1				1			
20	Thôn Đức Thành				246					1							
21	Thôn Văn Khánh				157		Thôn Văn Khánh	413	2	1				1			
22	Thôn Nam Hưng				139					1							
23	Thôn Minh Thành				117					1							
24	Thôn Phú Dương				171		Thôn Phú Dương	362	1	1				1			
25	Thôn Đức Long				191					1							
26	Thôn Vinh Quang				267		Thôn Quế Dương	514	2	1				1			
27	Thôn Minh Dương				99					1							
28	Thôn Quế Dương				148					1							
29	Thôn Hải Hà				169		Thôn Hải Hà	428	2	1				1			
30	Thôn Đức Bình				113					1							
31	Thôn Đức Hải				146					1							
32	Thôn Phúc Hưng				214		Thôn Phúc Hưng	366	1	1				1			
33	Thôn Phúc Tân				152					1							
34	Thôn Liên Trung				773		Thôn Liên Trung	881	1			1		1		1	
35	Thôn Thạch Thất 2				108					1							
36	Thôn Phúc Thọ 1				294		Thôn Phúc Thọ	403	1	1				1			
37	Thôn Thạch Tân				109					1							
38	Thôn Tân Đức				243		Thôn Tân Đức	527	1	1				1			
39	Thôn Phúc Thọ 2				284					1							
40	Thôn Tân Trung				468		Thôn Thạch Thất 1	685	1			1		1			
41	Thôn Thạch Thất 1				217					1							
42	Thôn Đan Phượng 1				403		Thôn Đan Phượng	403	0				1	1			
43	Thôn Dạ Sa				237		Thôn Dạ Sa	237	0		1				1		
44	Thôn Tân Lập				253		Thôn Tân Lập	253	0		1				1		
27	Xã Đan Rông 1	17.678	172,55	18	4301	9		4301	9	14	1	1	2	8	1	1	0
1	Thôn Lăng Tô				216		Thôn Lăng Tô	637	2	1				1			
2	Thôn Trung Tâm 2				274					1							
3	Thôn Tân Trung				147					1							
4	Thôn Pul				173		Thôn Pul	447	1	1				1			
5	Thôn Dạ Mur				274					1							
6	Thôn Păng Dung				281		Thôn Păng Dung	622	2	1				1			
7	Thôn Dạ Pin				181					1							
8	Thôn Păng Păh				160					1							
9	Thôn Đồng Tâm				209		Thôn Trung Tâm	436	1	1				1			
10	Thôn Trung Tâm				227					1							
11	Thôn Păng Sím				237		Thôn Thanh Bình	552	1	1				1			
12	Thôn Thanh Bình				315							1					
13	Thôn BobLé				277		Thôn Phi Liêng	726	2	1				1		1	
14	Thôn Liêng Đông				232					1							
15	Thôn BobLa				217					1							
16	Thôn Dạ Sơn				351		Thôn Dạ Sơn	351	0				1	1			
17	Thôn Dạ K'Nâng				350		Thôn Dạ K'Nâng	350	0				1	1			
18	Thôn Dong Glê				180		Thôn Dong GLê	180	0		1				1		
28	Xã Đan Rông 2	18.027	365,58	10	4164	8		4164	2	2	1	3	4	7	1	1	0
1	Thôn 3				154		Thôn Rô Men	629	1	1				1			
	Thôn Rô Men				475							1					
2	Thôn Liêng Hưng				224		Thôn Liêng Hùng	374	1	1				1			
3	1 phần dân số thôn Bắg Lăng				150							1					
	1 phần dân số thôn Bắg Lăng				225					0						1	
4	Thôn 1				1002		Thôn Bắg Lăng	1227	0			1		1			
5	Thôn Liêng Srônh				391								1				
6	Thôn Bắc Nguyên				214		Thôn Bắc Nguyên	214	0		1			1			
7	Thôn 2				432							1					
8	Thôn 4				527		Thôn 4	527	0				1	1			
9	Thôn 5				370		Thôn 5	370	0				1	1			
29	Xã Đan Rông 3	16.697	139,38	13	3506	6		3506	7	8	0	5	0	6	0	2	0
1	Thôn Liêng Krắc 1				131		Thôn Dầm Rôm	725	3	1				1		1	
2	Thôn Tu La				207					1							
3	Thôn Đa Xế				187					1							
4	Thôn Đa La				200		Thôn Dong Jri	358	1	1				1			
5	Thôn Liêng Krắc 2				111					1							
6	Thôn Đa Tề				247					1							
7	Thôn Phi Jút				191		Thôn Pang Pê Năm	810	2	1				1		1	
8	Thôn Pang Pê Năm				384							1					
9	Thôn Pang Pê Dong				235					1							
10	Thôn Đắc Măng				346		Thôn Liên Hương	649	1			1		1			
11	Một phần Thôn Liên Hương				303							1					
	Một phần Thôn Liên Hương				37												
12	Thôn Phi Có				417		Thôn Phi Có	550	0			1		1			
13	Một phần Thôn Tân Tiến				96												
	Một phần Thôn Tân Tiến				414		Thôn Tân Tiến	414	0			1		1			

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
30	Xã Đam Rông 4	16.819	391,26	16	3306	8		3306	8	15	0	1	0	7	1	0	0
1	Thôn 1				224		Thôn Suối nóng	459	1	1				1			
2	Thôn 4				235					1							
3	Thôn 2				260		Thôn Đa Long	408	1	1				1			
4	Thôn 3				148					1							
5	Thôn Liêng Trang 1				308		Thôn Đa Tổng	559	1			1		1			
6	Thôn Liêng Trang 2				251					1							
7	Thôn Ntôi				232		Thôn Mê Ka	443	1	1				1			
8	Thôn Mê Ka				211					1							
9	thôn Đa Kao 2				241		Thôn Đa Kao	477	1	1				1			
10	Thôn Chiềng Cao Cũ Múp				236					1							
11	Thôn Đa Ninh 1				218		Thôn Đa Ninh	366	1	1				1			
12	Thôn Đa Ninh 2				148					1							
13	Thôn Đưng Trang				38		Thôn Đưng K' Nơ	365	2	1				1			
14	1 phần thôn K'Nơ 1				185					1							
15	1 phần thôn K'Nơ 2				142					1							
	1 phần thôn K'Nơ 1				8		Thôn Hoa Anh Đào	229	0						1		
	1 phần thôn K'Nơ 2				18												
16	Thôn Lán Tranh				203					1							
31	Xã Di Linh	62.551	268,28	49	14582	23		14582	26	26	0	20	3	23	0	8	0
1	Thôn Liên Đàm 1				249		Thôn Liên Đàm 1	521	2	1				1			
2	Thôn Nông Trường				131					1							
3	Thôn Liên Đàm 10				141					1							
4	Thôn Liên Đàm 2				217		Thôn Liên Đàm 3	600	1	1				1			
5	Thôn Liên Đàm 3				383							1					
6	Thôn Liên Đàm 4				264		Thôn Liên Đàm 9	845	2	1				1		1	
7	Thôn Liên Đàm 5				207					1							
8	Thôn Liên Đàm 9				374							1					
9	Thôn Liên Đàm 7				199		Thôn Liên Đàm 8	765	2	1				1		1	
10	Thôn Liên Đàm 8				423							1					
11	Thôn Liên Châu				143					1							
12	Thôn 1				394		Thôn 2	855	1			1		1		1	
13	Thôn 2				461							1					
14	Thôn 3				431		Thôn 4	898	1			1		1		1	
15	Thôn 4				467							1					
16	Thôn 5				273		Thôn 6	591	1	1				1			
17	1 phần Thôn 6				318							1					
18	1 phần Thôn 6				56		Thôn Klong Trao	494	1	1				1			
19	Thôn Klong Trao 1				254												
	Thôn Klong Trao 2				128												
	Ghép cộng đồng dân cư thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận				56												
20	Thôn 7				423		Thôn 7	759	1			1		1		1	
21	Thôn 8				336							1					
22	Thôn 9				387		Thôn 9	587	1			1		1			
23	Thôn 10				200					1							
24	Thôn 11				304		Thôn Tân Lập	609	1			1		1			
25	Thôn 12				305							1					
26	Thôn 13				245		Thôn 13	548	2	1				1			
27	Thôn 20				156					1							
28	1 phần Thôn Tân Châu 8				147					1							
	1 phần Thôn Tân Châu 8				13		Thôn 16	672	1			1		1			
29	Thôn 16				376							1					
30	Thôn 17				283					1							
31	Thôn 14				343		Thôn 15	705	1			1		1		1	
32	Thôn 15				362							1					
33	Thôn 18				295		Thôn 19	627	1	1				1			
34	Thôn 19				332							1					
35	Thôn Di Linh Thượng 1				225		Thôn Di Linh Thượng	560	1	1				1			
36	Thôn Di Linh Thượng 2				335							1					
37	Thôn Lăng Kú				204		Thôn Gung Ré	438	1	1				1			
38	Thôn Đàng Rách				234					1							
39	Thôn Tân Châu 1				344		Thôn Tân Châu 1	657	2			1		1			
40	Thôn Tân Châu 2				153					1							
41	Thôn Tân Châu 3				160					1							
42	Thôn Tân Châu 4				299		Thôn Tân Châu 7	709	1	1				1		1	
43	Thôn Tân Châu 7				410							1					
44	Thôn Tân Châu 5				287		Thôn Tân Châu 5	820	2	1				1		1	
45	Thôn Tân Châu 6				246					1							
46	Thôn Tân Châu 9				287		Thôn Hàng Hải	463	0			1		1			
47	Thôn Hàng Hải				463		Thôn Hàng Làng	388	0				1	1			
48	Thôn Hàng Làng				388		Thôn Ka Míng	471	0				1	1			
49	Thôn Ka Míng				471												
32	Xã Hòa Ninh	31.766	95,16	37	7236	17		7236	20	34	0	3	0	16	1	0	0
1	Thôn 1				273		Thôn 1	551	1	1				1			
2	Thôn 4				278					1							
3	Thôn 2				242		Thôn 2	375	1	1				1			
4	Thôn 3				133					1							
5	Thôn 5				195		Thôn 3	377	1	1				1			
6	Thôn 6				182					1							
7	Thôn 7				267		Thôn 4	483	1	1				1			
8	Thôn 9				216					1							
9	Thôn 10				230		Thôn 5	365	1	1				1			
10	Thôn 12				135					1							
11	Thôn 13				134		Thôn 6	368	1	1				1			
12	Thôn 14				234					1							
13	Thôn 15				166		Thôn 7	304	1	1				1			
14	Thôn 16				138					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
15	Thôn 3C				248		Thôn 8	525	2	1				1			
16	Thôn 4C				115					1							
17	Thôn 5C				162					1							
18	Thôn 1C				256		Thôn 9	414	1	1				1			
19	Thôn 2C				158					1							
20	Thôn 1B				233		Thôn 10	350	1	1				1			
21	Thôn 6A				117					1							
22	Thôn 1A				226		Thôn 11	428	1	1				1			
23	Thôn 2A				202					1							
24	Thôn 5A				221		Thôn 12	588	1	1				1			
25	Thôn 5B				367							1					
26	Thôn 2B				210		Thôn 13	536	1	1				1			
27	Thôn 3A				326							1					
28	Thôn 4A				432		Thôn 14	491	1			1		1			
29	Thôn 7A				59					1							
30	Thôn 8				167		Thôn 15	259	1	1					1		
31	Thôn Nam Trang				92					1							
32	Thôn 12A				67		Thôn 16	329	2	1				1			
33	Thôn 13A				124					1							
34	Thôn 15A				138		Thôn 17	493	2	1				1			
35	Thôn 9A				147					1							
36	Thôn 10A				151					1							
37	Thôn 14A				195					1							
33	Xã Hòa Bắc	19.762	159,34	22	4652	9		4652	13	21	0	1	0	9	0	1	0
1	Thôn 1A				280		Thôn 1	776	2	1				1		1	
2	Thôn 7A				261					1							
3	Thôn 2A				235					1							
4	Thôn 5A				236		Thôn 2	411	1	1				1			
5	Thôn 6A				175					1							
6	Thôn 3A				325		Thôn 3	564	1			1		1			
7	Thôn 8A				239					1							
8	Thôn 4A				289		Thôn 4	527	1	1				1			
9	Thôn 11A				238					1							
10	Thôn 1B				280		Thôn 5	512	1	1				1			
11	Thôn 2B				232					1							
12	Thôn 3B				191		Thôn 6	416	2	1				1			
13	Thôn 5B				100					1							
14	Thôn 6B				125					1							
15	Thôn 7B				250		Thôn 7	403	1	1				1			
16	Thôn 8B				153					1							
17	Thôn 9B				108		Thôn 8	483	2	1				1			
18	Thôn 10B				176					1							
19	Thôn 11B				199					1							
20	Thôn La òn				294		Thôn Konrum-Lơ Õng	560	2	1				1			
21	Thôn Konrum lớn				137					1							
22	Thôn Konrum nhỏ				129					1							
34	Xã Đình Trang Thượng	21.141	203,77	20	5053	8		5053	12	13	0	7	0	8	0	2	0
1	Thôn Tân Thượng 1				217		Thôn 1	679	2	1				1			
2	Thôn Tân Thượng 2				385							1					
3	Thôn Tân Thượng 11				77					1							
4	Thôn Tân Thượng 3				379		Thôn2	667	1			1		1			
5	Thôn Tân Thượng 4				288					1							
6	Thôn Tân Lâm 1				177		Thôn 3	408	1	1				1			
7	Thôn Tân Lâm 2				231					1							
8	Thôn Tân Lâm 3				304		Thôn 4	576	1			1		1			
9	Thôn Tân Lâm 4				272					1							
10	Thôn Tân Lâm 5				317		Thôn 5	775	1			1		1		1	
11	Thôn Tân Lâm 6				458							1					
12	Thôn Tân Lâm 7				125		Thôn 6	557	3	1				1			
13	Thôn Tân Lâm 8				148					1							
14	Thôn Tân Lâm 9				172					1							
15	Thôn Tân Lâm 10				112		Thôn 7	685	1					1			
16	Thôn 2				330							1					
17	Thôn 3				355		Thôn 8	706	2			1		1		1	
18	Thôn 1				248					1							
19	Thôn 4				287					1							
20	Thôn 5				171					1							
35	Xã Bảo Thuận	29.511	300,30	31	6.998	15		6.998	16	22	0	4	5	15	0	2	0
1	Thôn Đồng Đò				323		Thôn Đồng Đò	781	2			1		1		1	
2	Thôn K Bạ				210					1							
3	Thôn Đồng Lạc				248					1							
4	Thôn Lộc Châu 1				225		Thôn Tân Nghĩa	662	2	1				1			
5	Thôn Lộc Châu 2				132					1							
6	Thôn Tân Nghĩa				305		Thôn Lộc Châu	315	1			1		1			
7	Thôn Lộc Châu 3				159					1							
8	Thôn Gia Bắc 2				156		Thôn Gia Bắc	345	1	1				1			
9	Thôn Lộc Châu 4				132												
10	Thôn Gia Bắc 1				213		Thôn Tân Lạc	537	2	1				1			
11	Thôn Tân Lạc 1				205					1							
12	Thôn Tân Lạc 2				138					1							
13	Thôn Tân Lạc 3				194		Thôn Đồng Lạc 1	407	1	1				1			
14	Thôn Đồng Lạc 1				241					1							
15	Thôn Đồng Lạc 4				166		Thôn Tân Phú	724	1			1		1		1	
16	Thôn Tân Phú 1				319					1							
17	Thôn Tân Phú 2				405							1					

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
18	Thôn Ta Ly				149		Thôn Bảo Tuấn	486	2	1				1			
19	Thôn Bơ Sút				118					1							
20	Thôn Bảo Tuấn				219					1							
21	Thôn Krot Đồng				248		Thôn Ka La 1	467	1	1				1			
22	Thôn Kala Tòkrềng				219					1							
23	Thôn Hàng Pior				205		Thôn Hàng Ủng	470	2	1				1			
24	Thôn Hàng Ủng				133					1							
25	Thôn Kơ Nệt				132					1							
26	Thôn Đồng Lạc 2				340		Thôn Đồng Lạc 2	340					1	1			
27	Thôn Đồng Lạc 3				304		Thôn Đồng Lạc 3	304					1	1			
28	Thôn Duệ				338		Thôn Duệ	338					1	1			
29	Thôn Kao Kuil				390		Thôn Kao Kuil	390					1	1			
30	Thôn Kala Krot				376		Thôn Ka La 2	376					1	1			
31	Thôn Trại Phong				56			56	1	1							
36	Xã Sơn Diên	7.398	261,88	10	1672	5		1672	5	8	2	0	0	3	2	0	0
1	Thôn Bờ Nôm				72		Thôn Con Sỏ	358	2	1				1			
2	Thôn Đẳng Cao				166					1							
3	Thôn Con Sỏ				120					1							
4	Thôn Nao Sẻ				215		Thôn Nao Sẻ	411	1	1				1			
5	Thôn Bộ Bộ				196					1							
6	Thôn Ka Sá				194		Thôn Ka Sá	460	2	1				1			
7	Thôn Hà Giang				97					1							
8	Thôn Đà Hiong				169					1							
9	Thôn Jang Pàr				249		Thôn Jang Pàr	249			1				1		
10	Thôn Ka Liêng				194		Thôn Ka Liêng	194			1				1		
37	Xã Gia Hiệp	21.389	324,43	14	4705	7		4705	7	7	0	5	2	7	0	3	0
1	Thôn 1				425		Thôn 1	660	1			1		1			
2	Thôn 8				235					1							
3	Thôn 2				276		Thôn 2	714	2	1				1		1	
4	Thôn 5				219					1							
5	Thôn Gia Lành				219					1							
6	Thôn 3				204		Thôn 3	888	2	1				1		1	
7	Thôn Phú Hiệp 1				432							1					
8	Thôn Phú Hiệp 3				252					1							
9	Thôn 7				416		Thôn 7	661	1			1		1			
10	Thôn Phú Hiệp 2				245					1							
11	Thôn 6				300		Thôn 6	754	1			1		1		1	
12	Thôn Hiệp Thành 1				454							1					
13	Thôn 4				458		Thôn 4	458					1	1			
14	Thôn Hiệp Thành 2				570		Thôn 5	570					1	1			
38	Xã Bảo Lâm 1	43.650	204,43	39	10399	20		10399	19	26	0	11	2	20	0	0	0
1	Thôn 1 Lộc Thắng				238		Thôn 1	573	1	1				1			
2	Thôn 2 Lộc Thắng				335							1					
3	Thôn 3 Lộc Thắng				271		Thôn 2	546	1	1				1			
4	Thôn 4 Lộc Thắng				275					1							
5	Thôn 6 Lộc Thắng				280		Thôn 3	468	1	1				1			
6	1 phần thôn 7 Lộc Thắng				188					1							
7	Thôn 8 Lộc Thắng				319		Thôn 4	559	1			1		1			
8	Thôn 9 Lộc Thắng				240					1							
9	Thôn 10 Lộc Thắng				199		Thôn 5	625	2	1				1			
10	Thôn 11 Lộc Thắng				221					1							
11	Thôn 12 Lộc Thắng				205					1							
12	Thôn 13 Lộc Thắng				149		Thôn 6	486	1	1				1			
13	Thôn 14 Lộc Thắng				337							1					
14	Thôn 15 Lộc Thắng				370		Thôn 7	689	1			1		1			
15	Thôn 16 Lộc Thắng				319							1					
16	Thôn 17 Lộc Thắng				219		Thôn 8	696	2	1				1			
17	Thôn 18 Lộc Thắng				255					1							
18	Thôn 19 Lộc Thắng				222					1							
19	Thôn 20 Lộc Thắng				350		Thôn 9	623	1			1		1			
20	Thôn 22 Lộc Thắng				273					1							
21	Thôn 1 Lộc Ngãi				360		Thôn 10	467				1		1			
	1 phần Thôn 7 Lộc Thắng				107												
22	Thôn 2 Lộc Ngãi				385		Thôn 11	561	1			1		1			
23	Thôn 11 Lộc Ngãi				176					1							
24	Thôn 8 Lộc Ngãi				323		Thôn 12	473	1			1		1			
25	Thôn 6 Lộc Ngãi				150					1							
26	Thôn 3 Lộc Ngãi				200		Thôn 13	531	1	1				1			
27	Thôn 10 Lộc Ngãi				331							1					
28	Thôn 4 Lộc Ngãi				396		Thôn 14	652	1			1		1			
29	Thôn 5 Lộc Ngãi				256					1							
30	Thôn 7 Lộc Ngãi				292		Thôn 15	496	1	1				1			
31	Thôn 12 Lộc Ngãi				204					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
32	Thôn 5 Lộc Quảng				218		Thôn 18	332	1	1				1			
33	Thôn 7 Lộc Quảng				114					1							
34	Thôn 2 Lộc Quảng				247		Thôn 19	456	1	1				1			
35	Thôn 4 Lộc Quảng				209					1							
36	Thôn 1 Lộc Quảng				214		Thôn 20	356	1	1				1			
37	Thôn 6 Lộc Quảng				142					1							
38	Thôn 9 Lộc Ngải				451		Thôn 16	451				1	1	1			
39	Thôn 13 Lộc Ngải				359		Thôn 17	359				1	1	1			
39	Xã Bảo Lâm 2	32.504	114.00	31	8176	12		8176	19	21	0	9	1	12	0	5	0
1	Thôn 1				502		Thôn Lộc An 1	1062	1			1		1		1	
2	Thôn 7				560							1					
3	Thôn 11				306		Thôn Lộc An 3	530	1			1		1			
4	Thôn An Hòa				224					1							
5	Thôn An Bình				306		Thôn Lộc An 4	491	1			1		1			
6	Thôn 5				185					1							
7	Thôn 4				474		Thôn Lộc An 5	779	1			1		1		1	
8	Thôn 6				305							1					
9	Thôn 2				292		Thôn Lộc An 6	934	3	1				1		1	
10	Thôn B' Cọ				191					1							
11	Thôn Tứ Quý				170					1							
12	Thôn 9				281					1							
13	Thôn 3				522		Thôn Lộc An 7	931	1			1		1		1	
14	Thôn 8				409							1					
15	Thôn Đức Giang 1				212		Thôn Lộc Đức 8	634	2	1				1			
16	Thôn Đức Giang 2				213					1							
17	Thôn Khánh Thượng				209		Thôn Lộc Đức 9	868	2	1				1		1	
18	Thôn Đông La 1				405							1					
19	Thôn Đông La 2				176					1							
20	Thôn Thanh Bình				287					1							
21	Thôn Đức Thanh				248		Thôn Lộc Đức 10	541	2	1				1			
22	Thôn Đức Thạnh				73					1							
23	Thôn Tiền Yên				220					1							
24	Thôn Tân Lạc 1				166		Thôn Tân Lạc 11	416	2	1				1			
25	Thôn Tân Lạc 2				127					1							
26	Thôn Tân Lạc 4				123					1							
27	Thôn Tân Lạc 3				170		Thôn Tân Lạc 12	503	3	1				1			
28	Thôn Tân Lạc 6				118					1							
29	Thôn Tân Lạc 8				122					1							
30	Thôn Tân Lạc 9				93					1							
31	Thôn B' Dơ				487		Thôn Lộc An 2	487				1	1	1			
40	Xã Bảo Lâm 3	33.032	152.13	27	8294	13		8294	14	14	0	10	3	13	0	5	0
1	Thôn 1				411		Thôn Măng Tố	713	1			1		1		1	
2	Thôn 10				302							1					
3	Thôn 2				310		Thôn Lộc Nam	775	1			1		1		1	
4	Thôn 8				465							1					
5	Thôn 3				488		Thôn Tố La	779	2			1		1		1	
6	Thôn 6				176					1							
7	Thôn 7				115					1							
8	Thôn 5				300		Thôn Đoàn Kết	877	1			1		1		1	
9	Thôn 9				577							1					
10	Thôn 1A				135		Thôn Tha La	506	2	1				1			
11	Thôn 2A				117					1							
12	Thôn 3A				254					1							
13	Thôn 5-7				266		Thôn Thanh Bình	521	1	1				1			
14	Thôn 6A				255					1							
15	Thôn 8A				322		Thôn Lộc Thành	547	1			1		1			
16	Thôn 8B				225					1							
17	Thôn 4A				136		Thôn Tà Ngáo	560	2	1				1			
18	Thôn Tà Ngáo				157					1							
19	Thôn 10B				267					1							
20	Thôn 9A				265		Thôn Linh Sơn	385	1	1				1			
21	Thôn 10A				120					1							
22	Thôn 11				317		Thôn Đại Bình	929	2			1		1		1	
23	Thôn 12				364							1					
24	Thôn 13				248					1							
25	Thôn 15				644		Thôn Dạ RLom	644				1	1	1			
26	Thôn 16				467		Thôn Sê Pung	467				1	1	1			
27	Thôn 4				591		Thôn Nam Sơn	591				1	1	1			

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
41	Xã Bảo Lâm 4	9.882	343,36	14	2603	7		2603	7	12	1	1	0	6	1	0	0
1	Thôn 1 Lộc Lâm				250		Thôn chưa đặt tên	511	1	1				1			
2	Thôn 2 Lộc Lâm				261					1							
3	Thôn 3 Lộc Lâm				257					1							
4	Thôn Dạ Hàng Làng				56		Thôn chưa đặt tên	313	1	1				1			
5	Thôn 3 Lộc Phú				162					1							
6	Thôn 4 Lộc Phú				257					1							
7	Thôn 1 Lộc Phú				209		Thôn chưa đặt tên	350	1	1				1			
8	Thôn 2 Lộc Phú				141					1							
9	1 phần Thôn 1 B' Lá				143						1						
10	Thôn 2 B' Lá				149		Thôn chưa đặt tên	390	2	1				1			
11	Thôn 5 B' Lá				98					1							
	1 phần Thôn 1 B' Lá				213												
12	Thôn 3 B' Lá				138		Thôn chưa đặt tên	529	1	1				1			
13	Thôn 4 B' Lá				178					1							
14	Thôn Nao Quang				91						1				1		
42	Xã Bảo Lâm 5	11.461	511,87	8	2996	7		2996	1	1	0	1	6	7	0	0	0
1	Thôn 1 Lộc Bắc				394		Thôn 1 Lộc Bắc	583	1			1		1			
2	Thôn 3 Lộc Bắc				189					1							
3	Thôn 2 Lộc Bắc				305							1	1				
4	Thôn 4 Lộc Bắc				604		Thôn 4 Lộc Bắc	604				1	1	1			
5	Thôn 1 Lộc Bảo				343		Thôn 1 Lộc Bảo	343				1	1	1			
6	Thôn Hang Ka Lộc Bảo				303		Thôn Hang Ka Lộc Bảo	303				1	1	1			
7	Thôn 2 Lộc Bảo				300		Thôn 2 Lộc Bảo	300				1	1	1			
8	Thôn 3 Lộc Bảo				558		Thôn 3 Lộc Bảo	558				1	1	1			
43	Xã Đạ Huoai	22.950	113,95	27	5.621	13		5.621	14	25	2	0	0	11	2	1	0
1	1 phần Thôn 2				211		Thôn 2	531	2	1				1			
2	1 phần Thôn 3				156					1							
3	1 phần Thôn 4				164					1							
	1 phần Thôn 2				2		Thôn 3	725	1					1		1	
	1 phần Thôn 3				96												
	1 phần Thôn 4				52												
4	Thôn 5				288		Thôn 4	526	1	1				1			
5	Thôn 6				287					1							
6	Thôn 7				258					1							
7	Thôn 8				268		Thôn 5	396	1	1				1			
8	Thôn 9				204					1							
9	Thôn 10				192					1							
10	Thôn 11				237		Thôn 6	480	1	1				1			
11	Thôn 12				243					1							
12	Thôn 13				260		Thôn 7	444	1	1				1			
13	Thôn 14				184					1							
14	Thôn 15				144		Thôn 8	412	1	1				1			
15	Thôn 18				268					1							
16	Thôn 16				259					1							
17	Thôn 17				213		Thôn 9	472	1	1				1			
18	Thôn 22				174					1							
19	Thôn 23				103		Thôn 10	465	2	1				1			
20	Thôn 24				188					1							
21	Thôn 19				212		Thôn 11	446	1	1				1			
22	Thôn 21				234					1							
23	Thôn 25				76					1							
24	Thôn 26				75		Thôn 13	424	2	1				1			
25	Thôn 27				273					1							
26	Thôn 1				138		Thôn 1	138			1				1		
27	Thôn 20				162		Thôn 12	162			1				1		
44	Xã Đạ Huoai 2	15.400	249,57	19	3949	8		3949	11	17	0	2	0	8	0	0	0
1	Thôn 1				337		Thôn 1	546	1			1		1			
2	Thôn 2				209					1							
3	Thôn 3				321							1					
4	Thôn 4				256		Thôn 2	577	1	1				1			
5	Thôn 5				100					1							
6	Thôn 6				172					1				1			
7	Thôn 7				242		Thôn 3	514	2	1							
8	Thôn 8				262					1							
9	Thôn 9				299		Thôn 4	561	1	1				1			
10	Thôn 10				214					1							
11	Thôn 11				77					1				1			
12	Thôn 12				152		Thôn 5	443	2	1							
										1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp					
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ		
13	Thôn 13				107		Thôn 6	447	2	1				1					
14	Thôn 14				209					1									
15	Thôn 15				131					1									
16	Thôn Phước Trung				155		Thôn Lạc Hồng	413	1	1				1					
17	Thôn Lạc Hồng				258					1									
18	Thôn Phước Dũng				163		Thôn Bình An	448	1	1				1					
19	Thôn Bình An				285					1									
45	Xã Đạ Huoai 3	6.718	131,51	8	1614	4		1614	4	7	0	0	1	4	0	0	0		
1	Thôn 1				228		Thôn 1	394	2	1				1					
2	Thôn 2				128					1									
3	1 phần Thôn 3				38					1									
4	Thôn 4				195		Thôn 3	413	1	1				1					
5	1 phần Thôn 3				92														
5	1 phần Thôn 6				126					1									
6	Thôn 7				189		Thôn 4	398	1	1				1					
	1 phần Thôn 6				14														
7	Thôn 8				195					1									
8	Thôn 5				409		Thôn 2	409					1	1					
46	Xã Đạ Tẻh	30.586	145,84	37	7118	18		7118	19	35	0	2	0	17	1	0	0		
1	1 phần Thôn 1A				179		Thôn 1	620	2	1				1					
2	1 phần Thôn 1B				198					1									
3	1 phần Thôn 1C				243					1									
4	Thôn 2A				167		Thôn 2	669	3	1				1					
5	Thôn 2B				167					1									
6	Thôn 2C				181					1									
7	Thôn 2D				154					1									
8	Thôn 3A				182		Thôn 3	372	1	1				1					
9	Thôn 3C				190					1									
10	1 phần Thôn 4D				169		Thôn 4A	347	1	1				1					
11	Thôn 4A				178					1									
12	1 phần Thôn 4D				1		Thôn 4B	334						1					
	Thôn 4B				333								1						
13	Thôn 5A				154		Thôn 5	555	2	1				1					
14	Thôn 5B				185					1									
15	Thôn 5C				216					1									
16	1 phần Thôn 6A				360		Thôn 6A	360				1		1					
	1 phần Thôn 1A				12		Thôn 6B	326						1					
	1 phần Thôn 1B				17														
	1 phần Thôn 1C				6														
	1 phần Thôn 6A				50														
	Thôn 6B				241					1									
18	Thôn 3B				202		Thôn 7	364	1	1				1					
19	Thôn 7				162					1									
20	Thôn 8A				281		Thôn 8	311		1				1					
	1 phần Thôn 9				30														
21	1 phần Thôn 9				164		Thôn 9	392	1	1				1					
22	Thôn 10				228					1									
23	Thôn 1				197		Thôn An Nhơn	419	1	1				1					
	1 phần Thôn 2				52														
24	1 phần Thôn 3				170					1									
25	1 phần Thôn 3				25		Thôn Đạ Hàm	317	1	1				1					
	1 phần Thôn 2				121														
26	Thôn 4				171					1									
27	Thôn 5				161		Thôn Tổ Lan	252	1	1					1				
28	Thôn Tổ Lan				91					1									
29	1 phần Thôn Lộc Hòa				79		Thôn Vinh Phước	349	1	1				1					
	1 phần Thôn Hương Thuận				45														
	1 phần Thôn Phú Bình				30														
30	Thôn Vinh Phước				195		Thôn Đạ Lây	494	2	1				1					
31	Thôn Thuận Lộc				124					1									
	1 phần Thôn Lộc Hòa				80														
32	1 phần Thôn Hương Thuận				148					1									
33	1 phần Thôn Phú Bình				142		Thôn Hương Lâm	315	1	1				1					
34	1 phần Thôn Hương Vân				106														
	1 phần Thôn Phú Bình				56														
35	Thôn Phú Thành				153		Thôn Hương Thanh	322	1	1				1					
36	Thôn Hương Thanh				157					1									
	1 phần Thôn Hương Vân				3														
37	Thôn Sơn Thủy				162					1									

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
47	Xã Đa Tềh 2	14.494	186,06	23	3738	11		3738	12	22	1	0	0	10	1	0	0
1	Thôn 15				117		Thôn 1	333	2	1				1			
2	Thôn 16				91					1							
3	1 phần Thôn 14				125					1							
4	Thôn 17				152		Thôn 2	381	2	1				1			
5	Thôn 18				146					1							
6	Thôn 19				83					1							
	1 phần Thôn 14				134		Thôn 3	317						1			
7	Thôn 12				183					1							
8	Thôn 10				218		Thôn 4	385	1	1				1			
9	Thôn 11				167					1							
10	Thôn 8				122		Thôn 5	307	1	1				1			
11	Thôn 9				185					1							
12	Thôn 6				115		Thôn 6	306	1	1				1			
13	Thôn 7				191					1							
14	Thôn 1				180		Thôn 7	327	1	1				1			
15	Thôn 2				147					1							
16	Thôn 3				243		Thôn 8	467	1	1				1			
17	Thôn 4				224					1							
18	Thôn 5				133		Thôn 9	309	1	1				1			
19	Thôn Xuân Thành				176					1							
20	Thôn Xuân Châu				131		Thôn 10	414	2	1				1			
21	Thôn Bình Hoà				121					1							
22	Thôn Xuân Thượng				162					1							
23	Thôn Tôn K' Long				192		Thôn Tôn K' Long	192			1				1		
48	Xã Đa Tềh 3	11.429	194,82	17	2890	9		2890	8	16	0	0	1	7	2	0	0
1	Thôn Phú Hòa				173		Thôn Hà Đông	355	1	1				1			
2	1 phần Thôn Yên Hòa				182					1							
3	Thôn Hòa Bình				125		Thôn Hòa Bình	337	1	1				1			
4	Thôn 1				153					1							
	1 phần Thôn Yên Hòa				10												
	1 phần Thôn 2				49		Thôn Mỹ Đức	319	1					1			
5	1 phần Thôn 2				138					1							
6	Thôn 3				171					1							
	1 phần Thôn 5				10		Thôn Thường Tín	379	2					1			
7	Thôn 4				132					1							
8	1 phần Thôn 5				123					1							
9	Thôn 7				124		Thôn Con Ố	310	1					1			
10	Thôn 6				130					1							
11	Thôn 8				180		Thôn Quốc Oai	257	1	1					1		
12	Thôn Hà Lâm				130					1							
13	Thôn Hà Oai				127					1							
14	Thôn Hà Mỹ				226		Thôn Hà Mỹ	321	1	1				1			
15	1 phần Thôn Hà Tây				95					1							
	1 phần Thôn Hà Tây				110		Thôn Hà Phú	278							1		
16	Thôn Hà Phú				168					1							
17	Thôn Đa Nhar				334		Thôn Đa Nhar	334				1		1			
49	Xã Cát Tiên	19.378	78,14	23	4765	9		4765	14	20	0	3	0	9	0	2	0
1	Thôn 1				220		Thôn 1	477	1	1				1			
2	Thôn 2				257					1							
3	Thôn 3				277		Thôn 2	536	2	1				1			
4	Buôn Go				69					1							
5	Thôn 6				190					1							
6	Thôn 5				180		Thôn 3	502	2	1				1			
7	Thôn 4				181					1							
9	Thôn 10				141					1							
8	Thôn 8				381		Thôn 4	729	1			1		1		1	
10	Thôn 12				348							1					
11	Thôn 13				365		Thôn 5	740	2			1		1		1	
12	Thôn 14				194					1							
13	Thôn 15				181					1							
14	Thôn Quảng Ngãi 1				226		Thôn Quảng Ngãi	484	1	1				1			
15	Thôn Quảng Ngãi 2				258					1							
16	Thôn Tư Nghĩa				220		Thôn Tư Nghĩa	425	1	1				1			
17	Thôn Nghĩa Hưng				205					1							
18	Thôn Ninh Đại				203		Thôn Nam Ninh	484	2	1				1			
19	Thôn Ninh Trung				95					1							
20	Thôn Ninh Hạ				186					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
21	Thôn Ninh Hậu				107		Thôn Mỹ Lâm	388	2	1				1			
22	Thôn Mỹ Bắc				106					1							
23	Thôn Mỹ Nam				175					1							
50	Xã Cát Tiên 2	15.078	177,25	18	3483	9		3483	9	15	2	1	0	7	2	1	0
1	Thôn Cát An				291		Thôn Cát An	521	1	1				1			
2	Thôn Cát Lợi				230					1							
3	Thôn Cát Lâm 1				244		Thôn Cát Lâm	765	2	1				1		1	
4	Thôn Cát Lâm 2				228					1							
5	Thôn Cát Lâm 3				293					1							
6	Thôn Cát Lương				323		Thôn Cát Lương	455	1			1		1			
7	Thôn Phước Trung				121					1							
	1 phần thôn Sơn Hải				11												
8	Thôn Cát Điền				203		Thôn Cát Điền	493	2	1				1			
9	Thôn Cát Hòa				137					1							
10	Thôn Hà Nam				152					1							
	1 phần Thôn Phố Cường				1		Thôn Phước Cát 2	416	1					1			
11	1 phần Thôn Sơn Hải				207					1							
12	Thôn Phước Thái				209					1							
13	Thôn Phố Thuận				131		Thôn Phố Vinh	324	1	1				1			
14	Thôn Phố Vinh				193					1							
15	Thôn Đức Phổ				182		Thôn Đức Phổ	419	1	1				1			
16	1 phần Thôn Phố Cường				237					1							
17	Thôn 3				46		Thôn 3	46			1				1		
18	Thôn 4				44		Thôn 4	44			1				1		
51	Xã Cát Tiên 3	10.598	171,31	18	2546	8		2546	10	17	0	0	1	6	2	0	0
1	Thôn Tân Xuân				196		Thôn Tân Xuân	378	2	1				1			
2	Thôn Vân Minh				156					1							
3	Bán Brun				26					1							
4	Thôn Trần Phú				177		Thôn Hòa Thịnh	332	2	1				1			
5	1 phần Thôn Hòa Thịnh				74					1							
6	1 phần Thôn Liên Phương				81					1							
7	Thôn Tiến Thắng				204		Thôn Tiến Thắng	302		1				1			
	1 phần Thôn Liên Phương				35												
	1 phần Thôn Hòa Thịnh				63												
8	Thôn 2				171		Thôn Hoa Lư	399	2	1				1			
9	Thôn 5				170					1							
10	Thôn 6				52					1							
	1 phần Thôn 4				6												
11	Thôn 3				169		Thôn Tiên Hoàng	367	1	1				1			
12	1 phần Thôn 4				198					1							
13	Thôn Đa Cọ				58		Thôn Bsar Lou Sieum	247	2	1					1		
14	Thôn Bù Sa				95					1							
15	Thôn Bù Gia Rá				94					1							
16	Thôn Bì Nao				106		Thôn Bì Nao	210	1	1					1		
17	Thôn Bê Đê				104					1							
18	Thôn Trung Hưng				311		Thôn Trung Hưng	311					1	1			
52	Phường Hàm Thắng	55.260	44,93	19	13433	9		13433	10	1	0	18	0	9	0	0	9
1	Khu phố 1				739		Khu phố Xuân An 1	1724	1			1		1			1
2	Khu phố 2				985							1					
3	Khu phố 3				920		Khu phố Xuân An 2	1451	1			1		1			1
4	Khu phố 4				531							1					
5	Khu phố Thắng Thuận				944		Khu phố Thắng Thuận	1480	1			1		1			1
6	Khu phố Thắng Hiệp				536							1					
7	Khu phố Thắng Hòa				860		Khu phố Kim Ngọc	1135	1			1		1			1
	1 phần Khu phố Kim Ngọc				275												
8	1 phần Khu phố Kim Ngọc				363		Khu phố Kim Bình	1316	0			1		1			1
9	Khu phố Kim Bình				953							1					
10	Khu phố Thắng Lợi				961		Khu phố Ung Chiếm	1773	1			1		1			1
11	Khu phố Ung Chiếm				812							1					
12	Khu phố Phú Hòa				553		Khu phố Phú Hòa	1105	1			1		1			1
13	Khu phố Phú Thành				552							1					
14	Khu phố Phú Trường				699		Khu phố Phú Long	1869	2			1		1			1
15	Khu phố Phú Cường				605							1					
16	Khu phố Phú Thịnh				565							1					
17	Khu phố Phú An				689		Khu phố Phước Thiện Xuân	1580	2			1		1			1
18	Khu phố Phú Xuân				484							1					
19	Khu phố Phú Mỹ				407					1							
53	Phường Bình Thuận	50.611	44,74	16	12559	8		12559	8	0	0	16	0	8	0	0	8
1	Khu phố 4				728		Khu phố Văn Thánh	1543	1			1		1			1
2	Khu phố 5				815							1					
3	Khu phố 1				986		Khu phố Xuân Hải	1934	1			1		1			1
4	Khu phố 2				948							1					

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
5	Khu phố 3				1338		Khu phố Phú Tài	2220	1			1		1			1
6	Khu phố 6				882							1					
7	Khu phố Đại Thiện 1				659							1					
8	Khu phố Đại Thiện 2				684		Khu phố Đại Thiện	1343	1			1		1			1
9	Khu phố Phú Điền				558							1					
10	Khu phố Phú Nhạng				747							1					
11	Khu phố Xuân Điền				653		Khu phố Hàm Hiệp	1335	1			1		1			1
12	Khu phố Đại Lộc				682							1					
13	Khu phố Xuân Phong				517							1					
14	Khu phố Xuân Phú				927		Khu phố Xuân Phong	1444	1			1		1			1
15	Khu phố Xuân Hòa				923							1					
16	Khu phố Xuân Tài				512							1					
54	Phường Mũi Nè	51.553	118.23	26	11827	10		11827	16	13	0	13	0	10	0	0	8
1	Khu phố Hàm Tiến 1				695		Khu phố 1	1367	1			1		1			1
2	Khu phố Hàm Tiến 2				379					1							
3	Khu phố Hàm Tiến 3				412					1							
4	Khu phố Hàm Tiến 4				618		Khu phố 2	1352	4			1		1			1
5	Khu phố Thiện Sơn				357					1							
6	Khu phố Thiện An				447					1							
7	Khu phố Thiện Trung				581							1					
8	Khu phố Thiện Hòa				475		Khu phố 3	1294	1			1		1			1
9	Khu phố Thiện Bình				464							1					
10	Khu phố 1				682							1					
11	Khu phố 2				220		Khu phố 4	1209	2	1				1			1
12	Khu phố 3				215					1							
13	Khu phố 4				310					1							
14	Khu phố 5				661		Khu phố 5	1564	2			1		1			1
15	Khu phố 6				391					1							
16	Khu phố 7				216					1							
17	Khu phố 8				312		Khu phố 6	613	1	1				1			
18	Khu phố 9				405					1							
19	Khu phố 10				558							1					
20	Khu phố 11				376		Khu phố 8	1030	1	1				1			1
21	Khu phố 12				630							1					
22	Khu phố 13				492							1					
23	Khu phố 14				633		Khu phố 9	938	1			1		1			
24	Khu phố 15				685							1					
25	Khu phố Long Sơn				458							1					
26	Khu phố Suối Nước				155					1							
55	Phường Phú Thủy	57.451	17,8	23	13826	12		13826	11	3	0	19	1	12	0	0	8
1	Khu phố 1				452		Khu phố 1	891	1			1		1	0		
2	Khu phố 3				439					1							
3	Khu phố 2				493							1					
4	Khu phố 14				867		Khu phố 2	1.360	1			1		1	0		1
5	Khu phố 4				702							1					1
6	Khu phố 5				463							1					
7	Khu phố 6				590		Khu phố 4	1.375	1			1		1	0		1
8	Khu phố 7				785							1					
9	Khu phố 8				467							1					
10	Khu phố 10				358		Khu phố 5	825	1	1				1	0		
11	Khu phố 12				541							1					1
12	Khu phố 13				830							1					
13	Khu phố 2 - Thanh Hải				388		Khu phố 8	969	1	1				1	0		
14	Khu phố 3 - Thanh Hải				581							1					
15	Khu phố 1 - Thanh Hải				560							1					
16	Khu phố 5 - Thanh Hải				569		Khu phố 9	1.129	1			1		1	0		1
17	Khu phố 1 - Phú Hải				538							1					1
18	Khu phố 4 - Thanh Hải				483							1					
19	Khu phố 2 - Phú Hải				721		Khu phố 10	1.021	1			1		1	0		
20	Khu phố 3 - Phú Hải				712							1					1
21	Khu phố 4 - Phú Hải				706							1					
22	Khu phố 5 - Phú Hải				679		Khu phố 12	1.385	1			1		1	0		1
23	Khu phố 11				902							1					
24	Khu phố 6				902					0			1		0		
56	Phường Phan Thiết	85.040	4,48	44	20020	18		20020	26	25	0	17	2	18	0	0	16
1	Tổ dân phố 41				386		Tổ dân phố 1	1340	1	1				1			1
2	Tổ dân phố 43				954							1					
3	Tổ dân phố 40				612							1					1
4	Tổ dân phố 42				555		Tổ dân phố 2	1167	1			1		1			
5	Tổ dân phố 38				332							1					
6	Tổ dân phố 39				588							1					1
7	1 phần Tổ dân phố 37				272		Tổ dân phố 3	1192	1					1			
8	1 phần Tổ dân phố 37				300							1					
9	Tổ dân phố 35				614							1					1
10	Tổ dân phố 44				352		Tổ dân phố 4	1266	2	1				1			
11	Tổ dân phố 21				342							1					
12	Tổ dân phố 22				436					1							1
13	Tổ dân phố 27				257		Tổ dân phố 6	1035	2	1				1			
14	Tổ dân phố 27				257					1							
15	Tổ dân phố 27				257					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
13	Tổ dân phố 23				500		Tổ dân phố 7	1185	2			1		1			1
14	Tổ dân phố 24				300					1							
15	Tổ dân phố 28				385					1							
16	Tổ dân phố 29				602		Tổ dân phố 8	1165	1			1		1			1
17	Tổ dân phố 30				563							1					
18	Tổ dân phố 31				536		Tổ dân phố 9	1305	2			1		1			1
19	Tổ dân phố 33				430					1							
20	Tổ dân phố 34				339					1							
21	Tổ dân phố 25				311					1							
22	Tổ dân phố 26				319		Tổ dân phố 10	1037	2	1				1			1
23	Tổ dân phố 32				407					1							
24	Tổ dân phố 16				252					1							
25	Tổ dân phố 18				339		Tổ dân phố 11	1127	3	1				1			1
26	Tổ dân phố 19				309					1							
27	Tổ dân phố 20				227					1							
28	Tổ dân phố 14				328					1							
29	Tổ dân phố 15				302		Tổ dân phố 12	1254	2	1				1			1
30	Tổ dân phố 17				624							1					
31	Tổ dân phố 6				372		Tổ dân phố 13	1087	1	1				1			1
32	Tổ dân phố 7				715							1					
33	Tổ dân phố 4				482		Tổ dân phố 14	1081	1			1		1			1
34	Tổ dân phố 5				599							1					
35	Tổ dân phố 1				303		Tổ dân phố 15	1274	2	1				1			1
36	Tổ dân phố 2				478							1					
37	Tổ dân phố 3				493							1					
38	Tổ dân phố 11				435		Tổ dân phố 16	1114	1	1				1			1
39	Tổ dân phố 12				679							1					
40	Tổ dân phố 8				409		Tổ dân phố 17	1233	2	1				1			1
41	Tổ dân phố 9				442					1							
42	Tổ dân phố 10				382					1							
43	Tổ dân phố 36				689		Tổ dân phố 5	689	0				1	1			
44	Tổ dân phố 13				469		Tổ dân phố 18	469	0				1	1			
57	Phường Tiên Thành	29.247	55,16	14	6901	7		6901	7	6	0	6	2	7	0	0	3
1	Khu phố 1				346		Khu phố 1	1.021	1	1				1			1
2	Khu phố 6				675							1					
3	Khu phố 2				531		Khu phố 2	1758	2			1		1			1
4	Khu phố 3				616							1					
5	Khu phố 4				611							1					
6	Khu phố 5				656		Khu phố 3	1606	2			1		1			1
7	Khu phố 8				681							1					
8	Khu phố Tiên Đức				269					1							
9	Khu phố Tiên An				337		Khu phố Tiên An	705	1	1				1			
10	Khu phố Tiên Hòa				368					1							
11	Khu phố Tiên Hải				314		Khu phố Tiên Hải	561	1	1				1			
12	Khu phố Tiên Phú				247					1							
13	Khu phố Tiên Bình				492		Khu phố Tiên Bình	492	0				1	1			
14	Khu phố 7				758		Khu phố 4	758	0				1	1			
58	Phường La Gi	61.772	68,71	29	13819	14		13819	15	11	0	16	2	14	0	0	8
1	Tổ dân phố 1 Tân An				508		Tổ dân phố Tân An 1	881	1			1		1			
2	Tổ dân phố 2 Tân An				373				1								
3	Tổ dân phố 3 Tân An				543		Tổ dân phố Tân An 2	1069	1			1		1			1
4	Tổ dân phố 4 Tân An				526							1					
5	Tổ dân phố 5 Tân An				626		Tổ dân phố Tân An 3	1175	1			1		1			1
6	Tổ dân phố 6 Tân An				549							1					
7	Tổ dân phố 7 Tân An				613		Tổ dân phố Tân An 4	1249	1			1		1			1
8	Tổ dân phố 8 Tân An				636							1					
9	Tổ dân phố 1 Tân Thiện				402		Tổ dân phố Tân Thiện 1	1261	2	1				1			1
10	Tổ dân phố 2 Tân Thiện				266					1							
11	Tổ dân phố 3 Tân Thiện				593							1					
12	Tổ dân phố 4 Tân Thiện				350		Tổ dân phố Tân Thiện 2	841	1	1				1			
13	Tổ dân phố 5 Tân Thiện				491							1					
14	Tổ dân phố 1 Bình Tân				331		Tổ dân phố Bình Tân 1	1157	2	1				1			1
15	Tổ dân phố 2 Bình Tân				323					1							
16	Tổ dân phố 3 Bình Tân				503							1					
17	Tổ dân phố 4 Bình Tân				483		Tổ dân phố Bình Tân 2	1215	2			1		1			1
18	Tổ dân phố 5 Bình Tân				434					1							
19	Tổ dân phố 6 Bình Tân				298					1							
20	Tổ dân phố 7 Bình Tân				480		Tổ dân phố Bình Tân 3	840	1			1		1			
21	Tổ dân phố 10 Bình Tân				360					1							
22	Tổ dân phố 8 Bình Tân				533		Tổ dân phố Bình Tân 4	1050	1			1		1			1
23	Tổ dân phố 9 Bình Tân				517							1					
24	Tổ dân phố Tân Lý 1				358		Tổ dân phố Tân Lý	772	1	1				1			
25	Tổ dân phố Bình An 2				414					1							
26	Tổ dân phố Bình An 1				577		Tổ dân phố Bình An	1224	1			1		1			1
27	Tổ dân phố Bình An 3				647							1					
28	Tổ dân phố Tân Lý 2				516		Tổ dân phố Tân Bình	516	0				1	1			
29	Tổ dân phố 11 Bình Tân				569		Tổ dân phố Bình Tân 5	569	0				1	1			

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
59	Phường Phước Hội	49.927	37,99	24	10302	12		10302	12	13	0	11	0	12	0	0	1
1	Khu phố 1				358		Khu phố 1	774	1	1				1			
2	Khu phố 10				416					1							
3	Khu phố 2				453		Khu phố 2	866	1			1		1			
4	Khu phố 4				413					1							
5	Khu phố 3				427		Khu phố 3	681	1	1				1			
6	Khu phố 9				254					1							
7	Khu phố 7				369		Khu phố 4	971	1	1				1			
8	Khu phố 8				602							1					
9	Khu phố 5				540		Khu phố 5	834	1			1		1			
10	Khu phố 6				294					1							
11	Khu phố 11				416		Khu phố 6	943	1	1				1			
12	Khu phố 12				527							1					
13	Khu phố 13				509		Khu phố 7	1032	1			1		1			1
14	Khu phố 14				523							1					
15	Khu phố 15				479		Khu phố 8	760	1			1		1			
16	Khu phố 16				281					1							
17	Khu phố Cam Bình				532		Khu phố Cam Bình	995	1			1		1			
18	Khu phố Mũi Đá				463							1					
19	Khu phố Thanh Linh				375		Khu phố Thanh Linh	682	1	1				1			
20	Khu phố Phước Linh				307					1							
21	Khu phố Phước Tiến				355		Khu phố Phước Thọ	790	1	1				1			
22	Khu phố Phước Thọ				435					1							
23	Khu phố Hồ Tôm				491		Khu phố Hồ Tôm	974	1			1		1			
24	Khu phố Phước Hải				483							1					
60	Xã Tuyên Quang	29.189	37,86	12	6906	6		6906	6	1	0	11	0	6	0	6	0
1	Thôn Tiến Hiệp				603		Thôn Tiến Thanh	1328	1			1		1		1	
2	Thôn Tiến Thanh				725							1					
3	Thôn Tiến Hưng				548		Thôn Tiến Hưng	911	1			1		1		1	
4	Thôn Tiến Phú				363							1					
5	Thôn Phú Mỹ				764		Thôn Phú Mỹ	1039	1			1		1		1	
6	Thôn Tiến Hòa				275					1							
7	Thôn Phú Phong				434		Thôn Phú Hưng	1179	1			1		1		1	
8	Thôn Phú Hưng				745							1					
9	Thôn Phú Khánh				502		Thôn Phú Khánh	1099	1			1		1		1	
10	Thôn Phú Sơn				597							1					
11	Thôn Phú Sum				698		Thôn Văn Lâm	1350	1			1		1		1	
12	Thôn Văn Lâm				652							1					
61	Xã Tân Hải	25.845	77,55	12	5561	6		5561	6	4	0	7	1	6	0	6	0
1	Thôn Hiệp Phú				628		Thôn Hiệp An	1414	2			1		1		1	
2	Thôn Hiệp Cường				215					1							
3	Thôn Hiệp An				571							1					
4	Thôn Hiệp Tiến				607		Thôn Hiệp Tiến	811	1			1		1		1	
5	Thôn Hiệp Tín				204					1							
6	Thôn Ba Đàng				493		Thôn Hiệp Thành	853	1			1		1		1	
7	Thôn Hiệp Thành				360							1					
8	Thôn Hiệp Hoà				720		Thôn Hiệp Hoà	980	1			1		1		1	
9	Thôn Hiệp Thuận				260					1							
10	Thôn Hiệp Lễ				496		Thôn Hiệp Lễ	720	1			1		1		1	
11	Thôn Hiệp Trí				224					1							
12	Thôn Tam Tân				783		Thôn Tam Tân	783	0				1	1		1	
62	Xã Vĩnh Hảo	14.566	139,99	5	3746	4		3746	1	1	0	1	3	4	0	3	0
1	Thôn Vĩnh Hưng				190		Thôn Vĩnh Phúc	914	1	1				1		1	
2	Thôn Vĩnh Phúc				724							1					
3	Thôn Vĩnh Tiến				631		Thôn Vĩnh Tiến	631	0				1	1			
4	Thôn Vĩnh Hải				1183		Thôn Vĩnh Hải	1183	0				1	1		1	
5	Thôn Vĩnh Sơn				1018		Thôn Vĩnh Sơn	1018	0				1	1		1	
63	Xã Liên Hương	73.021	128,67	23	16724	15		16724	8	2	0	12	9	15	0	14	0
1	Thôn 1 Liên Hương				874		Thôn 1 Liên Hương mới	1561	1			1		1		1	
2	Thôn 2 Liên Hương				687							1					
3	Thôn 3 Liên Hương				430		Thôn 3 Liên Hương mới	845	1			1		1		1	
4	Thôn 4 Liên Hương				415							1					
5	Thôn 7 Liên Hương				389		Thôn 7 Liên Hương mới	1356	2			1					
6	Thôn 8 Liên Hương				371							1		1		1	
7	Thôn 9 Liên Hương				596							1					
8	Thôn 10 Liên Hương				355		Thôn 10 Liên Hương mới	844	1			1		1		1	
9	Thôn 11 Liên Hương				489							1					
10	Thôn 12 Liên Hương				542		Thôn 12 Liên Hương mới	1080	1			1		1		1	
11	Thôn 13 Liên Hương				538							1					
12	Thôn 1 Bình Thạnh				435		Thôn Bình Thạnh mới	989	2			1		1		1	
13	Thôn 2 Bình Thạnh				269					1							
14	Thôn 3 Bình Thạnh				285					1							
15	Thôn 5 Liên Hương				1733		Thôn 5 Liên Hương	1733	0				1	1		1	
16	Thôn 6 Liên Hương				1238		Thôn 6 Liên Hương	1238	0				1	1		1	
17	Thôn 14 Liên Hương				909		Thôn 14 Liên Hương	909	0				1	1		1	
18	Thôn 1 Phước Thê				1129		Thôn 1 Phước Thê	1129	0				1	1		1	

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
19	Thôn 2 Phước Thê				1135		Thôn 2 Phước Thê	1135	0				1	1		1	
20	Thôn 3 Phước Thê				1344		Thôn 3 Phước Thê	1344	0				1	1		1	
21	Thôn Lạc Trị				1085		Thôn Lạc Trị	1085	0				1	1		1	
22	Thôn Phú Điền				830		Thôn Phú Điền	830	0				1	1		1	
23	Thôn Vĩnh Hanh				646		Thôn Vĩnh Hanh	646	0				1	1			
64	Xã Tuy Phong	9.618	444,34	6	2265	5		2265	1	2	0	0	4	5	0	0	0
1	Thôn La Bá				143		Thôn Phan Dũng	383	1	1				1			
2	Thôn Phan Dũng				240					1							
3	Thôn 1				427		Thôn 1	427	0				1	1			
4	Thôn 2				620		Thôn 2	620	0				1	1			
5	Thôn Tuy Tịnh 1				477		Thôn Tuy Tịnh 1	477	0				1	1			
6	Thôn Tuy Tịnh 2				358		Thôn Tuy Tịnh 2	358	0				1	1			
65	Xã Phan Ri Cửa	87.517	67,32	32	17891	16		17891	16	2	0	27	3	16	0	16	0
1	Thôn Thanh Giang 1				933		Thôn Thanh Giang	1585	1			1		1		1	
2	Thôn Thanh Giang 2				652							1					
3	Thôn Song Thanh 1				303		Thôn Song Thanh	1401	2			1		1		1	
4	Thôn Song Thanh 2				417							1					
5	Thôn Song Thanh 3				681							1					
6	Thôn Giang Hải 1				433		Thôn Giang Hải	1202	2			1		1		1	
7	Thôn Giang Hải 2				373							1					
8	Thôn Giang Hải 3				396							1					
9	Thôn Xuân Giang 1				546		Thôn Xuân Giang	975	1			1		1		1	
10	Thôn Xuân Giang 2				429							1					
11	Thôn Minh Tân 1				445		Thôn Minh Tân 1	966	1			1		1		1	
12	Thôn Minh Tân 2				521							1					
13	Thôn Minh Tân 3				549		Thôn Minh Tân 2	855	1			1		1		1	
14	Thôn Minh Tân 4				306							1					
15	Thôn Hải Tân 1				479		Thôn Hải Tân	1364	2			1		1		1	
16	Thôn Hải Tân 2				430							1					
17	Thôn Hải Tân 3				455							1					
18	Thôn Phú Hải				364		Thôn Phú Hải	950	1			1		1		1	
19	Thôn Phú Tân				586							1					
20	Thôn Phú Thủy				427		Thôn Phú Thủy	947	1			1		1		1	
21	Thôn Phú Hòa				520							1					
22	Thôn Thanh Tân				257		Thôn Thanh Lương	907	1	1				1		1	
23	Thôn Thanh Lương				650							1					
24	Thôn Hà Thủy 2				529		Thôn Hà Thủy 2	1420	1			1		1		1	
25	Thôn Hà Thủy 3				891							1					
26	Thôn Lâm Lộc 1				914		Thôn Lâm Lộc	1550	1			1		1		1	
27	Thôn Lâm Lộc 2				636							1					
28	Thôn Hội Tâm				435		Thôn Hội Tâm	716	1			1		1		1	
29	Thôn Nha Mé				281					1							
30	Thôn Hiệp Đức 1				704		Thôn Hiệp Đức 1	704	0				1	1		1	
31	Thôn Hiệp Đức 2				1132		Thôn Hiệp Đức 2	1132	0				1	1		1	
32	Thôn Hà Thủy 1				1217		Thôn Hà Thủy 1	1217	0				1	1		1	
66	Xã Bắc Bình	51.903	149,04	16	11665	8		11665	8	1	0	12	3	8	0	7	0
1	Thôn Xuân Quang				224		Thôn Chợ Lầu	1.322	1	1				1		1	
2	Thôn Xuân An 2				962							1					
3	Thôn Bình Thắng				1.075		Thôn Phan Hòa	2.514	2			1		1		1	
4	Thôn Bình Minh				1.086							1					
5	Thôn Bình Hòa				353							1					
6	Thôn Bình Tiến				627		Thôn Phan Hiệp	1.458	2			1		1		1	
7	Thôn Bình Đức				456							1					
8	Thôn Bình Hiếu				375							1					
9	Thôn Bình Lễ				990		Thôn Phan Ri Thành	1.658	1			1		1		1	
10	Thôn Bình Long				668							1					
11	Thôn Hiệp Phước				692		Thôn Xuân An	1.975	2			1		1		1	
12	Thôn Xuân Hội				541							1					
13	Thôn Xuân An 1				878							1					
14	Thôn Hòa Thuận				686		Thôn Hòa Thuận	686	0				1	1			
15	Thôn Bình Liêm				1.081		Thôn Bình Liêm	1.081	0				1	1		1	
16	Thôn Bình Thủy				971		Thôn Bình Thủy	971	0				1	1		1	
67	Xã Hồng Thái	25.483	102,41	13	5752	7		5752	6	3	0	10	0	7	0	4	0
1	1 phần thôn Thái Thành				847		Thôn Thái Thành	925	0			1		1		1	
	1 phần thôn Tịnh Mỹ				78												
	Thôn Cảnh Diễn				336		Thôn Cảnh Diễn	574	1			1		1			
2	1 phần thôn Tịnh Mỹ				223							1					
	1 phần thôn Thái Thành				15												

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
3	Thôn Thái Hòa				783		Thôn Thái Hòa	1623	2			1		1		1	
	Thôn Thái An				357							1					
	Thôn Thái Bình				404							1					
	1 phần Thôn Trí Thái				79												
4	1 phần Thôn Thái Hiệp				971		Thôn Thái Hiệp	971				1		1		1	
5	Thôn Mai Lành				200		Thôn Trí Thái	483	1	1				1			
	1 phần Thôn Trí Thái				242							1					
	1 phần Thôn Thái Hiệp				41												
6	Thôn Thanh Kiệt				468		Thôn Châu Hanh	783	1			1		1		1	
	Thôn Châu Hanh				315							1					
7	Thôn Thanh Bình				163		Thôn Thanh Bình	393	1	1				1			
	Thôn Thái Thuận				230					1							
68	Xã Hải Ninh	19.900	289,90	10	4414	8		4414	2	3	0	1	6	8	0	3	0
1	Thôn Tân Điền				204		Thôn Phan Điền	405	1	1				1			
2	Thôn Phú Điền				201					1							
6	Thôn An Trung				423		Thôn Bình An hoặc Thôn Trung Hòa	644	1			1		1			
7	Thôn An Hòa				221					1							
3	Thôn Hải Xuân				820		Thôn Hải Xuân	820	0				1	1		1	
4	Thôn Hải Lạc				712		Thôn Hải Lạc	712	0				1	1		1	
5	Thôn Hải Thủy				799		Thôn Hải Thủy	799	0				1	1		1	
8	Thôn An Lạc				426		Thôn An Lạc	426	0				1	1			
9	Thôn An Bình				305		Thôn An Bình	305	0				1	1			
10	Thôn An Thạnh				303		Thôn An Thạnh	303	0				1	1			
69	Xã Phan Sơn	7.744	584,46	5	1779	3		1779	2	2	0	1	2	3	0	1	0
1	Thôn Ka Líp				273		Thôn chưa đặt tên	820	2	1				1		1	
2	Thôn Bon Thóp				245					1							
3	Thôn Ta Moon				302							1					
4	Thôn Ka Lúc-Dốc Đá				486		Thôn Ka Lúc-Dốc Đá	486	0				1	1			
5	Thôn Kai Ya-Ya Mầu				473		Thôn Kai Ya-Ya Mầu	473	0				1	1			
70	Xã Sông Lũy	21.589	253,37	11	5256	5		5256	6	3	0	8	0	5	0	5	0
1	Thôn Tiến Thành				393		Thôn Phan Tiến	885	2			1		1		1	
2	Thôn Tiến Đạt				271					1							
3	Thôn Sông Khiêng				221					1							
4	Thôn 1				582		Thôn Suối Nhuộm	1020	1			1		1		1	
5	Thôn Suối Nhuộm				411							1					
6	1 phần Thôn 2				27												
7	1 phần Thôn 2				372		Thôn Hòa Bình	1138	2			1		1		1	
	Thôn Hòa Bình				469							1					
8	Thôn Tú Sơn				297					1		1					
9	Thôn Bình Nhon				301		Thôn Bình Tân	1282	1			1		1		1	
10	1 phần Thôn Bình Sơn				981												
	1 phần thôn Bình Sơn				78												
11	Thôn Bình Nghĩa				853		Thôn Bình Nghĩa	931	0			1		1		1	
71	Xã Lương Sơn	24.185	159,59	12	6.060	6		6.060	6	3	0	8	1	6	0	5	0
1	Thôn Lương Hoà				285		Thôn Lương Đông	1043	2	1				1		1	
2	Thôn Lương Đông				261					1							
3	Thôn Lương Bình				497							1					
4	Thôn Lương Bắc				450		Thôn Lương Bắc	1056	2			1		1		1	
5	Thôn Bắc Sơn				220					1							
6	Thôn Tân Hoà				330							1					
	1 phần thôn Lương Nam				6												
7	1 phần thôn Tân Bình				50		Thôn Tân Bình	853	1					1		1	
	1 phần thôn Tân Bình				462							1					
8	Thôn Thanh Bình				391							1					
9	Thôn Lương Tây				761		Thôn Lương Trung	1636	1			1		1		1	
10	Thôn Lương Trung				875							1					
11	Thôn Tân Sơn				465		Thôn Tân Sơn	465	0				1	1			
12	Thôn Lương Nam				1007		Thôn Lương Nam	1007	0			1		1		1	
72	Xã Hòa Thắng	11.644	327,38	6	3006	4		3006	2	2	0	2	2	4	0	2	0
1	Thôn Thanh Thịnh				243		Thôn Hồng Phong	443	1	1				1			
2	Thôn Hồng Trung				200					1							
3	Thôn Hồng Chính				639		Thôn Hồng Chính	1298	1			1		1		1	
4	Thôn Hồng Hải				659							1					
5	Thôn Hồng Lâm				781		Thôn Hồng Lâm	781	0				1	1		1	
6	Thôn Hồng Thắng				484		Thôn Hồng Thắng	484	0				1	1			
73	Xã Đông Giang	5.251	204,92	5	1281	3		1281	2	3	0	2	0	3	0	0	0
1	Thôn Đông Tiến				226		Thôn Đông Tiến	398	1	1				1			
	Thôn Hòa Tiến				172					1							
2	1 phần Thôn 1				91		Thôn Nam Giang	450	1					1			
	1 phần Thôn 2				118												
	1 phần Thôn 3				241					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
3	1 phần Thôn 1				220		Thôn Trung Lâm	433				1		1			
	1 phần Thôn 2				203							1					
	1 phần Thôn 3				10												
74	Xã La Dạ	9.983	234,14	8	2522	5		2522	3	3	0	3	2	5	0	0	0
1	Thôn 1				374		Thôn Đa Tri an	596	1			1		1			
2	Thôn 2				222					1							
3	Thôn 4				236		Thôn Đaguri	564	1	1				1			
4	Thôn Đaguri				328							1					
5	Thôn La Dây				284		Thôn Đa Mì 2	589	1	1				1			
6	Thôn Đa Kim				305							1					
7	Thôn Đa Tro				363		Thôn Đa Mì 1	363	0				1	1			
8	Thôn 3				410		Thôn La Ngà	410	0				1	1			
75	Xã Hàm Thuận Bắc	30.260	292,98	12	7004	6		7004	6	4	0	6	2	6	0	6	0
1	Thôn Phú Lập				1039		Thôn Hàm Phú	1232	1			1		1		1	
2	Thôn Phú Thắng				193					1							
3	Thôn Phú Điền				732		Thôn Phú Thuận	1246	2			1		1		1	
4	Thôn Lâm Thuận				271					1							
5	Thôn Phú Sơn				243					1							
6	Thôn Dân Trí				587							1					
7	Thôn Dân Lễ				243		Thôn Thuận Hoà	1187	2	1				1		1	
8	Thôn Dân Hiệp				357							1					
9	Thôn Phú Thái				854							1		1		1	
10	Thôn Dân Hòa				713		Thôn Hàm Trí	1567	1			1					
11	Thôn Phú Hòa				1002		Thôn Phú Hòa	1002	0				1	1		1	
12	Thôn Lâm Giang				770		Thôn Lâm Giang	770	0				1	1		1	
76	Xã Hàm Thuận	51.253	198,35	17	11558	8		11558	9	0	0	16	1	8	0	7	0
1	Thôn Phú Minh				518		Thôn chưa đặt tên	1766	2			1		1		1	
2	Thôn Thuận Minh				830							1					
3	Thôn Dốc Láng				418							1					
4	Thôn Lâm Hòa				529		Thôn chưa đặt tên	1046	1			1		1		1	
5	Thôn Lâm Thiện				517							1					
6	Thôn Ma Lâm				872		Thôn chưa đặt tên	1685	1			1		1		1	
7	Thôn Lâm Giáo				813							1					
8	Thôn Tâm Hưng				865		Thôn chưa đặt tên	1198	1			1		1		1	
9	Thôn Nà Bồi				333							1					
10	Thôn 1				902		Thôn chưa đặt tên	2169	2			1		1		1	
11	Thôn 2				885							1					
12	Thôn 7				382							1					
13	Thôn 3				575		Thôn chưa đặt tên	1223	1			1		1		1	
14	Thôn 4				648							1					
15	Thôn 5				1062		Thôn chưa đặt tên	2119	1			1		1		1	
16	Thôn 6				1057							1					
17	Thôn Ku Kê				352		Thôn Ku Kê	352	0				1	1			
77	Xã Hồng Sơn	30.387	189,11	10	7230	6		7230	4	0	0	8	2	6	0	6	0
1	Thôn Liêm Thuận				674		Thôn Hồng Liêm	1244	1			1		1		1	
2	Thôn Liêm Hòa				570							1					
3	Thôn Liêm Thái				556		Thôn An Thái	1252	1			1		1		1	
4	Thôn Liêm An				696							1					
5	Thôn Liêm Bình				503		Thôn Suối Đá	920	1			1		1		1	
6	Thôn Suối Đá				417							1					
7	Thôn 1				837		Thôn Hồng Phong	1429	1			1		1		1	
8	Thôn 2				592							1					
9	Thôn 3				1232		Thôn Long Thành	1232	0				1	1		1	
10	Thôn 4				1153		Thôn Ấp Gò	1153	0				1	1		1	
78	Xã Hàm Liêm	32.748	114,12	13	8137	7		8137	6	0	0	12	1	7	0	7	0
1	Thôn 1				592		Thôn Thuận Dân	1200	1			1		1		1	
2	Thôn 2				608							1					
3	Thôn 3				937		Thôn Thuận Thắng	1416	1			1		1		1	
4	Thôn 5				479							1					
5	Thôn Thuận Thành				360		Thôn Thuận Thành	1080	1			1		1		1	
6	Thôn Thuận Điền				720							1					
7	Thôn Bình An				713		Thôn Bình An	1470	1			1		1		1	
8	Thôn Bình Lâm				757							1					
9	Thôn An Phú				552		Thôn Hội Nhơn - An Phú	1150	1			1		1		1	
10	Thôn Hội Nhơn				598							1					
11	Thôn 6				695		Thôn Hàm Chính	1046	1			1		1		1	
12	Thôn Trùng Liêm				351							1					
13	Thôn Ninh Thuận				775		Thôn Ninh Thuận	775	0				1	1		1	
79	Xã Hàm Thạnh	16.462	441,24	10	4535	6		4535	4	4	0	4	2	6	0	4	0
1	Thôn Mỹ Thạnh 1				213		Thôn Mỹ Thạnh	300	1	1				1			
2	Thôn Mỹ Thạnh 2				87					1							
3	Thôn Hàm Cẩn 1				576		Thôn Hàm Cẩn 1	809	1			1		1		1	
4	Thôn Hàm Cẩn 2				233					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
5	Thôn Lô To				193		Thôn Dân Thuận	980	1	1				1		1	
6	Thôn Dân Thuận				787							1					
7	Thôn Dân Cường				785							1					
8	Thôn Dân Hòa				342		Thôn Dân Cường	1127	1			1		1		1	
9	Thôn Hàm Cẩn 3				406		Thôn Hàm Cẩn 3	406	0				1	1			
10	Thôn Ba Bàu				913		Thôn Ba Bàu	913	0				1	1		1	
80	Xã Hàm Kiệm	31.932	163,46	11	8102	6		8102	5	1	0	8	2	6	0	6	0
1	Thôn Phú Nghĩa				240		Thôn Phú Thọ	1549	2	1				1		1	
2	Thôn Phú Thọ				757							1					
3	Thôn Phú Sung				552							1					
4	Thôn Phú Lộc				781		Thôn Phú Lộc	1390	1			1		1		1	
5	Thôn Phú Cường				609							1					
6	Thôn Dân Bình				906		Thôn Dân Hiệp	1701	1			1		1		1	
7	Thôn Dân Hiệp				795							1					
8	Thôn Đại Thành				810		Thôn Mường Mán	1417	1			1		1		1	
9	Thôn Văn Phong				607							1					
10	Thôn Dân Phú				1224		Thôn Dân Phú	1224	0				1	1		1	
11	Thôn Đăng Thành				821		Thôn Đăng Thành	821	0				1	1		1	
81	Xã Tân Thành	31.525	180,53	14	6869	7		6869	7	2	0	11	1	7	0	6	0
1	Thôn Hiệp Nghĩa				627		Thôn Tân Thuận	1483	1			1		1		1	
2	Thôn Hiệp Nhơn				856							1					
3	Thôn Hiệp Phước				630		Thôn Hiệp Phước	1081	1			1		1		1	
4	Thôn Hiệp Hoà				451							1					
5	Thôn Hiệp Lễ				474		Thôn Thanh Phong	1182	1			1		1		1	
6	Thôn Thanh Phong				708							1					
7	Thôn Thạnh Mỹ				571		Thôn Thạnh Mỹ	821	1			1		1		1	
8	Thôn Cây Găng				250					1							
9	Thôn Văn Kê				618		Thôn Kê Gà	975	1			1		1		1	
10	Thôn Kê Gà				357							1					
11	Thôn Thuận Minh				399		Thôn Thuận Quý	913	2			1		1		1	
12	Thôn Thuận Thành				212					1							
13	Thôn Thuận Cường				302							1					
14	Thôn Hiệp Tân				414		Thôn Hiệp Tân	414	0				1	1			
82	Xã Hàm Thuận Nam	33.452	110,96	10	7372	6		7372	4	0	0	7	3	6	0	6	0
1	Thôn Nam Tân				600		Thôn Lập Tín	1732	2			1		1		1	
2	Thôn Nam Trung				596							1					
3	Thôn Nam Thành				536							1					
4	Thôn Lập Hòa				660		Thôn Hòa Bình	1191	1			1		1		1	
5	Thôn Lập Bình				531							1					
6	Thôn Lập Nghĩa				808		Thôn Nghĩa Vinh	1496	1			1		1		1	
7	Thôn Lập Vinh				688							1					
8	Thôn Minh Thành				892		Thôn Minh Thành	892	0				1	1		1	
9	Thôn Minh Tiến				1139		Thôn Minh Tiến	1139	0				1	1		1	
10	Thôn Minh Hòa				922		Thôn Minh Hòa	922	0				1	1		1	
83	Xã Tân Lập	19.180	195,11	9	4787	8		4787	1	1	0	1	7	8	0	2	0
1	Thôn Tân Hưng				162		Thôn Sóng Phan	512	1	1				1			
2	Thôn Tân Hòa				350							1					
3	Thôn Lập Phước				693		Thôn Lập Phước	693	0				1	1			
4	Thôn Tà Mon				654		Thôn Tà Mon	654	0				1	1			
5	Thôn Lập Sơn				745		Thôn Lập Sơn	745	0				1	1		1	
6	Thôn An Vinh				408		Thôn An Vinh	408	0				1	1			
7	Thôn An Bình				368		Thôn An Bình	368	0				1	1			
8	Thôn Lập Đức				984		Thôn Lập Đức	984	0				1	1		1	
9	Thôn Tân Quang				423		Thôn Tân Quang	423	0				1	1			
84	Xã Tân Minh	22.469	223,81	15	5498	8		5498	7	5	0	9	1	8	0	2	0
1	Thôn 1				301		Thôn 1	696	1			1		1			
2	1 phần Thôn 2				395							1					
2	1 phần Thôn 2				235		Thôn 2	605	0					1			
3	Thôn 3				370							1					
4	Thôn 5				776		Thôn 4	886	1			1		1		1	
5	Thôn 7				110					1							
6	Thôn 8				390		Thôn 6	659	1			1		1			
7	Thôn 9				269					1							
8	Thôn 6				441		Thôn 5	834	2			1		1		1	
9	Thôn 11				191					1							
10	Thôn 12				202					1							
11	Thôn 10				243		Thôn 7	662	1	1				1			
12	Thôn 13				419							1					
13	Thôn 14				332		Thôn 8	662	1			1		1			
14	Thôn 15				330							1					
15	Thôn 4				494		Thôn 4	494	0				1	1			

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
85	Xã Hàm Tân	35.760	198,60	17	7935	12		7935	5	2	0	8	7	12	0	3	0
1	Thôn 3				442		Thôn 3	890	1			1		1		1	
2	Thôn 4				448							1					
3	Thôn 5				565							1					
4	Thôn 6				306		Thôn Nghĩa Tân	871	1			1		1		1	
5	Thôn 7				400							1					
6	Thôn 8				326							1					
7	Thôn Đông Hòa				455		Thôn Đông Hoà	623	1			1		1			
8	Thôn Suối Máu				168					1							
9	Thôn Đông Hiệp				276					1	1						
10	Thôn Đông Thanh				396		Thôn Đông Hiệp	672	1			1		1			
11	Thôn 1				642								1				
12	Thôn 2				609								1				
13	Thôn Đông Thuận				586		Thôn Đông Thuận	586	0				1	1			
14	Thôn Láng Gòn 2				599		Thôn Láng Gòn 2	599	0				1	1			
15	Thôn Láng Gòn 1				512		Thôn Láng Gòn 1	512	0				1	1			
16	Thôn Đá Mài 2				653		Thôn Đá Mài 2	653	0				1	1			
17	Thôn Đá Mài 1				552		Thôn Đá Mài 1	552	0				1	1			
86	Xã Sơn Mỹ	26.970	254,28	16	6191	7		6191	9	4	0	12	0	7	0	6	0
1	Thôn Suối Bang				218		Thôn Bàu Giếng	735	2	1				1		1	
2	Thôn Bàu Giếng				383												
3	Thôn Suối Tứ				134					1							
4	Thôn Cò Kiều				253		Thôn Phò Tri	904	1	1				1		1	
5	Thôn Phò Tri				651							1					
6	Thôn Hồ Lân				288							1					
7	Thôn Gò Đồn				513		Thôn Tân Thắng	1146	2			1		1		1	
8	Thôn Gò Găng				345							1					
9	Thôn Hàm Thắng				309							1					
10	Thôn Hiệp Hoà				359		Thôn Hiệp Hoà	668	1			1		1			
11	Thôn Thắng Hải				455		Thôn Thắng Hải	827	1			1		1		1	
12	Thôn Hà Lăng				372							1					
13	Thôn 4				502							1					
14	Thôn 2				564		Thôn Tân Sơn	1066	1			1		1		1	
15	Thôn 1				475							1					
16	Thôn 3				370							1					
87	Xã Bắc Ruộng	19.035	165,22	12	4347	6		4347	6	3	0	8	1	6	0	3	0
1	Thôn 1				490		Thôn 1	999	1			1		1		1	
2	Thôn 2				509							1					
3	Thôn 3				409							1					
4	Thôn 4				224		Thôn 2	633	1					1			
5	Thôn Măng Tổ 2				276					1							
6	Thôn Măng Tổ 3				255					1							
7	Thôn Đức Tân 5				384		Thôn 4	759	1			1		1		1	
8	Thôn Đức Tân 4				387							1					
9	Thôn Đức Tân 8				372							1					
10	Thôn Đức Tân 6				381		Thôn 5	681	1			1		1			
11	Thôn Đức Tân 7				300							1					
12	Thôn Măng Tổ 1				360							1					
88	Xã Nghi Đức	20.949	114,97	12	4644	6		4644	6	0	1	11	0	5	1	4	0
1	Thôn 1				362		Thôn 1	684	1			1		1			
2	Thôn 2				322							1					
3	Thôn 3				307							1					
4	Thôn 4				455		Thôn 2	762	1			1		1		1	
5	Thôn 5				422							1					
6	Thôn 6				379							1					
7	Thôn 7				432		Thôn 3	1233	1			1		1		1	
8	Thôn Đức Phú 1				502							1					
9	Thôn Đức Phú 2				355							1					
10	Thôn Đức Phú 3				467		Thôn 4	857	1			1		1		1	
11	Thôn Đức Phú 4				471							1					
12	Thôn Tả Pừa				170						1				1		
89	Xã Đồng Kho	31.302	268,55	19	7.211	9		7.211	10	5	1	12	1	8	1	5	0
1	Thôn Huy Khiêm 1				437		Thôn Huy Khiêm 1	1222	2			1		1		1	
2	Thôn Huy Khiêm 4				401							1					
3	Thôn Huy Khiêm 5				384							1					
4	Thôn Huy Khiêm 2				419		Thôn Huy Khiêm 2	1108	2			1		1		1	
5	Thôn Huy Khiêm 3				371							1					
6	Thôn Huy Khiêm 6				318							1					
7	Thôn Đức Bình 1				543		Thôn Đức Bình 1	1107	1			1		1		1	
8	Thôn Đức Bình 2				564							1					
9	Thôn Đức Bình 3				509							1					
10	Thôn Đức Bình 4				601		Thôn Đức Bình 2	1110	1			1		1		1	
11	Thôn Đồng Kho 2				517							1					
12	Thôn Đồng Kho 5				176					1							
13	Thôn Đồng Kho 3				292		Thôn Đồng Kho 3	566	1			1		1			
14	Thôn Đồng Kho 4				274					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
15	Thôn La Ngâu 1				210		Thôn La Ngâu	775	2	1				1		1	
16	Thôn La Ngâu 2				305							1					
17	Thôn La Ngâu 3				260					1							
18	Thôn Đồng Kho 1				522		Thôn Đồng Kho 1	522	0				1	1			
19	Thôn Đa Mi				108		Thôn Đa Mi	108	0		1				1		
90	Xã Tánh Linh	47.623	271,66	24	10772	12		10772	12	3	0	18	3	12	0	9	0
1	Thôn 1				700		Thôn Biển Lạc	1189	1			1		1		1	
2	Thôn 2				489							1					
3	Thôn 3				544		Thôn Gia An	1011	1			1		1		1	
4	Thôn 6				467							1					
5	Thôn 4				306		Thôn Duy Cẩn	750	1			1		1		1	
6	Thôn 5				444							1					
7	Thôn 7				595		Thôn Bình Minh	994	1			1		1		1	
8	Thôn 8				399							1					
9	Thôn Lạc Hưng 1				525		Thôn Lạc Hưng	962	1			1		1		1	
10	Thôn Lạc Hưng 2				437							1					
11	Thôn Lạc Tín				490		Thôn Lạc Tánh	1486	2			1		1		1	
12	Thôn Lạc Hóa 1				485							1					
13	Thôn Lạc Hóa 2				511							1					
14	Thôn Tân Thành				923		Thôn Lạc Hà	1471	1			1		1		1	
15	Thôn Lạc Hà				548							1					
16	Thôn Lạc Thuận				412							1					
17	Thôn Hòa Thuận				279		Thôn Lạc Thuận	893	2	1				1			
18	Thôn Bàu Chim				202					1							
19	Thôn Quảng Thuận				252		Thôn Đức Thuận	941	2	1				1		1	
20	Thôn Đồi Giang				345							1					
21	Thôn Phú Thuận				344							1					
22	Thôn Trà Cú				308		Thôn Trà Cú	308					1	1			
23	Thôn Chăm				380		Thôn Chăm	380					1	1			
24	Thôn Đồng Me				387		Thôn Đồng Me	387					1	1			
91	Xã Suối Kiết	16.788	378,57	9	4455	6		4455	3	1	0	5	3	6	0	2	0
1	Thôn Suối Sâu				329		Thôn Suối Sâu	562	1			1		1			
2	Thôn Rừng Lá				233					1							
3	Thôn 1				483		Thôn Suối Mơ	1.144	1			1		1		1	
4	Thôn 4				661							1					
5	Thôn 2				544		Thôn Sông Dinh	947	1			1		1		1	
6	Thôn Sông Dinh				403							1					
7	Thôn Bà Tá				664		Thôn Bà Tá	664					1	1			
8	Thôn Gia Huynh				509		Thôn Gia Huynh	509					1	1			
9	Thôn Kinh Tế				629		Thôn Kinh Tế	629					1	1			
92	Xã Nam Thành	37.682	201,79	25	8051	10		8051	15	10	0	15	0	10	0	7	0
1	Thôn Mê Pu 7				68		Thôn 1	743	1	1				1		1	
	Thôn Mê Pu 8				675							1					
2	Thôn Mê Pu 4				569		Thôn 2	991	1			1		1		1	
	Thôn Mê Pu 5				422							1					
	Thôn Mê Pu 3				519		Thôn 3	866	2			1		1		1	
3	Thôn Mê Pu 6				228					1							
	Thôn Mê Pu 9				119					1							
4	Thôn Mê Pu 1				574		Thôn 4	933	1			1		1		1	
	Thôn Mê Pu 2				359							1					
5	Thôn Sùng Nhon 5				294		Thôn 5	670	1	1				1			
	Thôn Sùng Nhon 6				376							1					
6	Thôn Sùng Nhon 1				351		Thôn 6	809	1			1		1		1	
	Thôn Sùng Nhon 2				458							1					
7	Thôn Sùng Nhon 3				317		Thôn 7	649	1			1		1			
	Thôn Sùng Nhon 4				332							1					
8	Thôn Đa Kai 1				245		Thôn 8	993	3	1				1		1	
	Thôn Đa Kai 2				193					1							
	Thôn Đa Kai 3				254					1							
	Thôn Đa Kai 4				301		Thôn 9	702	1			1		1		1	
9	Thôn Đa Kai 5				387							1					
	Thôn Đa Kai 6				315							1					
	Thôn Đa Kai 7				271		Thôn 10	695	3	1				1			
10	Thôn Đa Kai 8				375							1					
	Thôn Đa Kai 10				16					1							
	Thôn Đa Kai 11				33					1							
93	Xã Đức Linh	51.726	103,08	25	11.605	13		11.605	12	1	0	23	1	13	0	13	0
1	Thôn Nam Chính 1				352		Thôn Nam Chính 2	833	1			1		1		1	
2	Thôn Nam Chính 2				481							1					
3	Thôn Nam Chính 3				630		Thôn Nam Chính 3	1038	1			1		1		1	
4	Thôn Nam Chính 6				408							1					
5	Thôn Nam Chính 4				302		Thôn Nam Chính 5	852	1			1		1		1	
6	Thôn Nam Chính 5				550							1					
7	Thôn Nam Chính 7				393		Thôn Nam Chính 7	817	1			1		1		1	
8	Thôn Nam Chính 8				424							1					
9	Thôn Nam Chính 9				249		Thôn Nam Chính 10	831	1	1				1		1	
10	Thôn Nam Chính 10				582							1					
11	Thôn Vũ Hòa 1				399		Thôn Vũ Hòa 1	780	1			1		1		1	
12	Thôn Vũ Hòa 2				381							1					

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
13	Thôn Vũ Hòa 3				385		Thôn Vũ Hòa 3	760	1			1		1		1	
14	Thôn Vũ Hòa 5				375							1					
15	Thôn Vũ Hòa 4				379							1					
16	Thôn Vũ Hòa 6				463		Thôn Vũ Hòa 6	842	1			1		1		1	
17	Thôn Võ Xu 1				363							1					
18	Thôn Võ Xu 3				650							1					
19	Thôn Võ Xu 2				489		Thôn Võ Xu 3	1013	1			1		1		1	
20	Thôn Võ Xu 4				550							1					
21	Thôn Võ Xu 6				335							1					
22	Thôn Võ Xu 8				484		Thôn Võ Xu 8	819	1			1		1		1	
23	Thôn Võ Xu 7				621							1					
24	Thôn Võ Xu 9				572							1					
25	Thôn Võ Xu 5				788		Thôn Võ Xu 5	788				1		1		1	
94	Xã Hoài Đức	48.634	105,19	20	10464	10		10464	10	1	0	18	1	10	0	9	0
1	Đức Tài 1				456		Thôn Đắc Đạo	1117	1			1		1		1	
2	Đức Tài 2				661							1					
3	Đức Tài 3				325							1					
4	Đức Tài 5				479		Thôn Đức Bình	1210	2			1		1		1	
5	Đức Tài 6				406							1					
6	Đức Tài 4				314							1					
7	Thôn Võ Đất				700		Thôn Võ Đất	1014	1			1		1		1	
8	Thôn Đức Tài 7				514		Thôn Đức Tài	1197	1			1		1		1	
9	Thôn Đức Tài 8				683							1					
10	Thôn Đức Hạnh 1				661							1					
11	Thôn Đức Hạnh 2				497		Thôn Đắc Lộc	1158	1			1		1		1	
12	Thôn Đức Hạnh 3				545							1					
13	Thôn Đức Hạnh 4				857							1					
14	Đức Tín 5				380		Thôn Đức Tín	1057	1			1		1		1	
15	Thôn Đức Tín 8				677							1					
16	Thôn Đức Tín 6				474							1					
17	Thôn Đức Tín 7				297		Thôn Đức Tín 6	771	1	1		1		1		1	
18	Thôn Đức Tín 9				518							1		1		1	
19	Thôn Đức Tín 10				383							1		1		1	
20	Thôn Đức Tài 10				637		Thôn Đức Tài 10	637				1		1			
95	Xã Trà Tân	30.768	135,94	12	6324	7		6324	5	2	0	8	2	7	0	5	0
1	Thôn 1				490		Thôn 1	770	1			1		1		1	
2	Thôn 2				280					1							
3	Thôn 3				435							1					
4	Thôn 4A				278		Thôn 3	713	1		1			1		1	
5	Thôn 1A				978							1					
6	Thôn 1B				572							1					
7	Thôn 2A				705		Thôn Nam Hà	1244	1			1		1		1	
8	Thôn Nam Hà				539							1					
9	Thôn Đồng Tân				534							1					
10	Thôn 2B				599		Thôn Đồng Tân	1133	1			1		1		1	
11	Thôn 4				376							1					
12	Thôn 5				538							1					
96	Đặc khu Phú Quý	32.304	18,13	10	7155	6		7155	4	0	0	10	0	6	0	6	0
1	Thôn Phú An				604		Thôn 1	953				1		1		1	
2	Một phần thôn Thương Châu				349												
3	Một phần Thôn Thương Châu				349							1					
4	Thôn Quý Thanh				853		Thôn 2	1202	1			1		1		1	
5	Thôn Mỹ Khê				1073							1					
6	Một phần Thôn Hội An				305							1					
7	Một phần Thôn Hội An				305		Thôn 4	1149	1			1		1		1	
8	Thôn Triều Dương				844							1					
9	Thôn Phú Long				347							1					
10	Thôn Đồng Hải				609		Thôn 5	956	1			1		1		1	
11	Thôn Quý Hải				623							1					
12	Thôn Tân Hải				894							1					
97	Phường Bắc Gia Nghĩa	39.322	250,54	30	8814	15		8814	15	23	1	4	2	15	0	0	0
1	Tổ dân phố 1				230		Tổ dân phố 1	537	1	1				1			
2	Tổ dân phố 2				307					1							
3	Tổ dân phố 3				311							1					
4	Tổ dân phố 10				194		Tổ dân phố 2	505	1			1		1			
5	Tổ dân phố 4				396							1					
6	Tổ dân phố 7				284							1					
7	Tổ dân phố 5				281		Tổ dân phố 3	680	1			1		1			
8	Tổ dân phố 6				190							1					
9	Tổ dân phố 8				153							1					
10	Tổ dân phố 9				304		Tổ dân phố 4	471	1			1		1			
11	Tổ dân phố 11				321							1					
12	Tổ dân phố 12				474							1					
14	Tổ dân phố 13				659		Tổ dân phố 5	457	1			1		1			
15	Tổ dân phố 15				197							1					
16	Tổ dân phố 4 Đắk Ha				303							1					
17	Tổ dân phố 5 Đắk Ha				287		Tổ dân phố 6	795	1			1		1			
18	Tổ dân phố 3 Đắk Ha				268							1					
19	Tổ dân phố 6 Đắk Ha				119							1					
20	Tổ dân phố 7 Đắk Ha				162		Tổ dân phố 7	549	2			1		1			
21	Tổ dân phố Nghĩa Lợi				53							1					
22	Tổ dân phố 8 Đắk Ha				672							1					
23	Tổ dân phố Tân Lập				194		Tổ dân phố 8	725	1			1		1			
24	Tổ dân phố Tân Tiến				489							1					
							Tổ dân phố Quảng Thành	683	1			1		1			

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
25	Tổ dân phố Tân Thịnh				162		Tổ dân phố Nghĩa Tân	539	3	1				1			
26	Tổ dân phố Nghĩa Hòa				108					1							
27	Tổ dân phố Nghĩa Tín				156					1							
28	Tổ dân phố Nghĩa Thắng				113					1							
29	Tổ dân phố Tỉnh Wel Đảng				411		Tổ dân phố Tỉnh Wel Đảng	411			1			1			
30	Tổ dân phố Kon Hao				562		Tổ dân phố Kon Hao	562					1	1			
13	Tổ dân phố 14				454		Tổ dân phố 7	454					1	1			
98	Phường Nam Gia Nghĩa	25.012	80,59	22	5816	11		5816	11	16	3	2	1	8	3	0	0
1	Tổ dân phố 1 Nghĩa Tân				160		Tổ dân phố 1	794	1	1				1			
2	Tổ dân phố 2 Nghĩa Tân				634							1					
3	Tổ dân phố 4 Nghĩa Tân				246		Tổ dân phố 3	477	1	1				1			
4	Tổ dân phố 6 Nghĩa Phú				231					1							
5	Tổ dân phố 1 Nghĩa Phú				126		Tổ dân phố 5	626	2	1				1			
6	Tổ dân phố 2 Nghĩa Phú				269					1							
7	Tổ dân phố 3 Nghĩa Phú				231					1							
8	Tổ dân phố 7 Nghĩa Phú				97		Tổ dân phố 7	501	2	1				1			
9	Tổ dân phố Tân Bình				126					1							
10	Tổ dân phố Tân Lợi				278					1							
11	Tổ dân phố 8 Nghĩa Phú				138		Tổ dân phố 8	654	2	1				1			
12	Tổ dân phố Tân Hoà				263					1							
13	Tổ dân phố Tân Hiệp				253					1							
14	Tổ dân phố Tân An				152		Tổ dân phố 19	450	2	1				1			
15	Tổ dân phố Tân Phương				113					1							
16	Tổ dân phố Tân Phú				185					1							
17	Tổ dân phố 4 Nghĩa Phú				367		Tổ dân phố 6	827	1	1				1			
18	Tổ dân phố 5 Nghĩa Phú				460							1					
19	Tổ dân phố 6 Nghĩa Tân				399		Tổ dân phố 4	399			1				1		
20	Tổ dân phố Đắk R'Moan				151		Tổ dân phố Đắk R'Moan	151			1				1		
21	Tổ dân phố 3 Nghĩa Tân				686		Tổ dân phố 2	686					1	1			
22	Tổ dân phố 5 Nghĩa Tân				251		Tổ dân phố Bu Koi	251			1				1		
99	Phường Đông Gia Nghĩa	25.618	105,78	18	7170	10		7170	8	13	0	2	3	10	0	0	2
1	Tổ dân phố Đắk Tân				296		Tổ dân phố Đắk Tân	471	0	1				1			
2	Một phần Tổ dân phố S' Rê Ú				25												
3	Một phần Tổ dân phố Tỉnh Wel Đom				150												
4	Một phần Tổ dân phố Tỉnh Wel Đom				268		Tổ dân phố Bu Sop	643	2	1				1			
5	Tổ dân phố N'R Jieng				189					1							
6	Tổ dân phố Bu Sop				186					1							
7	Tổ dân phố Phai Kol Pru Đảng				198		Tổ dân phố Phai Kol Pru Đảng	670	2	1				1			
8	Tổ dân phố Nghĩa Thuận				334					1							
9	Tổ dân phố Nghĩa Hòa				138					1							
10	Tổ dân phố Cây Xoài				155		Tổ dân phố Cây Xoài	543	1	1				1			
11	Tổ dân phố Đồng Tiến				388					1							
12	Tổ dân phố Phú Xuân				184		Tổ dân phố S' Rê Ú	540	1	1				1			
13	Một phần Tổ dân phố S' Rê Ú				356					1							
14	Tổ dân phố 2				387		Tổ dân phố 2	1302	1	1				1			1
15	Tổ dân phố 3				915							1					
16	Tổ dân phố 5				530							1					
17	Tổ dân phố 6				241		Tổ dân phố 4	771	1	1				1			
18	Tổ dân phố 1				1079		Tổ dân phố 1	1079					1	1			1
19	Tổ dân phố 4				701		Tổ dân phố 3	701					1	1			
20	Tổ dân phố Nam Rạ				450		Tổ dân phố Nam Rạ	450					1	1			
100	Xã Đắk Wil	24.474	515,17	36	5446	15		5446	21	33	2	1	0	13	2	0	0
1	Thôn Quyết Tâm				152		Thôn 1	347	1	1				1			
	Thôn Thanh Sơn				195		Thôn 2	413	2	1							
2	Thôn Thanh Tâm				183					1				1			
	Thôn Thanh xuân				111		Thôn 3	419	2	1							
	Thôn Nam Thanh				119					1				1			
	Thôn Hợp Tân				160		Thôn 4	462	2	1							
3	Thôn Thanh Nam				155					1				1			
	Thôn Nhà Đèn				104		Thôn 5	307	1	1							
	Thôn Trung Sơn				164					1				1			
4	Thôn Phú Sơn				170		Thôn 6	428	1	1							
	Thôn Đắk Thanh				128					1				1			
5	Thôn 5				187		Thôn 7	324	1	1							
	Thôn Ba Tầng				120					1				1			
6	Thôn Suối Tre				106		Thôn 8	445	3	1							
	Thôn Nam Tiến				322					1				1			
16	Thôn Tân Sơn				177		Thôn 9	443	2	1							
17	Thôn Bình Minh				147					1				1			
18	Thôn Tân Tiến				124		Thôn 10	443	2	1							
19	Thôn Cao Lạng				95					1				1			
20	Thôn Bằng Sơn				138		Thôn 11	370	1	1							
21	Thôn Hợp Thành				88					1				1			
22	Thôn 7				94		Thôn 12	363	2	1							
23	Thôn 18				210					1				1			
24	Thôn Đồi Mây				139		Thôn 13	370	1	1							
25	Thôn 1				94					1				1			
26	Buôn Knă				109		Buôn Knă	363	2	1							
27	Thôn 2				160					1				1			
28	Thôn 8				169		Buôn Trum	370	1	1							
29	Buôn Trum				201					1				1			

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
30	Thôn Thái Học				156		Thôn Đoàn Kết	308	1	1				1			
31	Thôn Đoàn Kết				152					1							
32	Thôn 6				144		Thôn Trung Tâm	432	2	1				1			
33	Thôn Trung Tâm				176					1							
34	Thôn Hà Thông				112					1							
35	Thôn Cồn Dầu				133		Thôn Cồn Dầu	133			1				1		
36	Thôn 9				252		Thôn 9	252			1				1		
101	Xã Nam Dong	36.483	104.04	38	7639	18		7639	20	32	2	2	2	16	2	0	0
1	Thôn 2				225		Thôn 1	466	1	1				1			
2	Thôn 1				241					1							
3	Thôn 12				254		Thôn 2	388	1	1				1			
4	Thôn 16				134					1							
5	Thôn 3				274		Thôn 3	531	1	1				1			
6	Một phần thôn 13				177					1							
7	Một phần thôn Trung Tâm				80		Thôn 4	459	1					1			
8	Một phần thôn Trung Tâm				80												
9	Một phần thôn 13				40		Thôn 4	459	1					1			
10	Thôn 4				177					1							
11	Thôn 5				162		Thôn 5	489	1					1			
12	Thôn 15				246					1							
13	Thôn 10				243		Thôn 6	474	1	1				1			
14	Thôn 7				185					1							
15	Thôn 6				289		Thôn 7	379	1	1				1			
16	Thôn 11				194					1							
17	Tân Bình				185		Thôn 8	538	2					1			
18	Thôn 9				174					1							
19	Tân Ninh				198		Thôn 8	538	2	1				1			
20	Thôn 8				166					1							
21	Một phần thôn Trung tâm				163		Thôn 9	485	1			1		1			
22	Thôn 14				322							1					
23	Thôn 21				176		Thôn 10	450	2	1				1			
24	Thôn 18				123					1							
25	Thôn Cao Lạng				151		Thôn 11	560	3	1				1			
26	Thôn 22				101					1							
27	Thôn 23				179		Thôn 11	560	3	1				1			
28	Thôn 24				118					1							
29	Thôn 25				162		Thôn 12	418	2	1				1			
30	Thôn 27				145					1							
31	Thôn 28				150		Thôn 12	418	2	1				1			
32	Thôn 29				123					1							
33	Thôn 31				201		Thôn 13	491	2	1				1			
34	Thôn 30				166					1							
35	Thôn 26				124		Thôn 14	336	1	1				1			
36	Thôn 17				168					1							
37	Thôn 33				168		Thôn 15	312		1			1	1			
38	Thôn 32				312								1				
39	Thôn 20				435		Thôn 17	435					1	1			
40	Thôn 19				259		Thôn 16	259			1				1		
41	Bon U Sroong				169		Bon U Sroong	169			1				1		
102	Xã Cư Jút	50.500	104.12	50	11286	20		11286	30	40	0	7	3	20	0	2	0
1	Buôn Buôr				209		Buôn Buôr	525	1	1				1			
2	Buôn Nui				316							1					
3	Buôn Ea Pô				214		Buôn Trum	493	2	1				1			
4	Buôn Trum				107					1							
5	Thôn 15 Tâm Thắng				172		Thôn 1 Tâm Thắng	460	1	1				1			
6	Thôn 1 Tâm Thắng				262					1							
7	Thôn 11 Tâm Thắng				198		Thôn 2 Tâm Thắng	600	2	1				1			
8	Thôn 2 Tâm Thắng				288					1							
9	Thôn 3 Tâm Thắng				216		Thôn 3 Tâm Thắng	617	2	1				1			
10	Thôn 12 Tâm Thắng				96					1							
11	Thôn 4 Tâm Thắng				261		Thôn 3 Tâm Thắng	617	2	1				1			
12	Thôn 5 Tâm Thắng				157					1							
13	Thôn 6 Tâm Thắng				199		Thôn 4 Tâm Thắng	717	2	1				1			
14	Thôn 7 Tâm Thắng				238					1							
15	Thôn 11 Ea T'ling				350		Thôn 4 Tâm Thắng	717	2			1		1		1	
16	Thôn 13 Tâm Thắng				129					1							
17	Thôn 8 Tâm Thắng				193		Thôn 5 Tâm Thắng	681	3	1				1			
18	Thôn 9 Tâm Thắng				227					1							
19	Thôn 10 Tâm Thắng				153		Thôn 7 Ea T'ling	827	1					1			
20	Thôn 14 Tâm Thắng				108					1							
21	Thôn 3 Ea T'ling				366		Thôn 7 Ea T'ling	827	1			1		1			
22	Thôn 4 Ea T'ling				461							1				1	
23	Thôn 5 Ea T'ling				305		Thôn 8 Ea T'ling	594	1			1		1			
24	Thôn 6 Ea T'ling				289					1							
25	Thôn 7 Ea T'ling				409		Thôn 9 Ea T'ling	647	1			1		1			
26	Thôn 8 Ea T'ling				238					1							
27	Bon U2				407		Bon U2	626	1			1		1			
28	Thôn 9 Ea T'ling				219					1							
29	Thôn 1 Ea T'ling				276		Thôn 10 Trúc Sơn	579	2	1				1			
30	Thôn 1 Trúc Sơn				194					1							
31	Thôn 2 Trúc Sơn				109		Thôn 11 Trúc Sơn	531	3	1				1			
32	Thôn 3 Trúc Sơn				143					1							
33	Thôn 4 Trúc Sơn				136		Thôn 11 Trúc Sơn	531	3	1				1			
34	Thôn 5 Trúc Sơn				113					1							
35	Thôn 6 Trúc Sơn				139					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
36	Thôn 1 Cư Knia				193		Thôn 12 Cư Knia	450	2	1				1			
37	Thôn 2 Cư Knia				168					1							
38	Thôn 12 Cư Knia				89					1							
39	Thôn 3 Cư Knia				148		Thôn 13 Cư Knia	481	2	1				1			
40	Thôn 4 Cư Knia				130					1							
41	Thôn 8 Cư Knia				203					1							
42	Thôn 5 Cư Knia				139		Thôn 14 Cư Knia	370	2	1				1			
43	Thôn 6 Cư Knia				78					1							
44	Thôn 11 Cư Knia				153					1							
45	Thôn 7 Cư Knia				207		Thôn 15 Cư Knia	612	2	1				1			
46	Thôn 9 Cư Knia				199					1							
47	Thôn 10 Cư Knia				206					1							
48	Bon U1				464		Bon U1	464				1	1				
49	Bon U3				486		Bon U3	486				1	1				
50	Thôn 2 Ea T'ling				526		Thôn 6 Ea T'ling	526				1	1				
103	Xã Thuận An	22.978	315,81	20	5280	12		5280	8	12	1	3	4	11	1	1	0
1	Thôn Đắc Phúc				298		Thôn Đắc Phúc	680	2	1				1			
2	Thôn Đắc Quang				185					1							
3	Thôn Đắc Lợi				197					1							
4	Thôn Đắc Lộc				228		Thôn Đắc Thủy	561	1	1				1			
5	Thôn Đắc Thủy				333							1					
6	Thôn Đắc Kim				201		Thôn Đắc Kim	302	1	1				1			
7	Thôn Đắc Thọ				101					1							
8	Thôn Đắc Tâm				232		Thôn Đắc Tâm	338	1	1				1			
9	Thôn Đắc An				106					1							
10	Thôn Thuận Hòa				166		Thôn Thuận Sơn	451	1	1				1			
11	Thôn Thuận Sơn				285					1							
12	Thôn Thuận Bắc				93		Thôn Đức Hòa	348	1	1				1			
13	Thôn Đức Hòa				255					1							
14	Thôn Thuận Hạnh				418		Thôn Thuận Hạnh	726	1			1		1		1	
15	Thôn Thuận Thành				308							1					
16	Thôn Đắc Xuân				375		Thôn Đắc Xuân	375				1	1				
17	Thôn Đức An				442		Thôn Đức An	442				1	1				
18	Thôn Thuận Nam				258		Thôn Thuận Nam	258			1				1		
19	Bon Sa Pa				453		Bon Sa Pa	453				1	1				
20	Bon Bu Đắc				346		Bon Bu Đắc	346				1	1				
104	Xã Đức Lập	49.642	88,19	44	11463	20		11463	24	32	0	9	3	20	0	1	0
1	Thôn 2				276		Thôn 2	521	1	1				1			
2	Thôn 3				245					1							
3	Thôn 4				314		Thôn 3	636	1			1		1			
4	Thôn 5				322							1					
5	Thôn 6				228		Thôn 4	532	1	1				1			
6	Thôn 7				304							1					
7	Thôn 8				228		Thôn 5	559	1	1				1			
8	Thôn 9				331							1					
9	Thôn Đức Đoài				338		Thôn 7	583	1			1		1			
10	Thôn Minh Đoài				245					1							
11	Thôn Mỹ Yên				227		Thôn 8	520	1	1				1			
12	Thôn Mỹ Hòa				293					1							
13	Thôn Thanh Lâm				326		Thôn 9	588	1			1		1			
14	Thôn Xuân Trang				262					1							
15	Thôn Thanh Hà				182		Thôn 10	425	1	1				1			
16	Thôn Thanh Sơn				243					1							
17	Thôn Xuân Sơn				232		Thôn 11	531	1	1				1			
18	Thôn Xuân Thành				299					1							
19	Thôn Kê Động				314		Thôn 12	520	1			1		1			
20	Thôn Bình Thuận				206					1							
21	Thôn Vinh Đức				325		Thôn 13	849	2			1		1			
22	Thôn Xuân Phong				316							1					
23	Thôn Xuân Hòa				208		Thôn 14	630	2	1				1			
24	Thôn Đức Hoà				287					1							
25	Thôn Đức Lễ A				177		Thôn 15	663	2	1				1			
26	Thôn Đức Lễ B				166					1							
27	Thôn Đức Thuận				220		Thôn 16	606	2	1				1			
28	Thôn Đức An				246					1							
29	Thôn Đức Lộc				197		Thôn 17	689	2	1				1			
30	Thôn Đức Thắng				190					1							
31	Thôn Đức Lợi				217		Thôn 18	696	2	1				1			
32	Thôn Đức Phúc				199					1							
33	Thôn Đức Thành				256		Thôn 19	585	2	1				1			
34	Thôn Đức Ai				270					1							
35	Thôn Đức Hiệp				163		Thôn 2	526	1	1				1			
36	Thôn Đức Sơn				200					1							
37	Thôn Đức Trung				237		Thôn 5	445	1	1				1			
38	Thôn Đức Bình				259					1							
39	Thôn Đức Tân				206		Thôn 4	588	1			1		1			
40	Thôn Đức Nghĩa				198							1					
41	Thôn Đức Vinh				181		Thôn 2	526	1	1				1			
42	Bon Jun Juh				385							1	1				
43	Thôn 1				454		Thôn 1	454				1	1				
44	Thôn 10				491		Thôn 6	491				1	1				
105	Xã Đắc Mil	32.512	213,76	38	7319	16		7319	22	31	0	5	2	16	0	0	0
1	Thôn 2				337		Thôn 5	445	1			1		1			
	Thôn 12				108					1							
2	Thôn 3				259		Thôn 4	588	1	1				1			
	Thôn 4				329							1					
3	Thôn 5				381		Thôn 2	526	1			1		1			
	Thôn 6				145					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
4	Thôn 7				225		Thôn 3	536	2	1				1			
	Thôn 10				121					1							
	Thôn 11				190					1							
5	Thôn 14				193		Thôn 6	424	1	1				1			
	Thôn 15				231					1							
6	Thôn 18				144		Thôn 7	357	1	1				1			
	Thôn 19				213					1							
7	Thôn 16				138		Thôn 8	573	2	1				1			
	Thôn 17				282					1							
	Thôn 20				153					1							
8	Bon Đắk Me				102		Bon Đắk R'La	589	2	1				1			
	Thôn 13				117					1							
	Bon Đắk R'La				370							1					
9	Thôn Tân Lập				301		Thôn Tân Lập	659	2			1		1			
	Thôn Tân Lợi				166					1							
	Thôn 9				192					1							
10	Thôn Thắng Lợi				99		Thôn Cao Lạng	302	2	1				1			
	Bản Cao Lạng				76					1							
	Thôn 8				127					1							
11	Bon Đắk Láp				133		Bon Đắk Láp	419	2	1				1			
	Thôn Sơn Thượng				142					1							
	Thôn Trung Hòa				144					1							
12	Thôn Tân Định				101		Thôn Nam Định	343	2	1				1			
	Thôn Nam Định				125					1							
	Thôn Sơn Trung				117					1							
13	Thôn Bắc Sơn				274		Thôn Bắc Sơn	368	1	1				1			
	Thôn Nam Sơn				94					1							
14	Bon Đắk Krai				178		Bon Đắk Gắn	394	2	1				1			
	Bon Đắk Gắn				137					1							
	Bon Đắk Sra				79					1							
15	Thôn Năm Tầng				376		Thôn Năm Tầng	376				1		1			
16	Thôn 1				420		Thôn 1	420				1		1			
106	Xã Đắk Sắk	27.738	99,00	32	6138	15		6138	17	31	0	0	1	15	0	0	0
1	Thôn Xuân Bình				120		Thôn Hòa Phong	369	1	1				1			
	Thôn Hòa Phong				249					1							
2	Thôn 3/2				134		Thôn Thổ Hoàng 1	406	1	1				1			
	Thôn Thổ Hoàng 1				272					1							
3	Thôn Thổ Hoàng 2				163		Thôn Thổ Hoàng 2	351	1	1				1			
	Thôn Thổ Hoàng 3				143					1							
	Một phần hộ dân thôn Thổ Hoàng 4				45												
4	Một phần hộ dân thôn Thổ Hoàng 4				139		Thôn Tân Bình	396	1	1				1			
	Thôn Tân Bình				257					1							
5	Thôn Xuân Lộc 1				268		Thôn Xuân Lộc	481	1	1				1			
	Thôn Xuân Lộc 2				213					1							
6	Thôn Xuân Tinh 1				243		Thôn Xuân Tinh	517	2	1				1			
	Thôn Xuân Tinh 2				177					1							
	Một phần hộ dân thôn Xuân Tinh 3				97					1							
7	Thôn Đắk Xô				221		Thôn Đắk Xô	417	1	1				1			
	Thôn Đức Long				196					1							
8	Một phần hộ dân Thôn Đắk Hà				159		Bon Đắk R Tò	345	1	1				1			
	Một phần hộ dân Bon Đắk Sắk				186					1							
9	Một phần hộ dân thôn Xuân Tinh 3				25		Bon Đắk Mâm	304						1			
	Một phần hộ dân Thôn Đắk Hà				127												
	Một phần hộ dân Bon Đắk Sắk				25												
	Bon Đắk Mâm				127					1							
10	Thôn Tây Sơn				156		Thôn Long Sơn	366	3	1				1			
	Thôn Đông Sơn				72					1							
	Thôn Nam Sơn				80					1							
	Thôn Tân Sơn				58					1							
11	Thôn Nam Thanh				167		Thôn Nam Thanh	414	1	1				1			
	Thôn Đắk Thanh				247					1							
12	Thôn Sơn Hà				216		Thôn Thanh Sơn	476	1	1				1			
	Thôn Thanh Sơn				260					1							
13	Thôn Đắk Xuân				284		Thôn Nam Xuân	540	2	1				1			
	Thôn Đắk Hợp				158					1							
	Thôn Đắk Hưng				98					1							
14	Thôn Lương Sơn				134		Thôn Đắk Sơn	385	1	1				1			
	Thôn Đắk Sơn				251					1							
15	Thôn Phương Trạch				371		Thôn Phương Trạch	371				1		1			
107	Xã Nam Đà	21.878	132,68	26	5079	12		5079	14	23	1	2	0	11	1	0	0
1	Thôn Nam Cường				221		Thôn Nam Sơn	522	1	1				1			
2	Thôn Nam Sơn				301							1					
3	Thôn Nam Hải				249		Thôn Nam Hải	464	1	1				1			
4	Thôn Nam Thành				215					1							
5	Thôn Nam Thắng				260		Thôn Nam Phú	565	1	1				1			
6	Thôn Nam Phú				305							1					
7	Thôn Nam Hiệp				210		Thôn Nam Hiệp	409	1	1				1			
8	Thôn Nam Nghĩa				199					1							
9	Thôn Nam Hà				157		Thôn Nam Thuận	597	2	1				1			
10	Thôn Nam Thuận				243					1							
11	Thôn Nam Trung				197					1							
12	Thôn Nam Thanh				213		Thôn Nam Thanh	410	1	1				1			
13	Thôn Nam Xuân				197					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
14	126 hộ Thôn Cao Sơn				126		Buôn Buôn Choah	310	1	1				1			
15	Buôn Buôn Choah				184					1							
16	23 hộ Thôn Cao Sơn				23												
17	Thôn Thanh Sơn				122		Thôn Ninh Sơn	309	2	1				1			
18	Thôn Bình Giang				82					1							
19	Thôn Ninh Giang				82					1							
20	Thôn Đức Lập				207		Thôn Đức Lập	352	1	1				1			
21	Thôn Quảng Hà				145					1							
22	Thôn Quảng Đà				161		Thôn Đắk Thành	388	1	1				1			
23	Thôn Đắk Thành				227					1							
24	Thôn Đắk Cao				165		Thôn Đắk Trung	503	2	1				1			
25	Thôn Nam Cao				163					1							
26	Thôn Đắk Trung				175					1							
27	Thôn Nam Tân				250		Thôn Nam Tân	250	0		1			0	1		
108	Xã Krông Nô	22.941	159,83	23	5748	10		5748	13	16	0	6	1	10	0	3	0
1	Thôn Đắk Hợp				236		Thôn Đắk Drô	539	1	1				1			
2	Thôn Đắk Mâm 1				303						1						
3	Thôn Đắk Mâm 2				264		Thôn Đắk Mâm	702	1	1				1		1	
4	Thôn Đắk Mâm 3				438						1						
5	Thôn Đắk Mâm 4				210		Thôn Đắk Vương	492	2	1				1			
6	Thôn Đắk Vương				115					1							
7	Thôn Đắk Hà				167					1							
8	Bon Đru				239		Bon Yôk Rlinh	662	2	1				1			
9	Bon Yôk RLinh				226					1							
10	Bon Brôih				197					1							
11	Thôn Giang Cách				244		Thôn Giang Cách	480	1	1				1			
12	Thôn Đắk Tâm				236					1							
13	Buôn Ol				313		Bon Ol	588	1			1		1			
14	Thôn Đắk Xuân				275					1							
15	Buôn 9				324		Buôn K62	821	1			1		1		1	
16	Buôn K62				497						1						
17	Thôn Đắk Hoa				312		Thôn Đắk Lưu	743	3			1		1			
18	Thôn Đắk Tân				62					1							
19	Thôn Đắk Lưu				179					1						1	
20	Thôn Đắk Rô				190					1							
21	Thôn Đắk Na				198		Thôn Tân Thành	400	1	1				1			
22	Thôn Đắk Ri				202					1							
23	Thôn Exa Nô				321		Thôn Exa Nô	321	0				1	1			
109	Xã Năm Nung	19.567	219,66	14	4710	7		4710	7	6	0	7	1	7	0	3	0
1	Thôn Quảng Hà				349		Thôn Quảng Hà	552	1			1		1			
2	Thôn Nam Thanh				203					1							
3	Thôn Đắk Pri				546		Bon Đắk Pri	1062	2			1		1		1	
4	Thôn Nam Hà				186						1						
5	Thôn Nam Tân				330					1							
6	Bon Yôk Ju				316		Bon Yôk Ju	745	1			1		1		1	
7	Thôn Nam Tiến				429						1						
8	Thôn Nam Dao				148		Thôn Nam Ninh	678	2					1			
9	Thôn Nam Ninh				276					1							
10	Thôn Nam Xuân				254					1							
11	Bon Ja Răh				304		Bon Ja Răh	434	0			1		1			
12	130 hộ của Bon R Cặp				130					1							
13	465 hộ Bon R Cặp				595		Bon R'Cặp	711	1			1		1		1	
14	Thôn Thanh Thái				116					1							
15	Thôn Tân Lập				528		Thôn Tân Lập	528	0				1	1			
110	Xã Quảng Phú	18.066	263,59	21	4067	11		4067	10	17	1	0	3	9	2	0	0
1	Thôn Phú Tiến				117		Thôn Phú Sơn	282	1	1					1		
2	Thôn Phú Sơn				165					1							
3	Thôn Phú Lợi				265		Thôn Phú Lợi	494	1	1				1			
4	Thôn Phú Hoà				229					1							
5	Thôn Phú Xuân				194		Thôn Phú Xuân	415	1	1				1			
6	Thôn Phú Trung				221					1							
7	Thôn Phú Hưng				196		Thôn Phú Hưng	350	1	1				1			
8	Thôn Phú Tân				154					1							
9	Thôn Phú Cường				90		Thôn Đắk Nang	446	2	1				1			
10	Thôn Đắk Nang				163					1							
11	Buôn Krue				193					1							
12	Thôn Xuyên Tân				221		Thôn Duy Xuyên	456	2	1				1			
13	Thôn Xuyên An				111					1							
14	Thôn Xuyên Nghĩa				124					1							
15	Thôn Xuyên Hải				146		Thôn Đức Xuyên	429	2	1				1			
16	Thôn Xuyên Phước				143					1							
17	Thôn Xuyên Hà				140					1							
18	Bon Choih				122		Bon Choih	122	0		1				1		
19	Thôn Phú Thịnh				355		Thôn Phú Thịnh	355	0			1		1			
20	Thôn Phú Thuận				355		Thôn Phú Thuận	355	0			1		1			
21	Thôn Phú Vinh				363		Thôn Phú Vinh	363	0			1		1			
111	Xã Đắk Song	12.826	193,19	11	3030	6		3030	5	5	0	6	0	6	0	1	0
1	Thôn 4				244		Bon BLân	447	1	1				1			
2	201 hộ Bon A3				203							1					

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
3	123 hộ Bon A3				123		Bon R Lông	333	0					1			
4	Bon R Lông				210					1							
5	Bon Bu Jri				300							1					
6	60 hộ thôn Đắc Sơn 1				60		Bon Bu Jri	360	0					1			
7	Thôn Hà Nam Ninh				191					1							
8	Thôn E29				339							1					
9	180 hộ thôn Đắc Sơn 1				180		Thôn Đắc Hòa	487	1	1				1			
10	Thôn Đắc Hòa				307							1					
11	Thôn Rừng Lạnh				218					1							
12	Thôn Tân Bình				353		Thôn Tân Bình	873	2			1		1		1	
13	Thôn Đắc Sơn				302							1					
112	Xã Thuận Hạng	20.062	129,78	18	4976	10		4976	8	15	0	1	2	10	0	1	0
1	Thôn Thuận Tân				296		Thôn Thuận Thành	735	1	1				1		1	
2	Thôn Thuận Thành				439							1					
3	Thôn 3				295		Bản Đắc Thốt	588	1	1				1			
4	Bản Đắc Thốt				293					1							
5	Thôn Thuận Nghĩa				268		Thôn Thuận Tinh	562	1	1				1			
6	Thôn Thuận Tinh				294					1							
7	Thôn Thuận Lợi				290		Thôn Thuận Lợi	553	1	1				1			
8	Thôn Thuận Hải				263					1							
9	Thôn 2				259		Thôn 2	519	1	1				1			
10	Thôn 5				260					1							
11	Thôn Thuận Bắc				225		Thôn Thuận Trung	513	1	1				1			
12	Thôn Thuận Trung				288					1							
13	Thôn Thuận Nam				225		Thôn Thuận Hoà	468	1	1				1			
14	Thôn Thuận Hoà				243					1							
15	Thôn 7				206		Thôn 7	382	1	1				1			
16	Thôn 8				176					1							
17	Bản Đầm Giỏ				339		Bản Đầm Giỏ	339	0				1	1			
18	Thôn Thuận Bình				317		Thôn Thuận Bình	317	0				1	1			
113	Xã Đức An	34.535	161,03	23	8393	12		8393	11	7	0	11	5	12	0	5	0
1	Thôn 1				339		Thôn 1	1177	2			1		1		1	
2	Thôn 2				534							1					
3	Thôn 3				304							1					
4	Thôn 4				411		Thôn 5	1146	2			1		1		1	
5	Thôn 5				449							1					
6	Thôn 12				286					1							
7	Thôn Bình An				390		Thôn 7	1203	2			1		1		1	
8	Thôn 7				413							1					
9	Thôn 8				400							1					
10	Thôn Đắc R'Mo				200		Thôn Đắc Tiên	374	1	1				1			
11	Thôn Đắc Tiên				174					1							
12	Thôn Đắc Kual				423		Thôn Đắc Kual	1011	2			1		1		1	
13	Thôn Đắc Kual 2				310							1					
14	Thôn Đắc Kual 3				278					1							
15	Bon N'Jrang Lu				227		Bon Bu N'Drung	481	1	1				1			
16	Bon Bu N'Drung				254					1							
17	Bon Bu Boong				470		Bon Bu Boong	685	1			1		1			
18	Bon Bu R'wah				215					1							
19	Thôn 9				321		Thôn 9	321	0				1	1			
20	Thôn 10				756		Thôn 10	756	0				1	1		1	
21	Thôn 11				457		Thôn 11	457	0				1	1			
22	Thôn 6				438		Thôn 6	438	0				1	1			
23	Thôn Đắc Kual 5				344		Thôn Đắc Kual 5	344	0				1	1			
114	Xã Trường Xuân	28.813	322,46	19	6926	11		6926	8	4	0	12	3	11	0	5	0
1	Bản Đắc Lép				284		Bản Đắc Lép	568	1	1				1			
2	Thôn 4				284					1							
3	Bon Jâng Plây 3				461		Bon Jâng Plây	759	1			1		1		1	
4	Thôn 8				298					1							
5	Bon Bu Păh				401		Bon Bu Păh	712	1			1		1		1	
6	Thôn 6				311							1					
7	Bon Ta Mung				292		Bon Ta Mung	684	1	1				1			
8	Thôn 1				392							1					
9	Thôn 2				363		Thôn 2	849	1			1		1		1	
10	Thôn 3				486							1					
11	Thôn 5				390		Thôn 1	729	1			1		1		1	
12	Thôn 7				339							1					
13	Thôn 10				303		Thôn 4	652	1			1		1			
14	Thôn 11				349							1					
15	Thôn 9				302		Thôn 3	720	1			1		1		1	
16	Thôn 12				418							1					
17	Bon Păng Sim				309		Bon Păng Sim	309	0				1	1			
18	Bon N'Jang Bơ				455		Bon N'Jang Bơ	455	0				1	1			
19	Bon Ding Plei				489		Bon Ding Plei	489	0				1	1			
115	Xã Quảng Sơn	22.976	454,22	13	5330	7		5330	6	7	0	5	1	6	1	4	0
1	Thôn Quảng Tiến				590		Bon N'Ting	1226	1			1		1		1	
2	Bon N'Ting				636							1					

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
3	Thôn Quảng Hợp				564		Bon N'Doh	849	1			1		1		1	
4	Bon N'Doh				285					1							
5	Bon Rlong Pe				295		Bon Rlong Phe	553	1	1				1			
6	Bon Bu Sir				258					1							
7	Bon Phi Glê				477		Bon Sa Nar	989	1			1		1		1	
8	Bon Sa Nar				512							1					
9	Thôn 4				162		Thôn Sơn Hà	234	1	1					1		
10	Thôn 5				72					1							
11	Thôn Đắc SNaο				223		Thôn Đắc Snaο	507	1	1				1			
12	Thôn Đắc SNaο2				284					1							
13	Bon R'Bút				972		Bon R'Bút	972	0			1		1		1	
116	Xã Quảng Hòa	9.138	85,44	7	1871	6		1871	1	4	0	1	2	6	0	0	0
1	Thôn 7				130		Thôn 2	310	1	1				1			
2	Thôn 8				180					1							
3	Thôn 9				235		Thôn 3	311	1	1				1			
4	Thôn 10				76					1							
5	Thôn 11				307		Thôn 4	307	0			1		1			
6	Thôn 12				623		Thôn 5	308	0			1		1			
							Thôn 6	315	0					1			
7	Thôn 6				320		Thôn 1	320	-1			1		1			
117	Xã Tà Đùng	24.170	531,33	16	4493	8		4493	8	12	0	4	0	8	0	1	0
1	Thôn 1				333		Thôn Đắc Nang 1	637	1	1		1		1			
2	Thôn 4				254							1					
3	1 phần - thôn 7				50							1					
4	Thôn 2				268		Thôn Đắc Nang 2	515	1	1				1			
5	Thôn 3				247					1							
6	Thôn 5				292		Thôn Đắc R' Măng 2	585	1	1				1			
7	Thôn 6				293					1							
8	Bon Pang Xuôi				255		Thôn Đắc R' Măng 3	414	1	1				1			
9	Bon Rơ Sông				159					1							
10	Bon Sa Nar				134		Thôn Đắc R' Măng 4	361	1	1				1			
11	Bon Sa Ú				227					1							
12	Bon B' Nơ				352		Thôn Đắc Som 1	594	1			1		1			
13	Bon Pang So				242					1							
14	Bon B' Srê B				322		Thôn Đắc Som 2	824	2			1		1		1	
15	Bon B' Srê A				223					1							
16	Bon B' Dong				279					1							
17	1 phần Thôn 7				563		Thôn Đắc R' Măng 1	563	0					1			
118	Xã Quảng Khê	18.795	224,29	17	4783	10		4783	7	12	0	1	4	10	0	0	0
1	Bon Ka La Dong				228		Bon Ka La Dong	433	1	1				1			
2	Bon Sa Diêng				205					1							
3	Bon Ka La Yu				264		Bon Ka La Yu	464	1	1				1			
4	Bon R' Dạ				200					1							
5	Thôn Quảng Long				385		Bon B' Dong	540	1			1		1			
6	Bon B' Dong				155					1							
7	Thôn Đắc Lang				245		Thôn Đắc Lang	447	1	1				1			
8	Thôn Tân Tiến				202					1							
9	Bon B' Nom Păng Rảnh				288		Bon Đắc Plao	693	2	1				1			
10	Bon B' Plào				120					1							
11	Bon B' Tong				285					1							
12	Thôn 4				166		Thôn 5	368	1	1				1			
13	Thôn 5				202					1							
14	Bon Phi Mư				496		Bon Phi Mư	496	0			1		1			
15	Bon Ka Nur				688		Bon Ka Nur	688	0			1		1			
16	Bon Ka La Dạ				314		Bon Ka La Dạ	314	0			1		1			
17	Bon Sa Ú Dru				340		Bon Sa Ú Dru	340	0			1		1			
119	Xã Quảng Trưc	11.311	558,78	11	3013	11		3013	0	0	8	0	3	3	8	1	0
1	Bon Bu Prăng 1				103		Bon Bu Prăng 1	103	0		1				1		
2	Bon Bu Prăng 2				116		Bon Bu Prăng 2	116	0		1				1		
3	Bon Bu Prăng 1A				141		Bon Bu Prăng 1A	141	0		1				1		
4	Bon Bu Prăng 2A				109		Bon Bu Prăng 2A	109	0		1				1		
5	Bon Bu Gia				214		Bon Bu Gia	214	0		1				1		
6	Bon Bu Nung				96		Bon Bu Nung	96	0		1				1		
7	Bon Bu Krăk				174		Bon Bu Krăk	174	0		1				1		
8	Bon Bu Lum				437		Bon Bu Lum	437	0			1		1			
9	Bon Bu Sóp				297		Bon Bu Sóp	297	0		1				1		
10	Bon Bu Dă				565		Bon Bu Dă	565	0			1		1			
11	Bon Đăk Huýt				761		Bon Đăk Huýt	761	0			1		1		1	
120	Xã Quảng Tân	32.745	294,18	34	7700	15		7700	19	27	0	4	3	15	0	2	0
1	Thôn Đăk K'Rung				217		Thôn Đăk Krun	511	2	1				1			
2	Thôn Đăk Suon				121					1							
3	Thôn Đăk R'Tăng				173					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
4	Thôn Đắc Mrang				127		Thôn Đắc Mrê	577	2	1				1			
5	Thôn Đắc Mrê				263					1							
6	Bon Mê Ra				187					1							
7	Thôn 4				200		Thôn 4	442	1	1				1			
8	Thôn 8				242					1							
9	Thôn 7				219		Thôn 7	388	1	1				1			
10	Bon Đắc N'Jút				169					1							
11	Thôn 1A				254					1							
12	Bon Bu NDrong A				166		Thôn 1	743	3	1				1		1	
13	Thôn 3A				181					1							
14	Thôn 9				142					1							
15	Thôn 10				225		Thôn 10	324	1	1				1			
16	Bon Bu NDrong B				99					1							
17	Bon Ja Lú A				380		Bon Ja Lú	694	1			1		1			
18	Bon La Lú B				314							1					
19	Thôn Đắc Qoueng				126		Thôn 11	431	2	1				1			
20	Thôn 11				145					1							
21	Bon Jâng Kriêng				160					1							
22	Thôn 1				119		Bon Phi Lơ Te 1	443	1	1				1			
23	Bon Phi Lơ Te 1				324							1					
24	Bon Phi Lơ Te				210		Bon Phi Lơ Te	439	2	1				1			
25	Thôn 2				114					1							
26	Thôn 3				115					1							
27	Bản Si Át				224		Bản Giang Châu	669	2	1				1			
28	Bản Giang Châu				276					1							
29	Bản Sín Chải				169					1							
30	Bản Tân Lập				310		Bản Tân Lập	449	1			1		1			
31	Bản Ninh Hòa				139					1							
32	Thôn Tân Bình				436		Thôn Tân Bình	436	0				1	1			
33	Bản Đoàn Kết				437		Bản Đoàn Kết	437	0				1	1			
34	Bon Đięng Đu				717		Bon Đięng Đu	717	0				1	1		1	
121	Xã Tuy Đức	36.298	265,98	28	8171	18		8171	10	15	3	4	6	15	3	3	0
1	Thôn 7				140		Thôn 7	353	1	1				1			
2	Thôn 9				213					1							
3	Thôn 5				176		Thôn 5	486	1	1				1			
4	Thôn 6				310							1					
5	Thôn 1				244		Thôn 1	757	1	1				1		1	
6	Thôn 3				513							1					
7	Bon R'Muôn				136		Bon Đắc R'Tiê	314	1	1				1			
8	Bon Đięng Ngaiê				178					1							
9	Bon Ja Lú				151		Bon Ja Lú	363	1	1				1			
10	Bon Bu MLanh A				212					1							
11	Thôn 2A				251		Thôn Đoàn Kết	750	2	1				1		1	
12	Thôn Đoàn Kết				273					1							
13	Thôn Nam Hà				226					1							
14	Thôn Đoàn Văn				252		Bon Bu MLanh	429	1	1				1			
15	Bon Bu MLanh B				177					1							
16	Thôn 8				209		Bon Đắc Búk So	433	1	1				1			
17	Bon Bu NDRung				224					1							
18	Thôn 2				603		Thôn 2	910	1			1		1		1	
19	Thôn 4				307							1					
20	Thôn Quảng Tâm				536		Thôn Quảng Tâm	536	0				1	1			
21	Bon Bu N'Dor B				486		Bon Bu N'Dor B	486	0				1	1			
22	Bon Bu Dong				352		Bon Bu Dong	352	0				1	1			
23	Bon Bu Đách				270		Bon Bu Đách	270	0		1				1		
24	Bon Bu Kóh				217		Bon Bu Kóh	217	0		1				1		
25	Bon Bu N'Dor A				272		Bon Bu N'Dor A	272	0		1				1		
26	Thôn Tuy Đức				391		Thôn Tuy Đức	391	0				1	1			
27	Bon Mê Ra				522		Bon Mê Ra	522	0				1	1			
28	Bon Bu Boong				330		Bon Bu Boong	330	0				1	1			
122	Xã Kiến Đức	38.098	167,62	34	11686	17		11686	17	17	3	12	2	14	3	7	0
1	Thôn 1				1000		Thôn 1	1455	1			1		1	0	1	
2	Thôn 7				455							1					
3	Thôn 3				631		Thôn 3	969	1			1		1	0	1	
4	Thôn 4				338							1					
5	Thôn 5				682		Thôn 5	1041	2			1		1	0	1	
6	Thôn 17				252					1							
7	Thôn Quảng Sơn				107					1							
8	Thôn 6				865		Thôn 6	1058	1			1		1	0	1	
9	Thôn 10				193					1							
10	Thôn 9				402		Thôn 9	542	1			1		1	0		
11	Thôn 11				140					1							
12	Thôn 12				148		Thôn 13	724	2	1				1	0	1	
13	Thôn 13				396							1					
14	Thôn Bù Đốp				180					1							
15	Thôn 8				178		Thôn 16	668	2	1				1	0		
16	Thôn 15				156					1							
17	Thôn 16				334							1					

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
18	Thôn Quảng Chánh				426		Thôn Quảng Chánh	696	0			1		1	0		
19	Thôn Quảng Trung				270					1							
20	Thôn Quảng Thuận				379							1					
21	Thôn Quảng Lợi				194		Thôn Quảng Thuận	777	1	1				1	0	1	
22	Thôn Quảng Tiến				204					1							
23	Thôn Quảng Hòa				202					1							
24	Thôn Quảng Thọ				163		Thôn Quảng Thành	621	2	1				1	0		
25	Thôn Quảng Thành				256					1							
26	Thôn Quảng Phước				292					1							
27	Thôn Quảng Đạt				364		Thôn Quảng Phước	656	1			1		1	0		
28	Thôn Quảng An				283					1							
29	Thôn Quảng Lộc				206		Thôn Quảng Lộc	489	1	1				1	0		
30	Bon Đắk B' Lao				285		Bon Đắk B' Lao	285	0		1			0	1		
31	Bon BuZaRah				160		Bon BuZaRah	160	0		1			0	1		
32	Thôn 2				900		Thôn 2	900	0			1		1	0	1	
33	Thôn Quảng Bình				490		Thôn Quảng Bình	490	1			1		1	0		
34	Thôn 14				155		Thôn 14	155	1		1			0	1		
123	Xã Quảng Tín	35.865	310,17	42	8341	22		8341	20	36	1	2	3	20	2	0	0
1	Thôn 1				128		Thôn 1	423	1	1				1			
2	Thôn 2				295					1							
3	Thôn 8				121					1							
4	174 hộ Thôn 10				174		Thôn 2	494	2	1				1			
5	199 hộ Thôn 3				199					1							
6	65 hộ Thôn 3				65												
7	60 hộ thôn 10				60		Thôn 3	371	0					1			
8	246 hộ Thôn 4				246					1							
9	Thôn 6				223					1							
10	Thôn 9				107		Thôn 4	545	2	1				1			
11	34 hộ thôn 4				34												
12	Thôn Sadaco				181					1							
13	Thôn 5				315							1					
14	Thôn Tân Lợi				301		Thôn 5	616	1			1		1			
15	Thôn Tân Phú				247												
16	Thôn Tân Bình				197		Thôn 6	444	1	1				1			
17	Bon Bu Sê rê II				45					1							
18	Thôn Châu Thành				277		Thôn 8	322	1	1				1			
19	Thôn Tân Tiến				207					1							
20	Thôn Đoàn Kết				147		Thôn 9	354	1	1				1			
21	185 hộ Thôn Tân Lập				185					1							
22	Thôn Đắk Ru 8				294		Thôn 10	479	1	1				1			
23	79 hộ Thôn Đắk Sin 7				79					1							
24	Thôn Đắk Sin 12				196		Thôn 11	446	2	1				1			
25	Thôn Đắk Sin 16				171					1							
26	113 hộ Thôn Đắk Sin 11				113					1							
27	Thôn Đắk Sin 13				121		Thôn 12	326	1	1				1			
28	60 hộ thôn Tân Lập				60												
29	07 hộ thôn Hưng Bình 2				7					1							
30	25 hộ thôn Đắk Sin 7				25												
31	Thôn Đắk Sin 4				147					1							
32	Thôn Đắk Sin 10				137		Thôn 13	301	1	1				1			
33	17 hộ thôn Đắk Sin 11				17												
34	Thôn Đắk Sin 1				115		Thôn 15	300	1	1				1			
35	185 hộ Thôn Đắk Sin 2				185					1							
36	Thôn Đắk Sin 5				288		Thôn 16	300	0	1				1			
37	12 hộ thôn Đắk Sin 2				12												
38	Thôn Hưng Bình 5				98					1							
39	138 hộ thôn Hưng Bình 2				138		Thôn 17	459	2					1			
40	Thôn Hưng Bình 6				223					1							
41	Thôn Hưng Bình 1				200					1							
42	62 hộ thôn Hưng Bình 2				62		Thôn 18	374	1					1			
43	Thôn Hưng Bình 3				112					1							
44	Bon Bù Bìr				122					1					1		
45	Đảng K'Liêng				70		Bon Bù Bìr	192	1	1							
46	Bon Ol Butung				238					1							
47	Bù Đách				128		Bon Ol Butung	366	1	1				1			
48	Thôn Đắk Ru 6				355		Thôn 7	355	0			1		1			
49	Thôn Đắk Sin 3				354		Thôn 14	354	0			1		1			
50	Bon Bu Sê Rê I				347		Bon Bu Sê Rê I	347	0			1		1			
51	Bon Châu Mạ				173		Bon Châu Mạ	173	0		1				1		
124	Xã Nhân Cơ	29.175	158,05	28	7814	14		7814	14	14	3	10	1	11	3	3	0
1	Thôn 1				409		Thôn 1	576	1			1		1			
2	Thôn 16				167					1							
3	Thôn 3				577							1					
4	Thôn 7				511		Thôn 3	1596	2			1		1		1	
5	Thôn 11				508							1					
6	Thôn 4				119					1							
7	Thôn 6				148		Thôn 4	408	2	1				1			
8	Thôn 17				141					1							

STT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số (người)	Quy mô diện tích (km ²)	Số thôn/ TDP trước sắp xếp	Số hộ trước sắp xếp	Số thôn/ TDP sau sắp xếp	Tên thôn, tổ dân phố dự kiến sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Số thôn, TDP giảm sau sắp xếp	Thôn/TDP không đảm bảo điều kiện		Thôn/TDP đảm bảo điều kiện		Sau sắp xếp			
										Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thực hiện sắp xếp	Không thực hiện sắp xếp	Thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn	Thôn trên 700 hộ	Tổ dân phố trên 1000 hộ
9	123 hộ Thôn 13				123		Thôn 6	417	1	1				1			
10	Thôn 19				294					1							
11	Thôn 2				391		Thôn 2	892	2			1		1		1	
12	Thôn 21				287					1							
13	Thôn 23				164					1							
14	50 hộ Thôn 13				50												
15	Thôn 14				290		Thôn 9	720	1	1				1		1	
16	Thôn 9				430							1					
17	Thôn 10				125		Thôn 10	692	2	1				1			
18	Thôn 20				381							1					
19	Thôn 18				186					1							
20	Thôn 22				162		Thôn 7	422	2	1				1			
21	Thôn 24				132					1							
22	Thôn 25				128					1							
23	Thôn 5				374		Thôn 5	624	1			1		1			
24	250 hộ Thôn 12				250							1					
25	Thôn 8				413		Thôn 8	570	0			1		1			
26	157 hộ Thôn 12				157												
27	Thôn 15				336		Thôn 11	336	0			1	1				
28	Bon Bu Dấp				229		Bon Bu Dấp	229	0		1				1		
29	Bon Pi Nao				125		Bon Pi Nao	125	0		1				1		
30	Bon Bu N'doh				207		Bon Bu N'doh	207	0		1				1		